

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1 NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ, XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH VÀ MỘT SỐ LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH TRONG DOANH NGHIỆP	4
1.1 Những vấn đề lý luận chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.	4
1.1.1 Sự cần thiết phải tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	4
1.1.2 Vai trò của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.	5
1.1.3 Yêu cầu, nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	6
1.1.4 Một số khái niệm, thuật ngữ liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	7
1.1.5. Bán hàng và các phương thức bán hàng trong doanh nghiệp.	10
1.2. Tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	12
1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu. ..	12
1.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán	22
1.2.3. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	27
1.2.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính	31
1.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác.....	35
1.2.6 Kế toán xác định thuế TNDN	39
1.2.7. Kế toán xác định kết quả kinh doanh	40
1.3. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.	41
1.4 Một số lý luận cơ bản về quản lý tài chính tại doanh nghiệp.....	44
1.4.1. Giới thiệu chung về quản lý tài chính.	44
1.4.2 Đánh giá tình hình tài chính của doanh nghiệp thông qua việc phân tích các chỉ số tài chính.....	44
CHƯƠNG 2 THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY	48
CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN THANH CHƯƠNG	48
2.1 Khái quát về Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Thanh Chương	48
2.1.1 Quá trình thành lập và phát triển.....	48

2.1.2 Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Thanh Chương	48
2.1.2.1 Đặc điểm sản xuất kinh doanh	48
2.1.2.2 Những thuận lợi, khó khăn và những thành tích đã đạt được của doanh nghiệp trong quá trình hình thành và phát triển	49
2.1.3 Cơ cấu bộ máy qly của Cty Cổ phần Đầu tư và phát triển Thanh Chương	50
2.1.4 Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán của công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Thanh Chương	52
2. 1.4.3 Chế độ kế toán áp dụng tại công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Thanh Chương	54
2.1.4.4 Tổ chức vận dụng chứng từ kế toán tại công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Thanh Chương	55
2.1.4.5 Tổ chức vận dụng hệ thống tài khoản kế toán tại công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Thanh Chương	56
2.1.4.6 Tổ chức vận dụng chế độ sổ kế toán tại công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Thanh Chương.	56
2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Thanh Chương.	59
2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ tại công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Thanh Chương	59
2.2.2 Kế toán giá vốn hàng bán tại công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Thanh Chương	77
2.2.3 Thực trạng công tác kế toán chi phí Quản lý kinh doanh tại công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Thanh Chương.	88
2.2.4. Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính tại công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Thanh Chương.	100
2.2.5 Kế toán thu nhập khác, chi phí khác tại công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Thanh Chương	108
2.2.6 Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Thanh Chương.	116
CHƯƠNG 3.ĐỀ XUẤT MỘT SỐ Ý KIẾN HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH NHẪM TĂNG CƯỜNG QUẢN LÝ TÀI CHÍNH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN THANH CHƯƠNG	126

3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Thanh Chương.	126
3.1.1. <i>Ưu điểm</i>	126
3.1.2. <i>Nhược điểm</i>	128
3.2 Phân tích, đánh giá các chỉ số trong quản lý tài chính tại công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Thanh Chương	129
3.2.1 <i>Nhóm chỉ tiêu khả năng sinh lời.</i>	129
3. 3. Đề xuất một số ý kiến hoàn thiện công tác kế toán hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm tăng cường quản lý tài chính tại Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Thanh Chương.	134
3.3.1. <i>Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh</i>	134
3.2.2. <i>Nguyên tắc của việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.</i>	135
3.3.3. <i>Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Thanh Chương.</i>	136
KẾT LUẬN	143

LỜI MỞ ĐẦU

LÝ DO CHỌN ĐỀ TÀI

Không thể phủ nhận rằng thị trường kinh doanh hiện nay đang ngày một mở rộng hơn, cùng với cơ chế quản lý kinh doanh đổi mới theo yêu cầu cạnh tranh, một mặt mang lại những lợi ích dài hạn giúp các doanh nghiệp phát triển, mặt khác sẽ là thách thức không nhỏ đối với khả năng của doanh nghiệp, buộc các doanh nghiệp phải tổ chức lại cơ cấu sản xuất, chuyển dịch đầu tư và điều chỉnh các hoạt động cho phù hợp với những biến động của môi trường kinh doanh.

Khi bắt tay vào xây dựng các chiến lược sản xuất kinh doanh, một vấn đề quan trọng mà không một doanh nghiệp nào được phép bỏ qua là phải tính đến việc quản lý các yếu tố tài chính, xem xét đến hiệu quả của vốn đầu tư, và ước tính lợi nhuận và hiệu quả kinh doanh. Có thể nói, tri thức đóng một vai trò quan trọng trong quản lý tài chính trong đầu tư và kinh doanh, đó là những kiến thức cơ bản về quản lý tài chính mà nếu không có thì người quyết định không thể nào nhận ra được tình hình thực tế của những dự án đầu tư của các kế hoạch kinh doanh cũng như thực trạng hoạt động của doanh nghiệp.

Mặt khác công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong việc quản lý tài chính, nó giúp cho nguồn vốn của doanh nghiệp lưu thông dễ dàng hơn, và hiệu quả sử dụng vốn cao hơn. Hay nói cách khác, quản lý tài chính quyết định đến khả năng sinh lời cũng như khả năng tồn tại của hầu hết các doanh nghiệp không kể là quy mô lớn hay nhỏ. Nhưng trên thực tế tại công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Thanh Chương vẫn chưa coi trọng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh dẫn đến việc quản lý tài chính gặp nhiều khó khăn. Cụ thể là việc tốc độ tăng lợi nhuận của doanh nghiệp đang có xu hướng giảm dần.

Đứng trước tình hình kinh tế hiện tại của đất nước nói chung, và của công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Thanh Chương nói riêng, em đã tìm hiểu và quyết định nghiên cứu sâu đề tài “ Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm tăng cường quản lý tài chính tại công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Thanh Chương”

Ngoài phần mở đầu và kết luận, bài nghiên cứu của em gồm 3 chương :

- ***Chương 1 : Lý luận cơ bản về công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh và một số lý luận về quản lý tài chính trong doanh nghiệp.***
- ***Chương 2 : Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Thanh Chương.***
- ***Chương 3 : Đề xuất một số ý kiến hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm tăng cường quản lý tài chính tại công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Thanh Chương.***

MỤC ĐÍCH NGHIÊN CỨU CỦA ĐỀ TÀI

- Tìm hiểu những vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán doanh thu, chi phí và XKQKD tại các doanh nghiệp, tổng quan về quản lý tài chính tại các doanh nghiệp.
- Phân tích thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Thanh Chương.
- Đánh giá, phân tích tình hình tài chính của công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Thanh Chương, những ưu điểm, hạn chế trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh để đưa ra các giải pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm tăng cường quản lý tài chính tại công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Thanh Chương.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

- Phương pháp quan sát, tổng hợp.
- Phương pháp so sánh
- Hỏi ý kiến chuyên gia
- Phương pháp nghiên cứu và kế thừa thành tựu
- Và các kỹ thuật nghiệp vụ cơ bản sử dụng trong kế toán quản trị như : thiết kế thông tin dưới dạng so sánh được, phân loại chi phí đáp ứng các mục tiêu cụ thể, trình bày thông tin dưới dạng phương trình, mô hình và đồ thị.

NHỮNG ĐÓNG GÓP CỦA ĐỀ TÀI

1. Đóng góp về mặt khoa học, phục vụ công tác đào tạo :

Là tài liệu tham khảo cho giảng viên, sinh viên và những đối tượng quan tâm khác để nhằm phục vụ cho một số mục đích nghiên cứu.

2. Những đóng góp liên quan đến phát triển kinh tế :

Những giải pháp cụ thể đưa ra trong công trình nghiên cứu sẽ góp phần hoàn thiện công tác kế toán nói chung, công tác kế toán doanh thu, chi phí nói riêng nhằm tăng cường quản lý tài chính tại công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Thanh Chương.

Do thời gian có hạn, tài liệu nghiên cứu không thật đầy đủ nên đề tài không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được những nhận xét và ý kiến đóng góp để đề tài của em có ý nghĩa thực tiễn cao hơn.

Em xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ, hướng dẫn nhiệt tình của cô giáo Thạc sỹ **Lê Thị Nam Phương** và sự tạo điều kiện, giúp đỡ của lãnh đạo công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Thanh Chương , các nhân viên phòng kế toán, phòng kinh doanh... để em hoàn thành đề tài này.

Sinh viên

Trần Thị Sứy

CHƯƠNG 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ, XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH VÀ MỘT SỐ LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH TRONG DOANH NGHIỆP

1.1 Những vấn đề lý luận chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.1.1 Sự cần thiết phải tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, vấn đề mà các doanh nghiệp luôn phải quan tâm là làm thế nào để hoạt động kinh doanh có hiệu quả nhất; và lợi nhuận là thước đo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp, các yếu tố liên quan trực tiếp đến việc xác định lợi nhuận là doanh thu, chi phí. Do đó doanh nghiệp cần kiểm tra doanh thu, chi phí để đạt được kết quả cao nhất.

Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm gia tăng vốn chủ sở hữu. Doanh thu là một khâu trong quá trình bán hàng, là giai đoạn cuối cùng của giai đoạn kinh doanh, nó có ý nghĩa rất quan trọng với doanh nghiệp thương mại, dịch vụ vì nó giúp doanh nghiệp thu hồi vốn để tiếp tục quá trình kinh doanh tiếp theo.

Đồng thời các doanh nghiệp cũng luôn quan tâm đến quản lý chi phí, bởi nếu chi phí không hợp lý, không đúng với thực chất của nó thì đều gây ra những khó khăn trong quản lý và đều làm giảm lợi nhuận của doanh nghiệp. Vì vậy vấn đề quan trọng đặt ra cho các nhà quản lý là phải kiểm soát được chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Kết quả kinh doanh là biểu hiện số tiền lãi hay lỗ từ hoạt động sản xuất kinh doanh trong một thời kỳ nhất định, gọi là kỳ kế toán và thường tính bằng một năm.

Khi quá trình kinh doanh hoàn thành, doanh nghiệp xác định kết quả kinh doanh trên cơ sở so sánh tổng doanh thu thu được và tổng chi phí phát sinh trong quá trình kinh doanh. Kết quả kinh doanh có thể lãi hoặc lỗ, nếu lỗ sẽ được xử lý bù đắp theo chế độ và quy định của cấp có thẩm quyền, nếu lãi được phân phối và sử dụng theo đúng mục đích phù hợp với quy chế tài chính quy định cho từng loại doanh nghiệp cụ thể.

Việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh một cách khoa học, hợp lý và phù hợp với điều kiện cụ thể của doanh nghiệp có ý nghĩa quan trọng trong việc thu thập, xử lý và cung cấp thông tin cho chủ doanh nghiệp, giám đốc điều hành, cơ quan chủ quản, quản lý tài chính, thuế...để lựa chọn phương án kinh doanh có hiệu quả, giám sát việc chấp hành chính sách, chế độ kinh tế, tài chính, chính sách thuế...

Như vậy, hệ thống kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng đóng vai trò quan trọng trong việc tập hợp ghi chép các số liệu về tình hình hoạt động của doanh nghiệp, qua đó cung cấp được các thông tin cần thiết giúp cho chủ doanh nghiệp có thể phân tích đánh giá và lựa chọn phương án kinh doanh, phương án đầu tư có hiệu quả nhất.

1.1.2 Vai trò của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Doanh thu có vai trò hết sức quan trọng không chỉ đối với sự tồn tại và phát triển của bản thân doanh nghiệp thương mại dịch vụ mà còn đối với sự phát triển chung của toàn nền kinh tế, đặc biệt là nền kinh tế thị trường. Để đạt được doanh lợi ngày càng cao, các doanh nghiệp phải xây dựng cho mình kế hoạch kinh doanh, trong đó phải tính đầy đủ, chính xác các khoản chi phí và kết quả đạt được. Tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một công cụ quan trọng trong quản lý và điều hành có hiệu quả các hoạt động của doanh nghiệp trong quá trình kinh doanh.

Thông tin mà kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cung cấp giúp nhà quản trị doanh nghiệp nắm được tình hình thực hiện kế toán doanh thu của doanh nghiệp về loại hình, số lượng, chất lượng, giá cả, thời hạn thanh toán; kiểm tra tình hình thực hiện các dự toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí hoạt động tài chính và chi phí khác, xác định kết quả kinh doanh của đơn vị. Trên cơ sở đó đưa ra những biện pháp định hướng cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ tiếp theo, hoàn thiện hoạt động kinh doanh, hoạt động quản lý, tiết kiệm chi phí, tăng doanh thu.

Thông tin mà kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cung cấp giúp Nhà nước (Cơ quan thuế, cơ quan chức năng, cơ quan thống kê...) kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với nhà nước của các doanh nghiệp, từ đó đưa ra các

chính sách thích hợp nhằm phát triển toàn diện nền kinh tế quốc dân.

Thông tin mà kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cung cấp là mối quan tâm của những người có lợi ích trực tiếp liên quan đến tình hình kinh doanh của doanh nghiệp như các nhà đầu tư, nhà cung ứng, các chủ nợ...Đó là cơ sở để các đối tượng này nắm bắt được tình hình kinh doanh của doanh nghiệp, kịp thời đưa ra các quyết định kinh doanh có lợi nhất cho mình.

Những phân tích trên cho thấy kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có vai trò hết sức quan trọng trong việc thu thập, xử lý và cung cấp thông tin cho các đối tượng có nhu cầu sử dụng thông tin, giúp các đối tượng này đưa ra các quyết định kinh doanh một cách phù hợp và kịp thời. Do đó, việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh một cách khoa học và hợp lý là điều vô cùng cần thiết và có ý nghĩa lớn trong việc cung cấp thông tin kinh tế kịp thời, chính xác, góp phần phát huy đầy đủ vai trò của hạch toán kế toán nói chung trong quản lý kinh tế tài chính ở doanh nghiệp.

1.1.3 Yêu cầu, nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

- *Yêu cầu quản lý đối với doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh*
 - Quản lý doanh thu là quản lý quá trình bán hàng, tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ. Yêu cầu đặt ra là phải quản lý kế hoạch và thực hiện kế hoạch tiêu thụ đối với từng thời kỳ, từng khách hàng và từng hợp đồng kinh tế.
 - Phải giám sát chặt chẽ hàng hóa tiêu thụ trên tất cả các phương diện về số lượng và chất lượng.
 - Phải quản lý chặt chẽ tình hình thanh toán của khách hàng, yêu cầu thanh toán đúng hình thức và thời gian đã thỏa thuận, tránh mất mát, ứ đọng vốn.
 - Tránh hiện tượng mất mát, hư hỏng, tham ô, lãng phí, kiểm tra tính hợp lý của các khoản chi phí đồng thời phân bổ chính xác cho đúng hàng bán để xác định kết quả kinh doanh.
- *Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh*

Để đáp ứng tốt yêu cầu quản lý về tình hình tiêu thụ hàng hóa, hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp thì kế toán doanh thu phải thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

- Quản lý sự vận động của từng loại hình dịch vụ theo chỉ tiêu số lượng, chất lượng và giá trị
- Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu và các chi phí cho từng hoạt động trong doanh nghiệp đồng thời theo dõi và đôn đốc các khoản phải thu của khách hàng
- Phản ánh và tính toán chính xác kết quả của từng hoạt động, giám sát tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước và tình hình phân phối kết quả các hoạt động
- Cung cấp các thông tin kế toán phục vụ cho việc lập Báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh tế liên quan đến quá trình xác định kết quả kinh doanh.

1.1.4 Một số khái niệm, thuật ngữ liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

1.1.4.1. Một số khái niệm, thuật ngữ liên quan đến doanh thu.

a. Các loại doanh thu

Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

Doanh thu phát sinh từ giao dịch được xác định bởi thỏa thuận giữa doanh nghiệp với bên mua hoặc bên sử dụng tài sản, nó được xác định bằng giá trị hợp lý của các khoản đã thu được hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bị trả lại. Trong đó, giá trị hợp lý là giá trị tài sản có thể trao đổi hoặc giá trị một khoản nợ được thanh toán một cách tự nguyện giữa các bên có đầy đủ hiểu biết trong sự trao đổi ngang giá.

-Doanh thu cung cấp dịch vụ: là toàn bộ số tiền thu được, hoặc sẽ thu được từ giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả những khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán(nếu có).

-Doanh thu thuần: là tổng các khoản thu nhập mang lại từ doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (TK 511), Doanh thu nội bộ (TK 512) sau khi đã trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm: thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán và thuế giá trị gia tăng đầu ra phải nộp nhà nước đối với doanh nghiệp nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp.

-*Doanh thu tiêu thụ nội bộ*: là số tiền thu được do bán hàng hóa, sản phẩm, cung cấp dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc một công ty, tổng công ty.

-*Doanh thu hoạt động tài chính*: là doanh thu từ tiền lãi. Tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp đã được coi là thực hiện trong kỳ, không phân biệt doanh thu đã thu được hay sẽ thu được tiền.

-*Thu nhập khác*: là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

-*Thời điểm ghi nhận doanh thu*: là thời điểm chuyển giao quyền sở hữu về sản phẩm, hàng hóa, lao vụ từ người bán sang người mua. Nói cách khác, thời điểm ghi nhận doanh thu là thời điểm mà người mua trả tiền cho người bán hay người mua chấp nhận thanh toán số sản phẩm hàng hóa, dịch vụ mà người bán đã chuyển giao

b. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu như chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại, thuế giá trị gia tăng nộp theo phương thức trực tiếp, thuế xuất khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, được tính vào doanh thu ghi nhận ban đầu, để xác định doanh thu thuần, làm cơ sở để tính kết quả kinh doanh trong kỳ.

- *Chiết khấu thương mại*: là số tiền doanh nghiệp đã giảm trừ hoặc đã thanh toán cho khách hàng do việc khách hàng đã mua hàng hóa, dịch vụ với khối lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi nhận trên hóa đơn kinh tế mua bán hoặc cam kết mua bán hàng hóa.

- *Giảm giá hàng bán* : là số tiền giảm trừ cho người mua trên giá bán đã thỏa thuận do các nguyên nhân thuộc về người bán như hàng kém phẩm chất, không đúng quy cách, hàng giao không đúng thời hạn theo quy định trong hợp đồng .

- *Hàng bán bị trả lại*: là số tiền mà doanh nghiệp phải trả lại cho khách hàng vì số hàng đã được coi là tiêu thụ nhưng người mua trả lại và từ chối thanh toán do các nguyên nhân như sai quy cách, chất lượng không đảm bảo...

- *Thuế tiêu thụ đặc biệt*: là thuế đánh vào những mặt hàng hóa, dịch vụ mà không phục vụ thiết yếu cho đời sống người dân lao động.

- *Thuế xuất khẩu*: là thuế đánh vào những mặt hàng được xuất ra nước ngoài theo quy định.

-Thuế giá trị gia tăng của doanh nghiệp nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp: là thuế tính trên giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất đến tiêu dùng. Thuế giá trị gia tăng của doanh nghiệp phải nộp theo phương pháp trực tiếp tương ứng với số doanh thu đã được xác định trong kỳ.

1.1.4.2. Một số khái niệm, thuật ngữ liên quan đến chi phí

a. Khái niệm về chi phí trong doanh nghiệp

Chi phí của doanh nghiệp là toàn bộ các khoản chi phí cho hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động khác và các khoản thuế gián thu mà doanh nghiệp phải bỏ ra để thực hiện các hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định.

b. Các loại chi phí trong doanh nghiệp

- *Giá vốn hàng bán:* là trị giá vốn của sản phẩm, vật tư, hàng hóa, lao vụ, dịch vụ tiêu thụ trong kỳ. Khi hàng hóa đã tiêu thụ và được phép xác định doanh thu thì đồng thời trị giá hàng xuất bán cũng được phản ánh theo giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh.

- *Chi phí bán hàng:* là toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ trong thời kỳ theo quy định của chế độ tài chính.

- *Chi phí quản lý doanh nghiệp:* là toàn bộ chi phí phát sinh liên quan đến công việc hành chính, quản trị ở phạm vi toàn doanh nghiệp.

- *Chi phí hoạt động tài chính:* là những chi phí liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính và các nghiệp vụ mang tính chất tài chính của doanh nghiệp.

- *Chi phí khác:* là các khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp.

1.1.4.3. Xác định kết quả kinh doanh

Kết quả sản xuất kinh doanh là kết quả cuối cùng của doanh nghiệp đạt được trong một thời kỳ nhất định do các hoạt động sản xuất kinh doanh và do hoạt động khác mang lại được biểu hiện thông qua chỉ tiêu lãi hoặc lỗ. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản

lý doanh nghiệp.

- Kết quả hoạt động tài chính là chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí tài chính.

- Kết quả hoạt động khác là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác.

1.1.5. Bán hàng và các phương thức bán hàng trong doanh nghiệp.

Bán hàng là quá trình các doanh nghiệp thực hiện việc chuyển hóa vốn sản xuất kinh doanh của mình từ hình thái hàng hóa sang hình thái tiền tệ và hình thành kết quả bán hàng, đây là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh của mỗi doanh nghiệp. Như vậy, bán hàng là thực hiện mục đích của sản xuất và tiêu dùng, đưa hàng hóa từ nơi sản xuất đến nơi tiêu dùng. Bán hàng là khâu lưu thông hàng hóa, là cầu nối trung gian giữa một bên sản xuất phân phối và một bên là tiêu dùng. Đặc biệt trong nền kinh tế thị trường thì bán hàng được hiểu theo nghĩa rộng hơn: “ Bán hàng là quá trình kinh tế bao gồm nhiều khâu từ việc nghiên cứu thị trường, xác định nhu cầu khách hàng, tổ chức mua hàng hóa và xuất bán theo yêu cầu của khách hàng nhằm đạt hiệu quả kinh doanh cao nhất”.

Mối quan hệ giữa bán hàng và xác định kết quả kinh doanh: bán hàng là khâu cuối cùng trong quá trình kinh doanh của doanh nghiệp, còn xác định kết quả kinh doanh là căn cứ quan trọng để doanh nghiệp quyết định có nên tiêu thụ hàng hóa đó nữa không. Do đó có thể nói rằng bán hàng và xác định kết quả kinh doanh có mối quan hệ mật thiết với nhau. Kết quả kinh doanh là mục đích cuối cùng của doanh nghiệp, còn bán hàng là phương tiện trực tiếp để đạt được mục đích đó.

❖ Các phương thức bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Ngày nay, trong nền kinh tế thị trường, để thúc đẩy quá trình tiêu thụ các doanh nghiệp sử dụng rất linh hoạt các phương thức bán hàng. Phương thức bán hàng có ảnh hưởng trực tiếp đến việc sử dụng các tài khoản kế toán phản ánh tình hình xuất kho hàng hóa.

Đồng thời có tính chất quyết định đối với việc xác định thời điểm bán hàng và ghi nhận doanh thu, tiết kiệm chi phí bán hàng để tăng lợi nhuận. Các phương thức bán hàng mà doanh nghiệp thường xuyên áp dụng:

- Phương thức bán hàng trực tiếp: là phương thức giao hàng cho người mua trực tiếp tại kho hay trực tiếp tại các phân xưởng không qua kho của doanh nghiệp. Theo phương thức này khi doanh nghiệp giao hàng cho khách hàng thì đồng thời khách hàng thanh toán ngay hoặc chấp nhận thanh toán đảm bảo các điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng. Bán hàng trực tiếp còn bao gồm bán buôn và bán lẻ:

+ Phương thức bán buôn: là hình thức bán hàng cho các doanh nghiệp thương mại hoặc bán cho các doanh nghiệp sản xuất để tiếp tục sản xuất. Kết thúc quá trình bán buôn hàng hóa vẫn nằm trong lĩnh vực lưu thông chưa đi vào lĩnh vực tiêu dùng, giá trị và giá trị sử dụng của hàng hóa chưa được thực hiện hoàn toàn. Đặc điểm của bán buôn thường là bán khối lượng lớn, được tiến hành theo các hợp đồng kinh tế.

+ Phương thức bán lẻ: Là giai đoạn cuối cùng của quá trình vận động hàng hóa từ nơi sản xuất đến nơi tiêu dùng. Đó là hành vi trao đổi diễn ra hàng ngày thường xuyên với người tiêu dùng. Thời điểm xác định tiêu thụ là khi doanh nghiệp mất đi quyền sở hữu hàng hóa và được quyền sở hữu tiền tệ.

- Phương thức hàng gửi đi bán: là phương thức mà ở đó định kỳ doanh nghiệp gửi hàng cho khách hàng trên cơ sở của thỏa thuận hợp đồng mua bán giữa hai bên và giao hàng tại địa điểm quy ước trong hợp đồng. Khi xuất kho hàng gửi đi bán,

hàng vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp, chỉ khi nào khách hàng trả tiền hoặc chấp nhận thanh toán thì khi ấy hàng mới chuyển quyền sở hữu và ghi nhận doanh nghiệp thu bán hàng. Theo phương thức này có các trường hợp bán hàng sau: Bán buôn theo hình thức gửi hàng, bán hàng đại lý ký gửi.

- Phương thức bán hàng trả chậm, trả góp: là phương thức bán hàng thu tiền nhiều lần. Người mua thanh toán lần đầu tại thời điểm mua hàng, số tiền còn lại người mua chấp nhận trả dần ở các kỳ tiếp theo và phải chịu một tỷ lệ lãi suất nhất định. Thông thường số tiền trả ở các kỳ tiếp theo bằng nhau, trong đó gồm một phần doanh thu gốc và một phần lãi trả chậm. Về thực chất người bán chỉ mất quyền sở hữu khi người mua thanh toán hết tiền hàng. Tuy nhiên, về mặt hạch toán, khi giao hàng cho khách hàng và được khách hàng chấp nhận thanh toán, hàng hóa bán trả góp được coi là tiêu thụ.

- Phương thức tiêu thụ nội bộ: theo phương thức này, các cơ sở sản xuất kinh doanh

khi xuất hàng hóa đều chuyển cho các cơ sở hạch toán phụ thuộc như các chi nhánh, các cửa hàng.... ở các địa phương để bán hoặc xuất điều chuyển giữa các chi nhánh, các đơn vị phụ thuộc nhau: xuất trả hàng từ đơn vị hạch toán phụ thuộc về cơ sở sản xuất kinh doanh.

1.2. Tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu.

1.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ.

Doanh thu bán hàng là tổng giá trị các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, chuẩn mực số 14 ban hành và công bố theo quyết định số 149/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

Doanh thu bán hàng chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn cả năm điều kiện sau:

- + Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- + Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc kiểm soát hàng hóa.
- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn
- + Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ việc bán hàng.
- + Xác định các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng gồm doanh thu bán ra ngoài và doanh thu bán hàng nội bộ.

Theo chuẩn mực số 14 của Bộ tài chính, kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn cả 4 điều kiện sau:

- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn
- + Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- + Xác định được phần việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán
- + Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

➤ ***Nguyên tắc hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.***

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu được tiền, hoặc sẽ thu được tiền từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

- Trường hợp doanh nghiệp có doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ bằng ngoại tệ thì phải quy đổi ra đồng Việt Nam hoặc đơn vị tiền tệ chính thức sử dụng trong kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế phát sinh hoặc tỷ giá giao dịch do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế.

- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bán chưa thuế giá trị gia tăng.

- Đối với hàng hóa nhận bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phần hoa hồng bán hàng mà doanh nghiệp được hưởng.

- Trường hợp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp thì doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán trả tiền ngay và ghi nhận vào doanh thu chưa thực hiện phần lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác định.

- Đối với trường hợp cho thuê tài sản, có nhận trước tiền cho thuê của nhiều năm thì doanh thu cung cấp dịch vụ ghi nhận của năm tài chính được xác định bằng số tiền nhận trước chia cho số năm trả tiền trước.

➤ ***Chứng từ kế toán sử dụng***

- Hóa đơn giá trị gia tăng (mẫu 01- GTKT-3LL) đối với doanh nghiệp nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

- Hóa đơn bán hàng thông thường (mẫu 02- GTKT- 3LL) đối với doanh nghiệp nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp.

- Bảng thanh toán hàng gửi đại lý, ký gửi (mẫu 14- BH)

- Thẻ quầy hàng (mẫu 15- BH)

- Các chứng từ thanh toán (phiếu thu, séc chuyển khoản, ủy nhiệm chi,...)

- Tờ khai thuế giá trị gia tăng (mẫu số 07A/GTGT)
- Chứng từ kế toán liên quan khác như: phiếu nhập kho hàng trả lại...

➤ **Tài khoản sử dụng**

❖ **Tài khoản 511** – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng thực tế của doanh nghiệp thực hiện trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh.

Tài khoản 511 có kết cấu như sau:

Bên nợ	Bên có
- Số thuế tiêu thụ đặc biệt hoặc thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong kỳ kế toán - Số thuế giá trị gia tăng phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế giá trị gia tăng tính theo phương pháp trực tiếp. - Doanh thu bán hàng bị trả lại kết chuyển cuối kỳ - Khoản giảm trừ hàng bán kết chuyển cuối kỳ - Khoản chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ - Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 - Xác định kết quả kinh doanh.	- Doanh thu bán sản phẩm hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán

Tài khoản 511 có 6 tài khoản cấp 2 như sau:

- Tài khoản 5111 - Doanh thu bán hàng hoá
- Tài khoản 5112 - Doanh thu bán các thành phẩm
- Tài khoản 5113 - Doanh thu cung cấp dịch vụ
- Tài khoản 5114 - Doanh thu trợ cấp, trợ giá
- Tài khoản 5117 - Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư
- Tài khoản 5118 - Doanh thu khác

❖ **Tài khoản 512** – Doanh thu tiêu thụ nội bộ.

.. Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong nội bộ các doanh nghiệp. Doanh thu tiêu thụ nội bộ là số tiền thu được do bán hàng hóa, sản phẩm, cung cấp dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty theo giá nội bộ.

Tài khoản 512 có kết cấu như sau:

Bên nợ:	Bên Có:
- Trị giá hàng bán bị trả lại, khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận trên khối lượng sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán nội bộ kết chuyển cuối kỳ kế toán - Số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp của số sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán nội bộ; - Số thuế giá trị gia tăng phải nộp theo phương pháp trực tiếp của số sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ nội bộ; - Kết chuyển doanh thu bán hàng nội bộ thuần sang Tài khoản 911 - Xác định kết quả kinh doanh	- Tổng số doanh thu bán hàng nội bộ của đơn vị thực hiện trong kỳ kế toán.

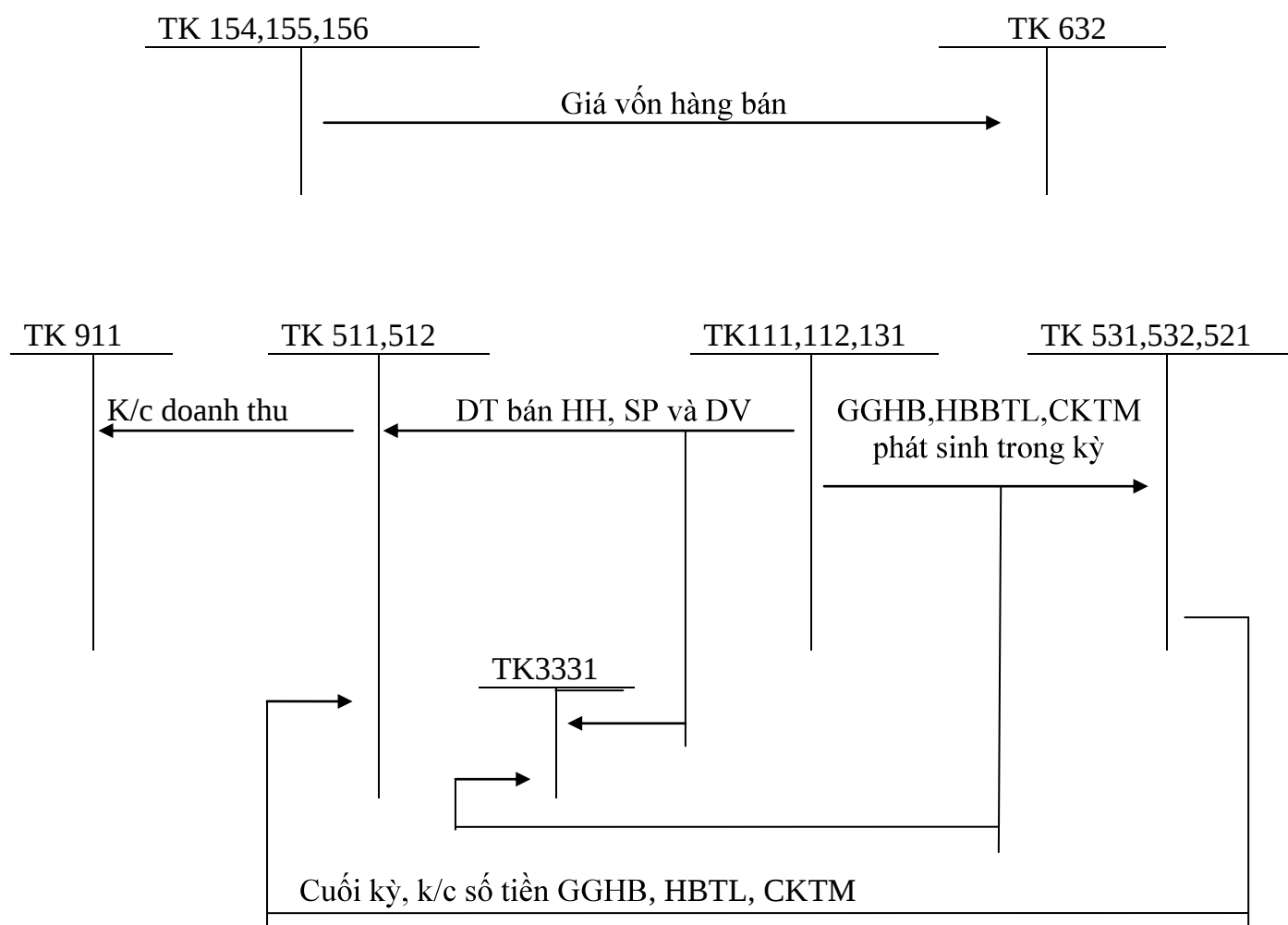
Tài khoản 512 không có số dư cuối kỳ.

Tài khoản 512 - Doanh thu bán hàng nội bộ, có 3 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 5121 - Doanh thu bán hàng hoá
- Tài khoản 5122 - Doanh thu bán các thành phẩm
- Tài khoản 5123 - Doanh thu cung cấp dịch vụ.

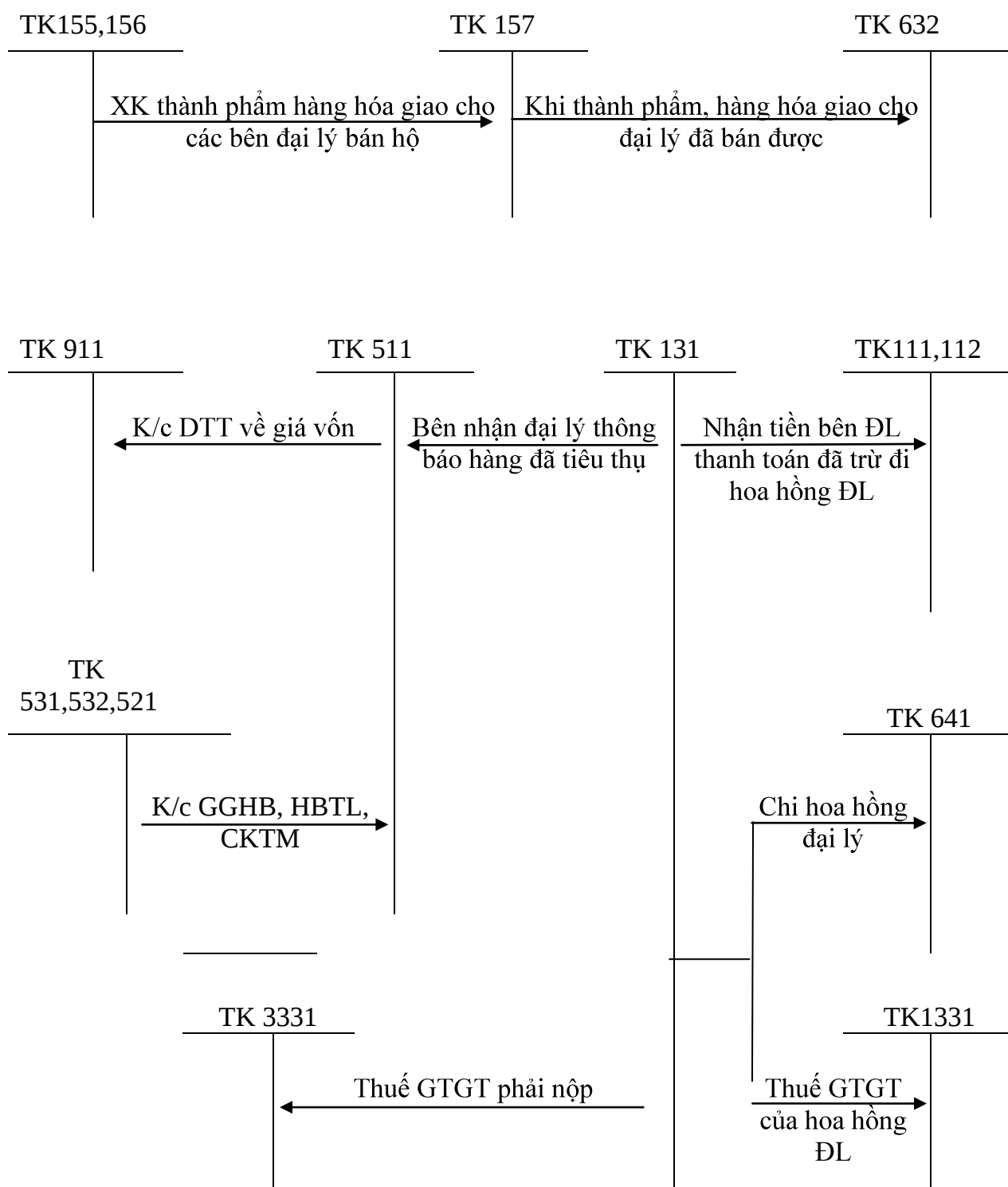
➤ **Phương pháp hạch toán**

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo phương thức bán trực tiếp được thể hiện qua sơ đồ 1.1 như sau:

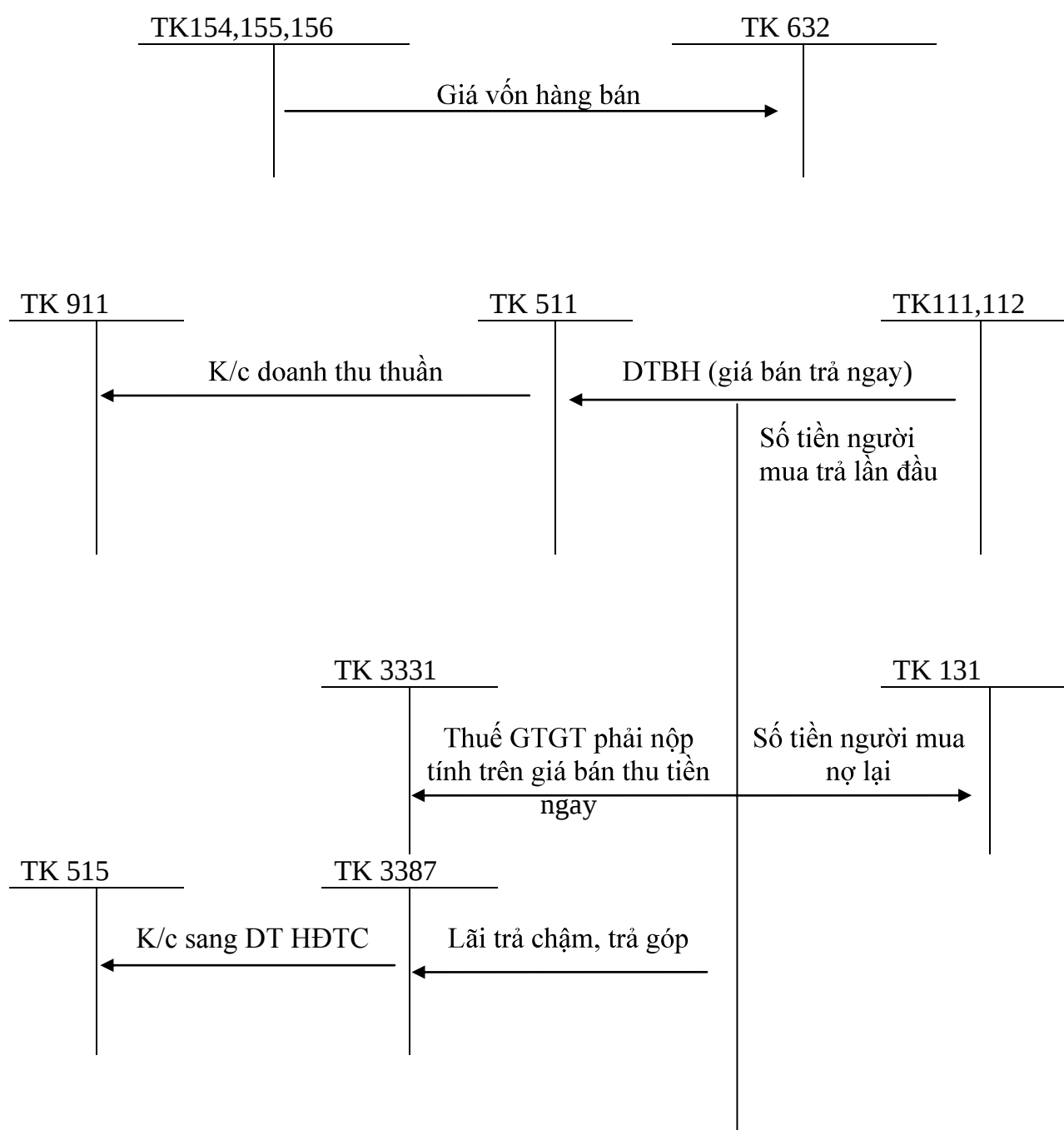


Sơ đồ 1.1 : Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo phương thức bán trực tiếp

(Theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng)



Sơ đồ 1.2: Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thông qua đại lý



Sơ đồ 1.3: Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo phương thức trả chậm, trả góp

1.2.1.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu phản ánh tổng hợp các khoản được ghi giảm trừ vào tổng doanh thu trong năm, bao gồm: các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế giá trị gia tăng của doanh nghiệp nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp phải nộp tương ứng với số doanh thu được xác định trong kỳ báo cáo.

➤ **Chứng từ kế toán sử dụng:**

- Hóa đơn giá trị gia tăng (mẫu số 01- GTKT- 3LL)
- Phiếu chi (mẫu số 01- TT)
- Giấy báo nợ
- Các chứng từ khác có liên quan.

➤ **Tài khoản sử dụng**

❖ **Tài khoản 521: Chiết khấu thương mại**

Tài khoản này dùng để phản ánh khoản chiết khấu thương mại mà doanh nghiệp đã giảm trừ, hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do việc người mua hàng đã mua hàng với khối lượng lớn và theo thỏa thuận bên bán sẽ dành cho bên mua một khoản chiết khấu thương mại.

Tài khoản 521 có kết cấu như sau:

Bên Nợ:	Bên Có:
- Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng.	- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại sang Tài khoản 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ để xác định doanh thu thuần của kỳ báo cáo.

❖ **Tài khoản 531: Hàng bán bị trả lại**

Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hoá bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân: Vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách. Chỉ phản ánh vào tài khoản này giá trị của số hàng đã bán nay bị trả lại và được tính theo đúng đơn giá bán đã ghi trên hóa đơn trước đây.

Các chi phí khác phát sinh liên quan đến việc hàng bán bị trả lại mà doanh

nghiệp phải chi được phản ánh vào Tài khoản 641- Chi phí bán hàng.

Tài khoản 531 có kết cấu như sau:

<i>Bên Nợ:</i>	<i>Bên Có:</i>
- Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu của khách hàng về số sản phẩm, hàng hoá đã bán	- Kết chuyển doanh thu của hàng bán bị trả lại vào bên Nợ Tài khoản 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hoặc Tài khoản 512 - Doanh thu nội bộ để xác định doanh thu thuần trong kỳ báo cáo.

❖ ***Tài khoản 532: Giảm giá hàng bán***

Tài khoản này dùng để phản ánh khoản giảm giá hàng bán thực tế phát sinh và việc xử lý khoản giảm giá hàng bán trong kỳ kế toán. Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hoá kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

Chỉ phản ánh vào tài khoản này các khoản giảm trừ do việc chấp thuận giảm giá sau khi đã bán hàng và phát hành hoá đơn (Giảm giá ngoài hoá đơn) do hàng bán kém, mất phẩm chất. . .

Tài khoản 532 có kết cấu như sau:

<i>Bên nợ</i>	<i>Bên Có:</i>
- Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng do hàng bán kém, mất phẩm chất hoặc sai quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.	- Kết chuyển toàn bộ số tiền giảm giá hàng bán sang Tài khoản “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” hoặc Tài khoản “Doanh thu bán hàng nội bộ”.

❖ ***Thuế***

Các khoản thuế làm giảm doanh thu như:

- Thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp: Thuế giá trị gia tăng là một loại thuế gián thu, được tính trên khoản giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ phát sinh trong quá trình sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng.

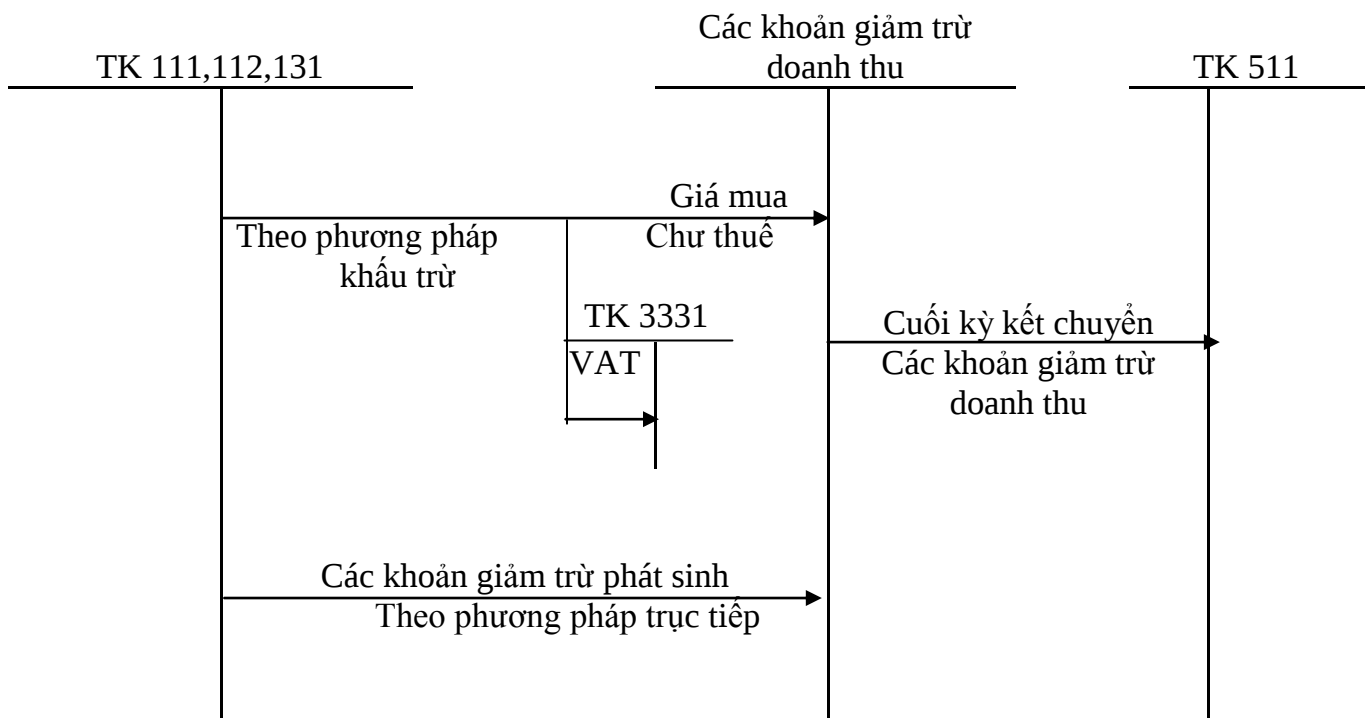
- Thuế tiêu thụ đặc biệt: Là khoản thuế doanh nghiệp phải nộp trong trường hợp doanh nghiệp tiêu thụ những mặt hàng thuộc danh mục vật tư, hàng hóa chịu thuế tiêu

thụ đặc biệt.

- Thuế xuất khẩu: Là khoản thuế mà doanh nghiệp phải nộp khi xuất khẩu hàng hóa mà hàng hóa đó phải chịu thuế xuất khẩu.

➤ Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu (chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán) được thể hiện qua sơ đồ 1.4 như sau:



Sơ đồ 1.4 : Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

1.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán

Mỗi khi ghi nhận doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thì đồng thời kế toán phải ghi nhận một khoản chi phí tương ứng đó chính là giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán là giá trị thực tế xuất kho của số sản phẩm (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa bán ra trong kỳ - đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã xác định là tiêu thụ và các khoản khác được tính vào giá vốn để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

Các phương pháp xác định giá vốn hàng bán

- Phương pháp thực tế đích danh:

Theo phương pháp này sản phẩm, vật tư, hàng hoá xuất kho thuộc lô hàng nhập nào thì lấy đơn giá nhập kho của lô hàng đó để tính. Đây là phương án tốt nhất, nó tuân thủ nguyên tắc phù hợp của kế toán; chi phí thực tế phù hợp với doanh thu thực tế. Giá trị hàng xuất kho đem bán phù hợp với doanh thu mà nó tạo ra.

- Phương pháp bình quân gia quyền

Theo phương pháp bình quân gia quyền:

Trị giá hàng xuất kho = Số lượng hàng xuất kho * Đơn giá bình quân

Nếu đơn giá bình quân được tính cho cả kỳ được gọi là phương pháp bình quân cả kỳ dự trữ. Nếu đơn giá bình quân cả kỳ được tính sau mỗi lần nhập được gọi là phương pháp bình quân liên hoàn.

+ Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ:

Đơn giá =
$$\frac{\text{Trị giá hàng tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá hàng nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng tồn trong kỳ} + \text{Số lượng nhập trong kỳ}}$$

Bình quân
Đây là phương pháp khá đơn giản, chỉ cần tính toán một lần vào cuối kỳ. Tuy nhiên, phương pháp này có nhược điểm lớn là công tác kế toán dồn vào cuối kỳ ảnh hưởng tiến độ của các phần hành khác. Hơn nữa, phương pháp chưa đáp ứng yêu cầu kịp thời của thông tin kế toán ngay tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

+ Phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập:

Đơn giá xuất kho =
$$\frac{\text{Trị giá thực tế sản phẩm, hàng hóa tồn kho sau mỗi lần nhập}}{\text{Số lượng sản phẩm, hàng hóa thực tế tồn kho sau mỗi lần nhập}}$$

Phương pháp này có ưu điểm là khắc phục những hạn chế của phương pháp trên nhưng việc tính toán phức tạp, nhiều lần, tốn nhiều công sức. Do đặc điểm trên mà phương pháp này được áp dụng ở các doanh nghiệp có ít chủng loại hàng tồn kho, có lưu lượng nhập xuất ít.

- Phương pháp nhập trước – xuất trước:

Phương pháp này áp dụng dựa trên giả định là hàng được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước, và hàng còn lại cuối kỳ là hàng được mua hoặc sản xuất ở thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho.

- Phương pháp nhập sau – xuất trước:

Phương pháp này giả định là hàng được mua sau hoặc sản xuất sau thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là những hàng được mua hoặc sản xuất trước đó. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ.

➤ Chứng từ kế toán sử dụng:

- Phiếu nhập kho (mẫu 01- VT)
- Phiếu xuất kho (mẫu 02- VT)
- Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ (mẫu 03- VT)
- Hóa đơn bán hàng thông thường (mẫu 01- GTGT- 322)
- Các chứng từ khác có liên quan

➤ Tài khoản sử dụng

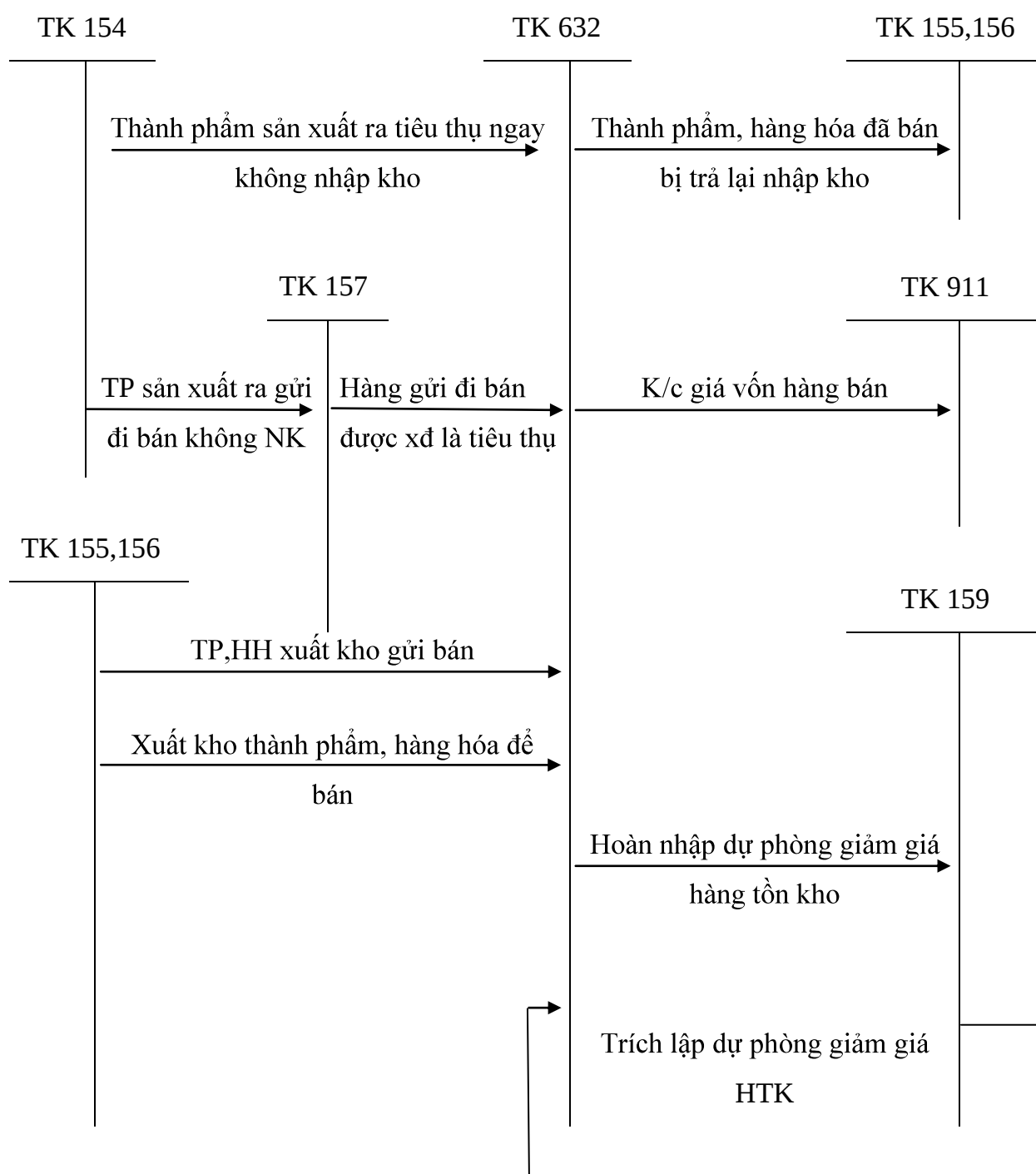
Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán

Tài khoản 632 có kết cấu như sau:

<i>Bên nợ:</i>	<i>Bên có:</i>
- Trị giá vốn của thành phẩm, hàng hóa, lao vụ, dịch vụ đã cung cấp theo từng hóa đơn. - Phản ánh chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ không được tính vào trị giá hàng tồn kho mà phải tính vào giá vốn hàng bán của kỳ kế toán. - Phản ánh khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra. - Phản ánh chi phí tự xây dựng, tự chế tài sản cố định vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành. - Phản ánh khoản chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn khoản đã lập dự phòng năm trước	- Phản ánh khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (Khoản chênh lệch giữa số phải lập dự phòng năm nay nhỏ hơn khoản đã lập dự phòng năm trước). - Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho. - Kết chuyển giá vốn của thành phẩm, hàng hóa, lao vụ dịch vụ vào bên nợ tài khoản 911- Xác định kết quả kinh doanh

➤ **Phương pháp hạch toán giá vốn**

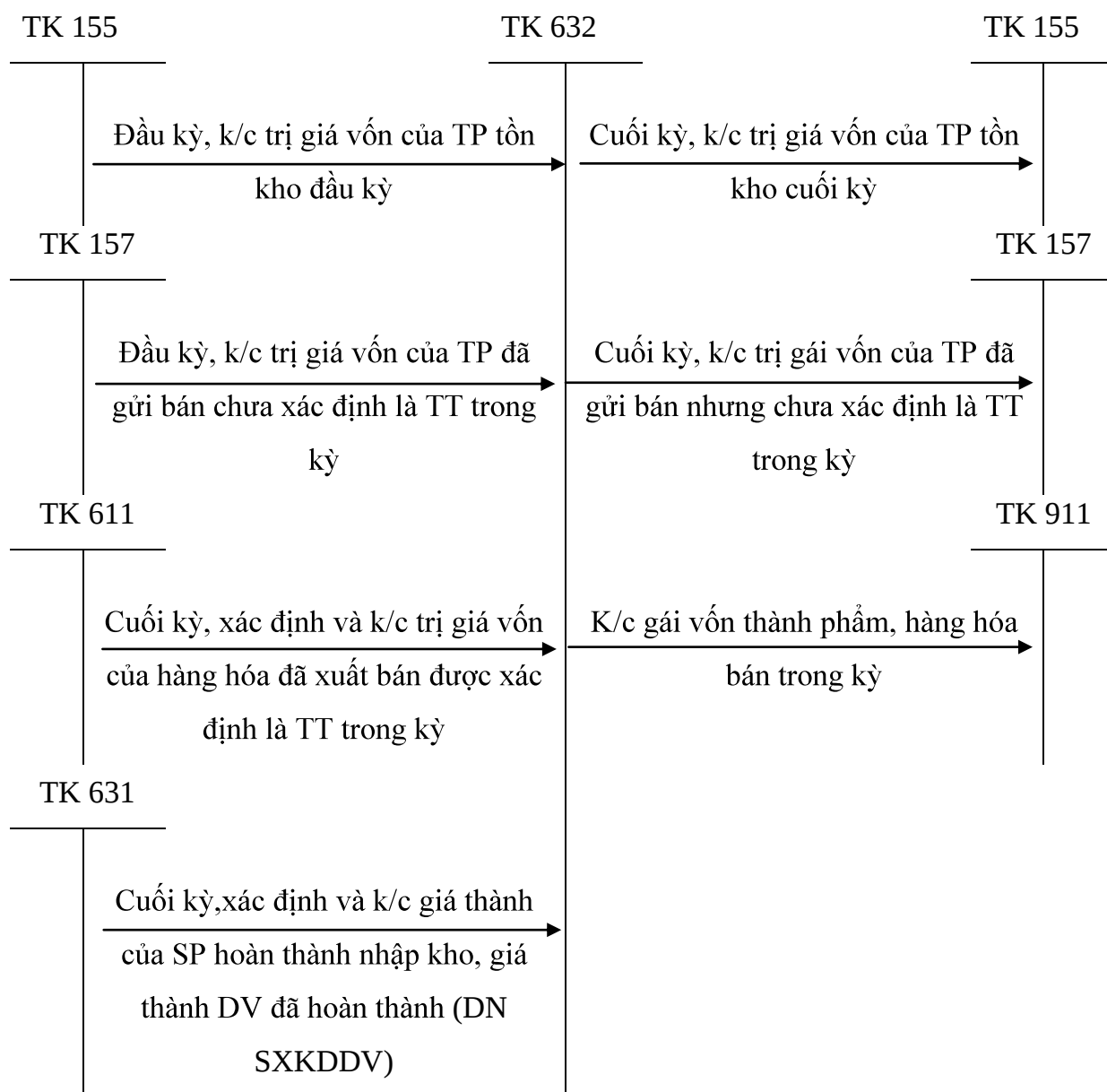
* *Phương pháp kê khai thường xuyên* : Là phương pháp theo dõi và phản ánh một cách thường xuyên, liên tục tình hình nhập xuất, tồn kho vật liệu, hàng hóa trên các loại sổ sách kế toán sau mỗi lần phát sinh các nghiệp vụ mua (nhập) hoặc xuất dùng. Vì vậy giá trị vật tư, hàng tồn kho trên sổ kế toán có thể được xác định ở bất kỳ thời điểm nào trong kỳ kế toán. Phương thức hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên được thể hiện qua sơ đồ 1.5 như sau:



Sơ đồ 1.5 :Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên

* *Phương pháp kiểm kê định kỳ* : Là phương pháp kế toán căn cứ vào kết quả kiểm kê thực tế để phản ánh giá trị tồn kho cuối kỳ vật tư, hàng hoá trên sổ kế toán và từ đó xác định được giá trị của vật liệu, hàng hóa đã xuất trong kỳ. Trong kỳ kế toán chỉ theo dõi, tính toán và ghi chép về nghiệp vụ nhập vật liệu, còn trị giá vật liệu xuất chỉ

được xác định một lần vào cuối kỳ khi có kết quả kiểm kê vật liệu hiện còn cuối kỳ. Phương thức hạch toán giá vốn hàng bán theo phương thức kiểm kê định kỳ được thể hiện qua sơ đồ 1.6 như sau



Sơ đồ 1.6 : Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ

1.2.3. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

1.2.3.1. Kế toán chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng là những khoản chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, lao vụ trong thời kỳ theo quy định của chế độ tài chính. Chi phí bán hàng bao gồm:

- Chi phí nhân viên bán hàng: gồm tiền lương, phụ cấp phải trả cho nhân viên bán hàng và các khoản trích BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN trên tiền lương nhân viên bán hàng theo tỷ lệ quy định.
- Chi phí vật liệu bao bì.
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng: là chi phí về công cụ, dụng cụ, đồ dùng đo lường tính toán làm việc ở khâu bán hàng và cung cấp dịch vụ.
- Chi phí khấu hao TSCĐ: là chi phí khấu hao TSCĐ dùng ở khâu tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa trong thời gian quy định bảo hành.
- Chi phí dịch vụ mua ngoài: là khoản chi phí mua ngoài phục vụ cho khâu tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ như: chi phí thuê tài sản, thuê kho, thuê bến bãi, thuê bốc dỡ vận chuyển, tiền hoa hồng, đại lý.
- Chi phí bằng tiền khác: là khoản chi phí bằng tiền phát sinh trong khâu tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ nằm ngoài các chi phí trả trên, chi phí tiếp khách, hội nghị khách hàng, chi phí quảng cáo, giới thiệu sản phẩm.

➤ Chứng từ kế toán sử dụng

- Phiếu chi (mẫu số 01- TT)
- Giấy báo nợ..
- Bảng thanh toán tiền lương (mẫu số 02- LĐTL)
- Bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định (mẫu số 06- TSCĐ)
- Các chứng từ khác có liên quan

➤ Tài khoản sử dụng

Tài khoản 641 – Chi phí bán hàng được mở chi tiết thành 7 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 6411 - Chi phí nhân viên
- Tài khoản 6412 - Chi phí vật liệu, bao bì
- Tài khoản 6413 - Chi phí dụng cụ, đồ dùng

- Tài khoản 6414 - Chi phí khấu hao tài sản cố định
- Tài khoản 6415 - Chi phí bào hành
- Tài khoản 6417 - Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Tài khoản 6418 - Chi phí bằng tiền khác.

Tài khoản 641 có kết cấu như sau:

Bên Nợ:	Bên Có
- Các chi phí phát sinh liên quan đến quá bán thụ sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.	- Kết chuyển chi phí bán hàng vào Tài khoản 911- Xác định kết quả kinh doanh để tính kết quả kinh doanh trong kỳ.

1.2.3.2. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung của toàn doanh nghiệp. Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm:

- Chi phí nhân viên quản lý: gồm tiền lương, phụ cấp phải trả cho ban giám đốc, nhân viên các phòng ban của doanh nghiệp và các khoản trích BHXH, BHYT, KPCĐ BHTN trên tiền lương nhân viên quản lý theo tỷ lệ quy định.
- Chi phí vật liệu quản lý: là giá trị thực tế các loại vật liệu, nhiên liệu xuất dùng cho hoạt động quản lý của Ban giám đốc và các phòng ban nghiệp vụ của doanh nghiệp.
- Chi phí đồ dùng văn phòng: chi phí về dụng cụ, đồ dùng văn phòng dùng cho công tác quản lý chung của doanh nghiệp.
- Chi phí khấu hao TSCĐ: là chi phí khấu hao những TSCĐ dùng chung cho doanh nghiệp như: văn phòng làm việc, kho tàng, vật kiến trúc, phương tiện truyền dẫn,...
- Thuế, phí, lệ phí: thuế nhà đất, thuế môn bài,... và các khoản phí, lệ phí như giao thông, cầu phà...
- Chi phí dự phòng: khoản trích dự phòng phải thu khó đòi.
- Chi phí dịch vụ mua ngoài: các khoản chi phí về dịch vụ mua ngoài, thuê ngoài như: tiền điện, tiền nước, tiền thuê TSCĐ dùng chung cho doanh nghiệp.
- Chi phí bằng tiền khác: các khoản chi phí bằng tiền ngoài các khoản kể trên như: chi phí hội nghị, tiếp khách, chi phí công tác phí, chi phí đào tạo cán bộ, các khoản chi phí

khác.

➤ **Chứng từ kế toán sử dụng**

- Phiếu chi (mẫu số 01- TT)
- Giấy báo nợ
- Bảng thanh toán tiền lương (mẫu số 02- LĐTL)
- Bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định (mẫu số 06- TSCĐ)
- Các chứng từ khác có liên quan

➤ **Tài khoản sử dụng**

Tài khoản 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp, có 8 tài khoản cấp 2:

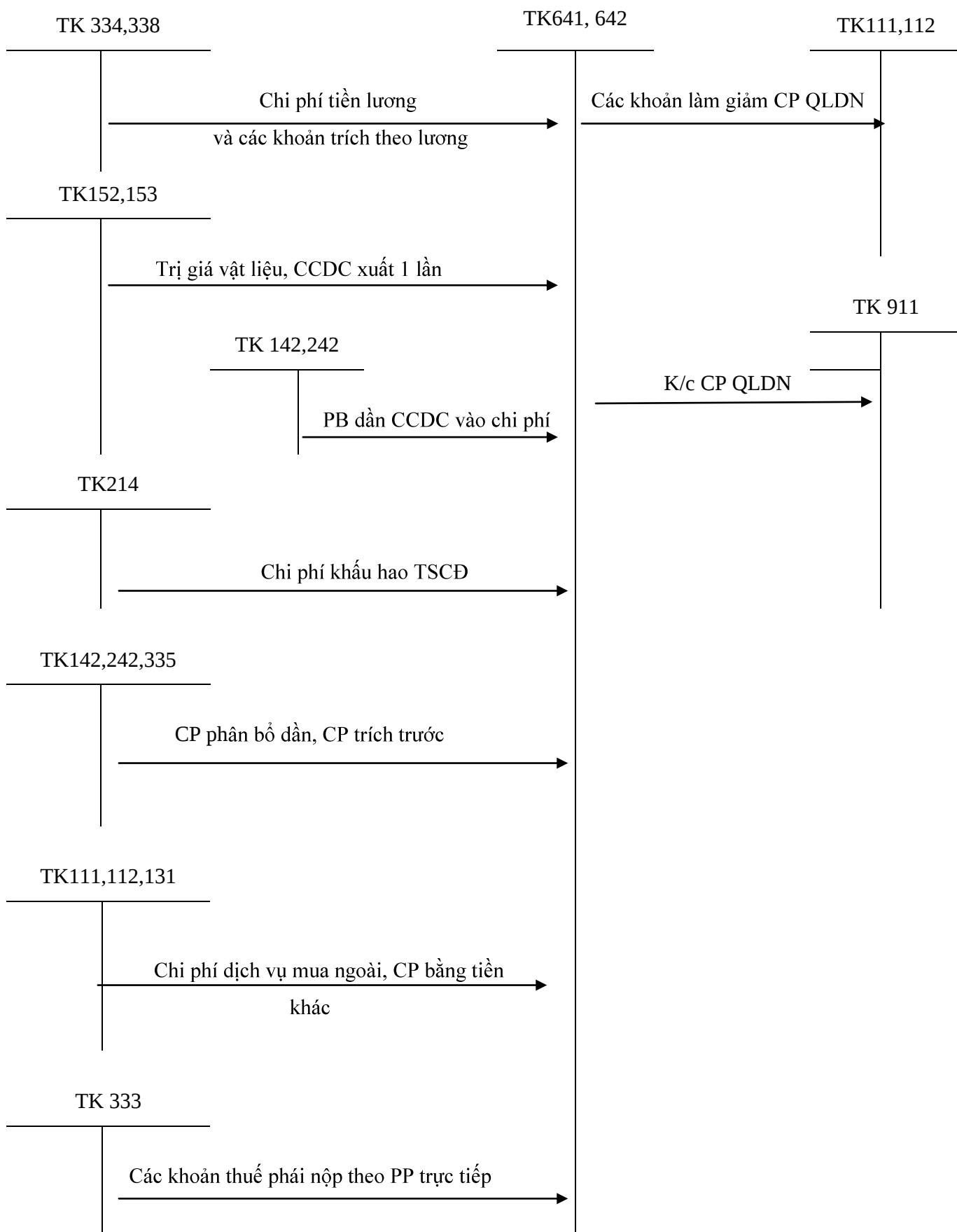
- Tài khoản 6421 - Chi phí nhân viên quản lý
- Tài khoản 6422 - Chi phí vật liệu quản lý
- Tài khoản 6423 - Chi phí đồ dùng văn phòng
- Tài khoản 6424 - Chi phí khấu hao TSCĐ
- Tài khoản 6425 - Thuế, phí và lệ phí
- Tài khoản 6426 - Chi phí dự phòng
- Tài khoản 6427 - Chi phí dịch vụ mua ngoài...

Tài khoản 642 có kết cấu như sau:

Bên nợ:	Bên có:
- Các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ	- Kết chuyển chi phí bán hàng vào tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh để tính kết quả kinh doanh trong kỳ.

➤ **Phương pháp hạch toán**

Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp được thể hiện bằng sơ đồ 1.7 sau:



Sơ đồ 1.7 : Kế toán Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

1.2.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

1.2.4.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được từ hoạt động tài chính hoặc kinh doanh về vốn trong kỳ kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm một số nội dung sau :

- Tiền lãi: Lãi cho vay, lãi tiền gửi Ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hoá,....
- Cổ tức lợi nhuận được chia
- Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn
- Thu nhập về thu hồi hoặc thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vào công ty con, đầu tư vốn khác
- Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác
- Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ
- Chiết khấu thanh toán được hưởng
- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác.

➤ Chứng từ kế toán sử dụng

- Phiếu thu (mẫu số 01-TT)
- Giấy báo có
- Các hợp đồng vay vốn...

➤ Tài khoản sử dụng

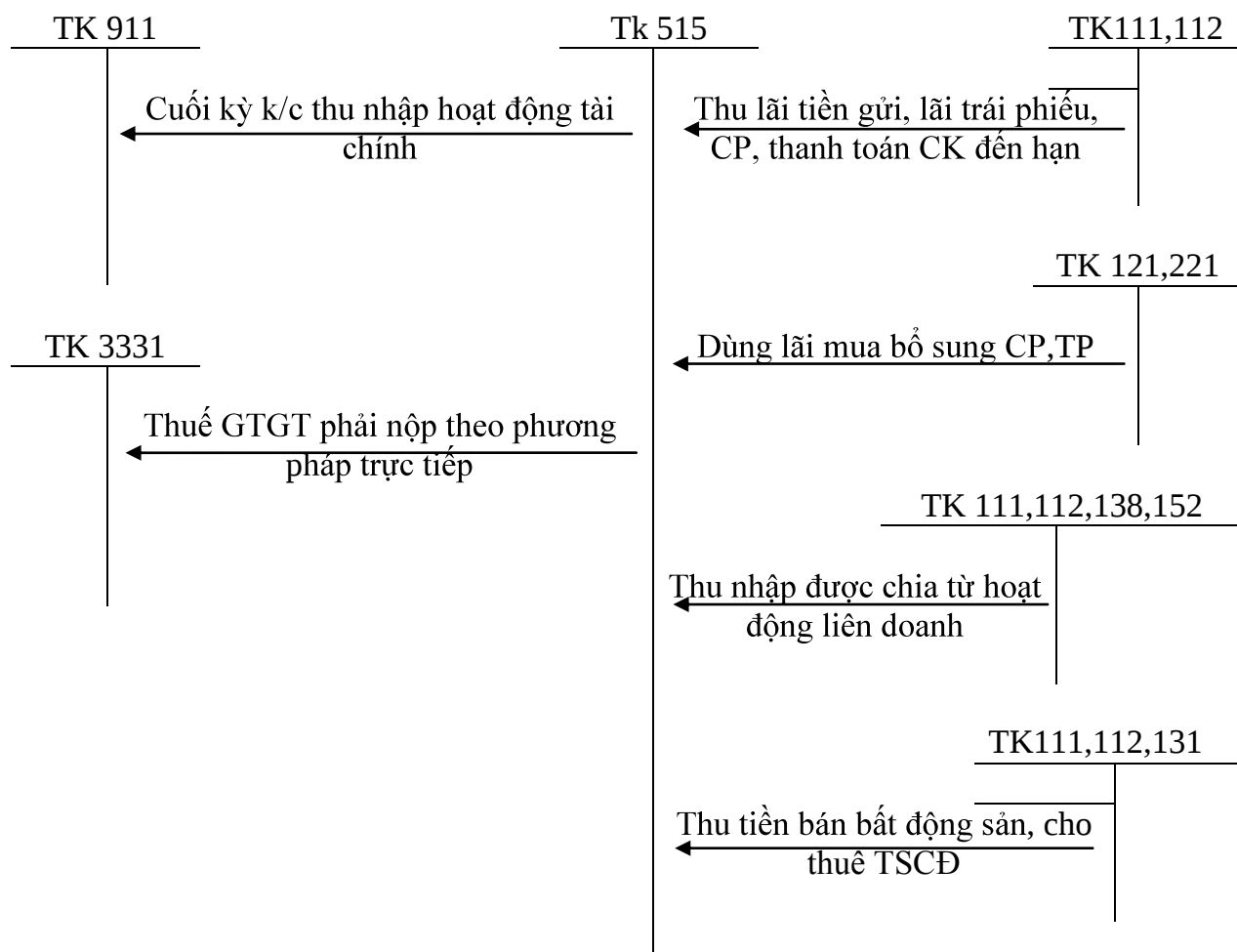
Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

Tài khoản 515 có kết cấu như sau:

Bên Nợ:	Bên Có
- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có); - Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang Tài khoản 911 - Xác định kết quả kinh doanh.	- Các khoản làm tăng doanh thu hoạt động tài chính

➤ Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán doanh thu tài chính thể hiện qua sơ đồ 1.8 như sau:



Sơ đồ 1.8 : Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

1.2.4.2. Kế toán chi phí tài chính

Chi phí hoạt động tài chính là toàn bộ khoản chi phí phát sinh trong kỳ hạch toán liên quan đến các hoạt động về vốn, hoạt động đầu tư tài chính và các nghiệp vụ mang tính chất tài chính trong doanh nghiệp.

➤ Chứng từ kế toán sử dụng

- Phiếu chi (mẫu số 02- TT)
- Giấy báo nợ

- Các hợp đồng vay vốn, biên bản góp vốn..

➤ **Tài khoản sử dụng**

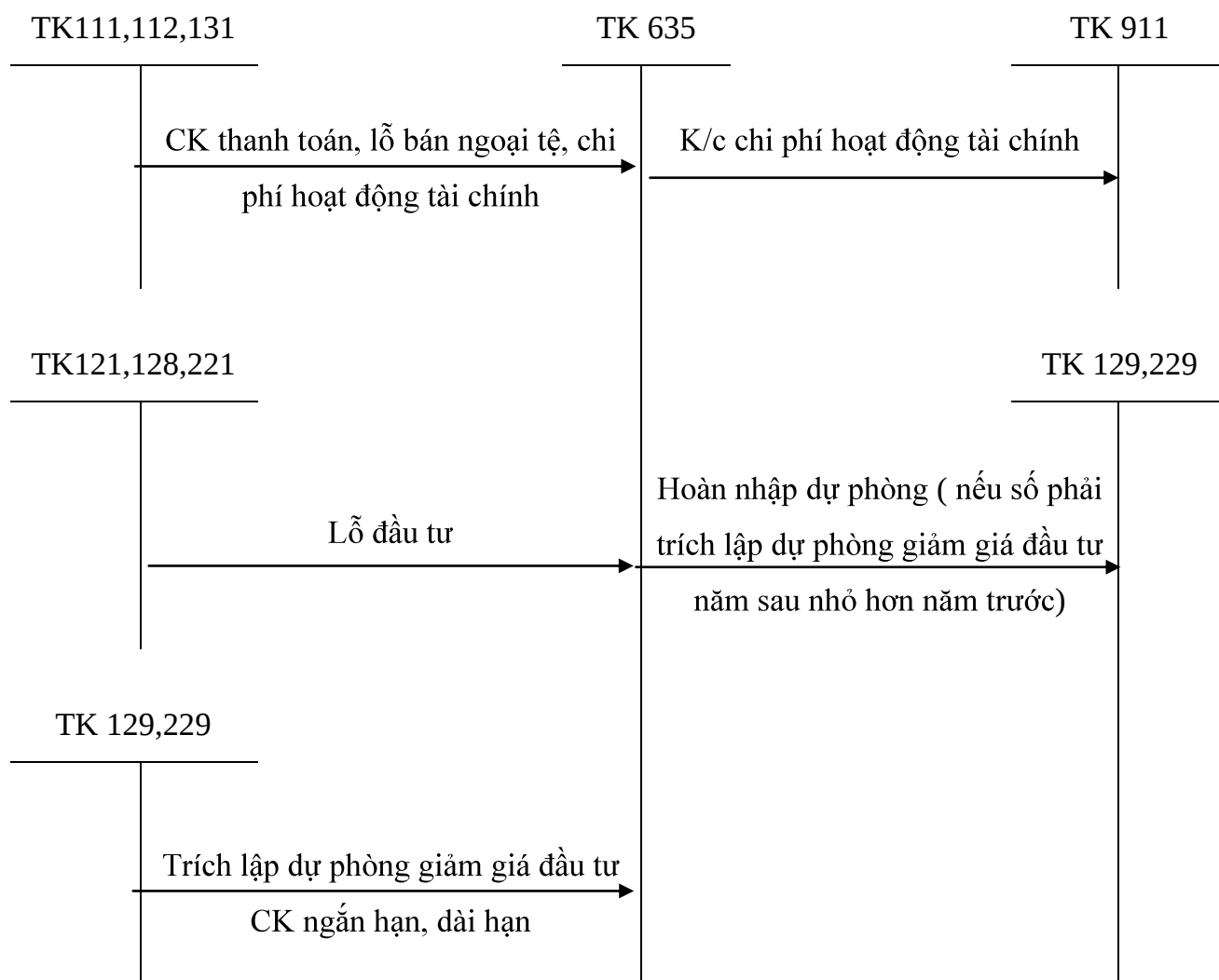
Tài khoản 635 – Chi phí tài chính

Tài khoản 635 có kết cấu như sau:

Bên Nợ:	Bên Có:
- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính; - Lỗ bán ngoại tệ; - Chiết khấu thanh toán cho người mua; - Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh (Lỗ tỷ giá hối đoái chưa thực hiện); - Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết); - Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB (Lỗ tỷ giá - giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính. - Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.	- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết); - Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh..

➤ **Phương pháp hạch toán**

Phương pháp hạch toán chi phí tài chính được thể hiện qua sơ đồ 1.9 như sau:



Sơ đồ 1.9 : Kế toán chi phí tài chính

1.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác

1.2.5.1. Kế toán thu nhập khác

Thu nhập khác dùng để phản ánh các khoản thu nhập phát sinh ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp.

Nội dung thu nhập khác của doanh nghiệp bao gồm một số nội dung sau :

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ;
- Chênh lệch lãi do đánh giá lại vật tư, hàng hoá, tài sản cố định đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác;
- Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản;
- Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng;
- Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xoá sổ;
- Các khoản thuế được NSNN hoàn lại;
- Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ;
- Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hoá, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu (Nếu có);
- Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp;
- Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.

➤ Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT (mẫu số 01- GTKT- 3LL)
- Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu (mẫu số 01- TT), giấy báo có..
- Các chứng từ liên quan khác: Biên bản thanh lý tài sản cố định, hợp đồng kinh tế...

➤ Tài khoản sử dụng

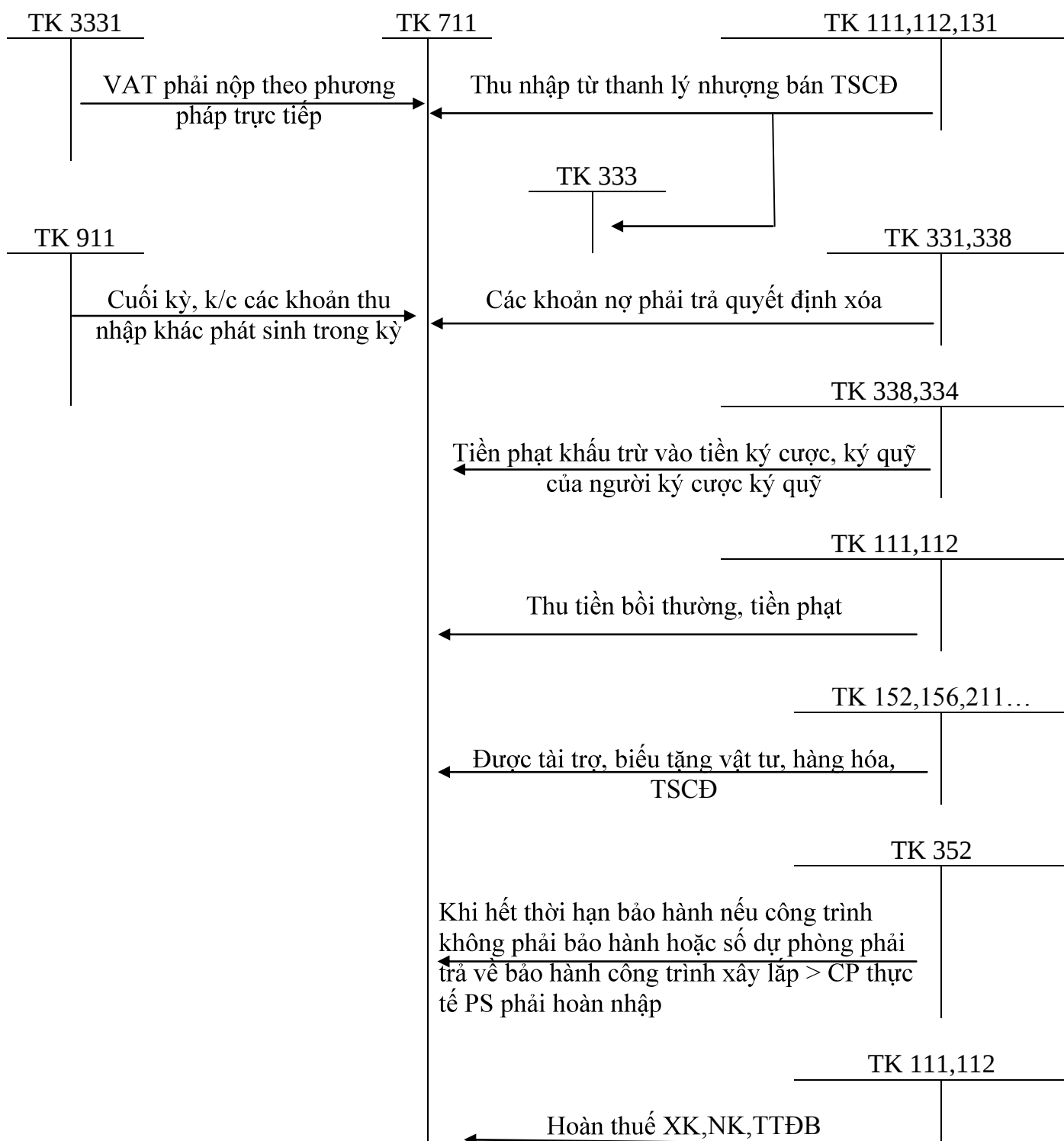
Tài khoản 711 – Thu nhập khác

Tài khoản 711 có kết cấu như sau:

Bên Nợ:	Bên Có:
-Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp. - Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang Tài khoản 911 - Xác định kết quả kinh doanh	- Các khoản thu nhập khác phát sinh tăng trong kỳ. Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ.

➤ **Phương pháp hạch toán**

Phương pháp hạch toán thu nhập khác được thể hiện qua sơ đồ 1.10 như sau:



Sơ đồ 1.10 : Kế toán thu nhập khác

1.2.5.2. Kế toán chi phí khác

Chi phí khác là các khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp.

Chi phí khác của doanh nghiệp bao gồm một số nội dung như sau:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý và nhượng bán TSCĐ (Nếu có);
- Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hoá, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác;
- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế;
- Bị phạt thuế, truy nộp thuế;
- Các khoản chi phí khác.

➤ Chứng từ sử dụng

- Phiếu chi (mẫu số 02-TT)
- Giấy báo nợ
- Hóa đơn GTGT (mẫu số 01- GTKT- 3LL)
- Biên bản thanh lý, nhượng bán tài sản cố định.

➤ Tài khoản sử dụng

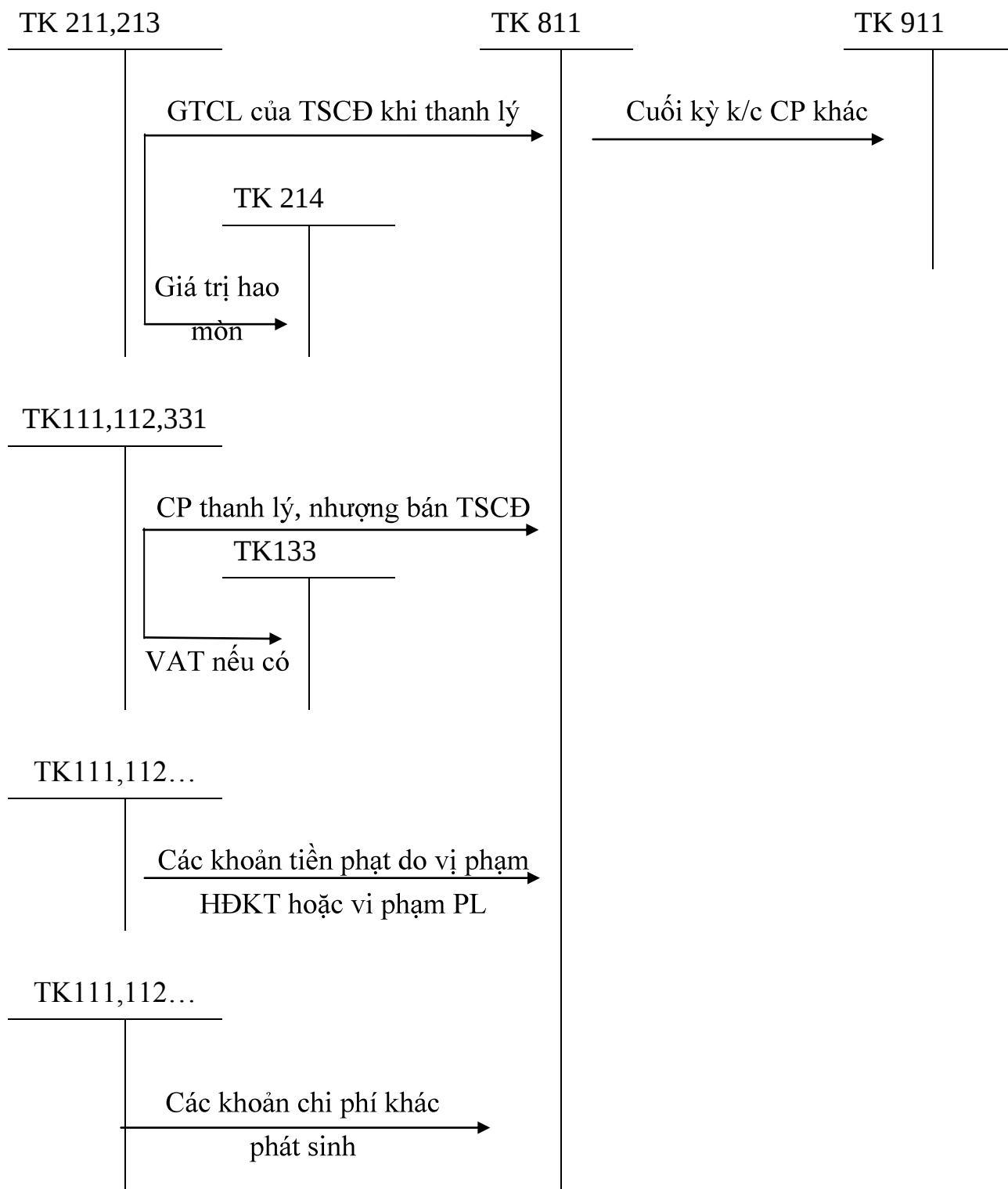
Tài khoản 811 – Chi phí khác

Tài khoản 811 có kết cấu như sau:

Bên Nợ:	Bên Có:
- Các khoản chi phí khác phát sinh.	- Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ sang Tài khoản 911 - Xác định kết quả kinh doanh.

➤ **Phương pháp hạch toán**

Phương pháp hạch toán chi phí khác được thể hiện qua sơ đồ 1.11 như sau:



Sơ đồ 1.11 : Kế toán chi phí khác

1.2.6 Kế toán xác định thuế TNDN

Thuế Thu nhập doanh nghiệp (viết tắt là TNDN) là loại thuế trực thu đánh trực tiếp vào thu nhập chịu thuế của cơ sở sản xuất kinh doanh hàng hóa dịch vụ sau khi đã trừ các khoản chi phí liên quan đến việc tạo ra doanh thu và thu nhập chịu thuế của cơ sở sản xuất kinh doanh.

➤ Tài khoản sử dụng

TK 821- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

Công dụng: Tài khoản này được dùng để phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

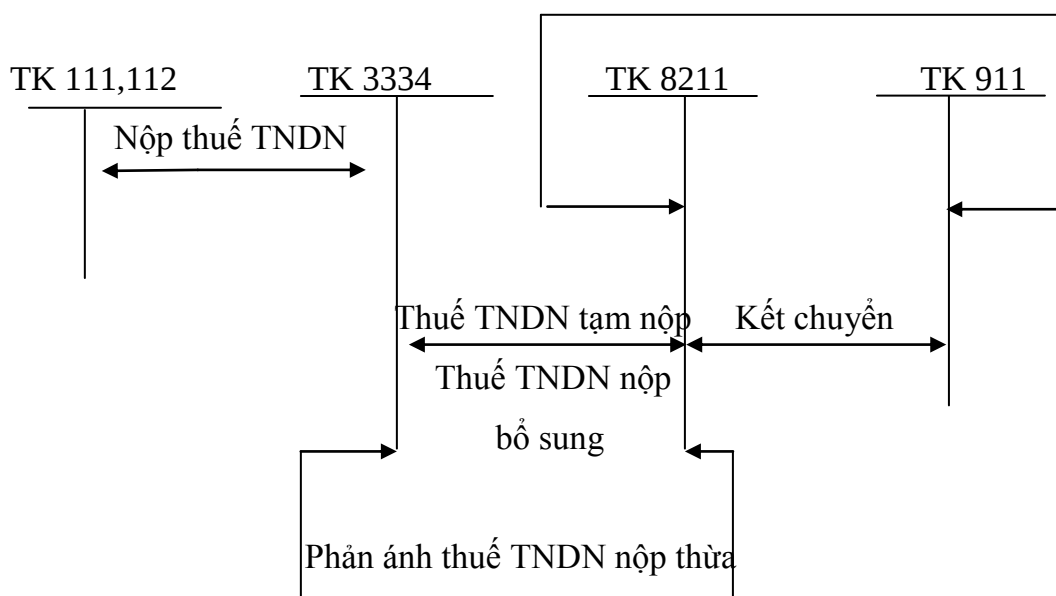
Tài khoản này có 2 tài khoản chi tiết:

TK 8211- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

TK 8212- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

➤ Sơ đồ hạch toán

Cuối kỳ kết chuyển



Sơ đồ 1.12 : Kế toán xác định thuế thu nhập doanh nghiệp

1.2.7. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

Kết quả kinh doanh là số tiền lãi hay lỗ từ các hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định. Đây là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường và các hoạt động khác của doanh nghiệp.

Tài khoản này dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán theo đúng quy định của chính sách tài chính hiện hành.

Kết quả hoạt động kinh doanh phải được hạch toán chi tiết theo từng loại hoạt động (hoạt động sản xuất, chế biến, hoạt động kinh doanh thương mại, dịch vụ, hoạt động tài chính...). Trong từng loại hoạt động kinh doanh có thể cần hạch toán chi tiết cho từng loại sản phẩm, từng ngành hàng, từng loại dịch vụ.

➤ Chứng từ sử dụng

- Phiếu kế toán kết chuyển (Cuối kỳ, tổng hợp số liệu từ sổ sách kế toán có liên quan lập phiếu kế toán định khoản các bút toán xác định lãi lỗ).

➤ Tài khoản sử dụng

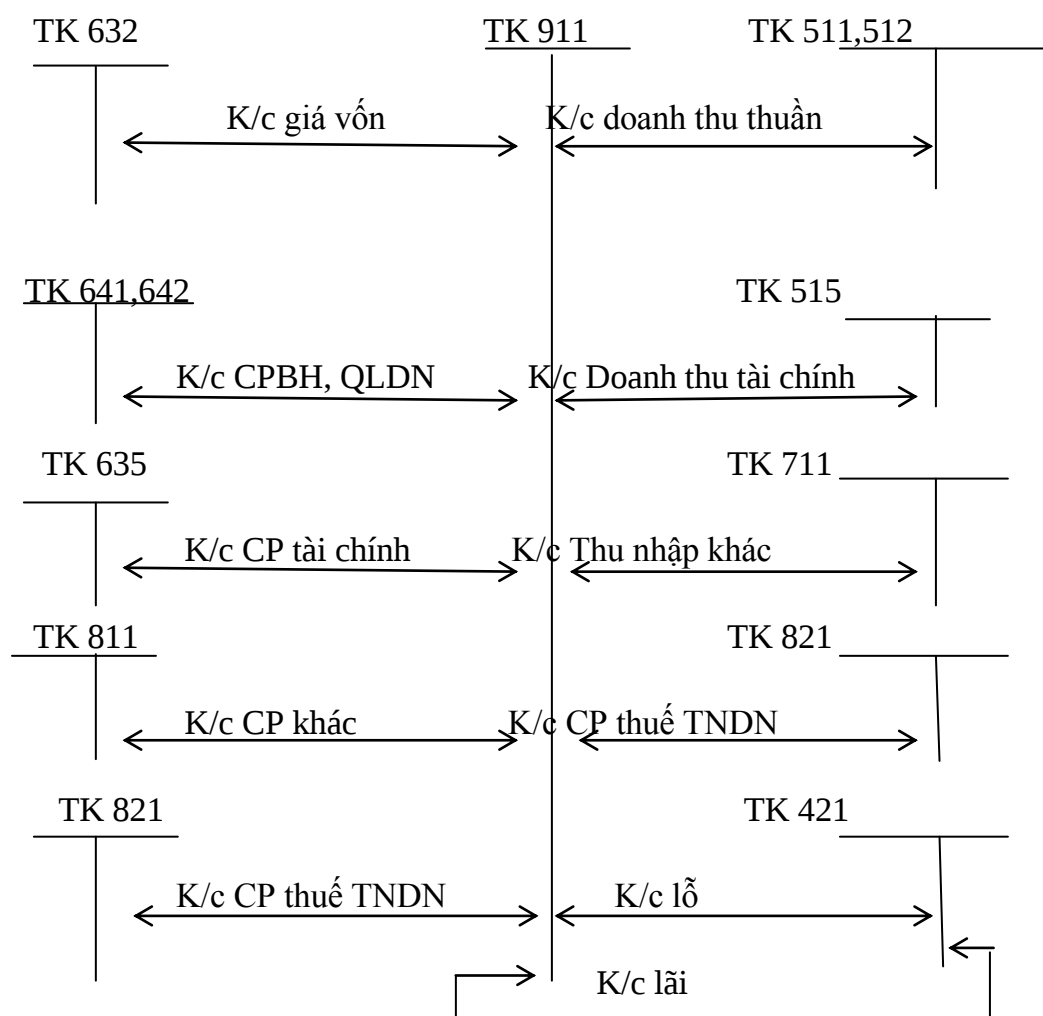
Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh

Tài khoản 911 có kết cấu như sau:

Bên Nợ	Bên Có:
- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán; - Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác; - Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp; - Kết chuyển lãi.	- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ; - Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp; - Kết chuyển lỗ.

➤ Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán tài khoản 911 được thể hiện qua sơ đồ 1.13 như sau:



Sơ đồ 1.13 : Kế toán xác định kết quả kinh doanh

1.3. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

✓ Đối với công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh thì hệ thống sổ sách là rất quan trọng. Hệ thống sổ sách kế toán thường sử dụng gồm: Sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết.

- Sổ kế toán tổng hợp gồm: Sổ nhật ký-chứng từ, Sổ nhật ký chung, Sổ cái
- Sổ kế toán chi tiết gồm có: Sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa. Sổ chi tiết thanh toán với người mua, người bán. Sổ chi tiết bán hàng, sổ chi

tiết các tài khoản khác...

✓ Các hình thức sổ kế toán bao gồm:

- Hình thức kế toán Nhật ký chung
- Hình thức kế toán Nhật ký – sổ cái
- Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ
- Hình thức kế toán Nhật ký chứng từ
- Hình thức kế toán trên máy vi tính

Ví dụ: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ được mô tả như sau:

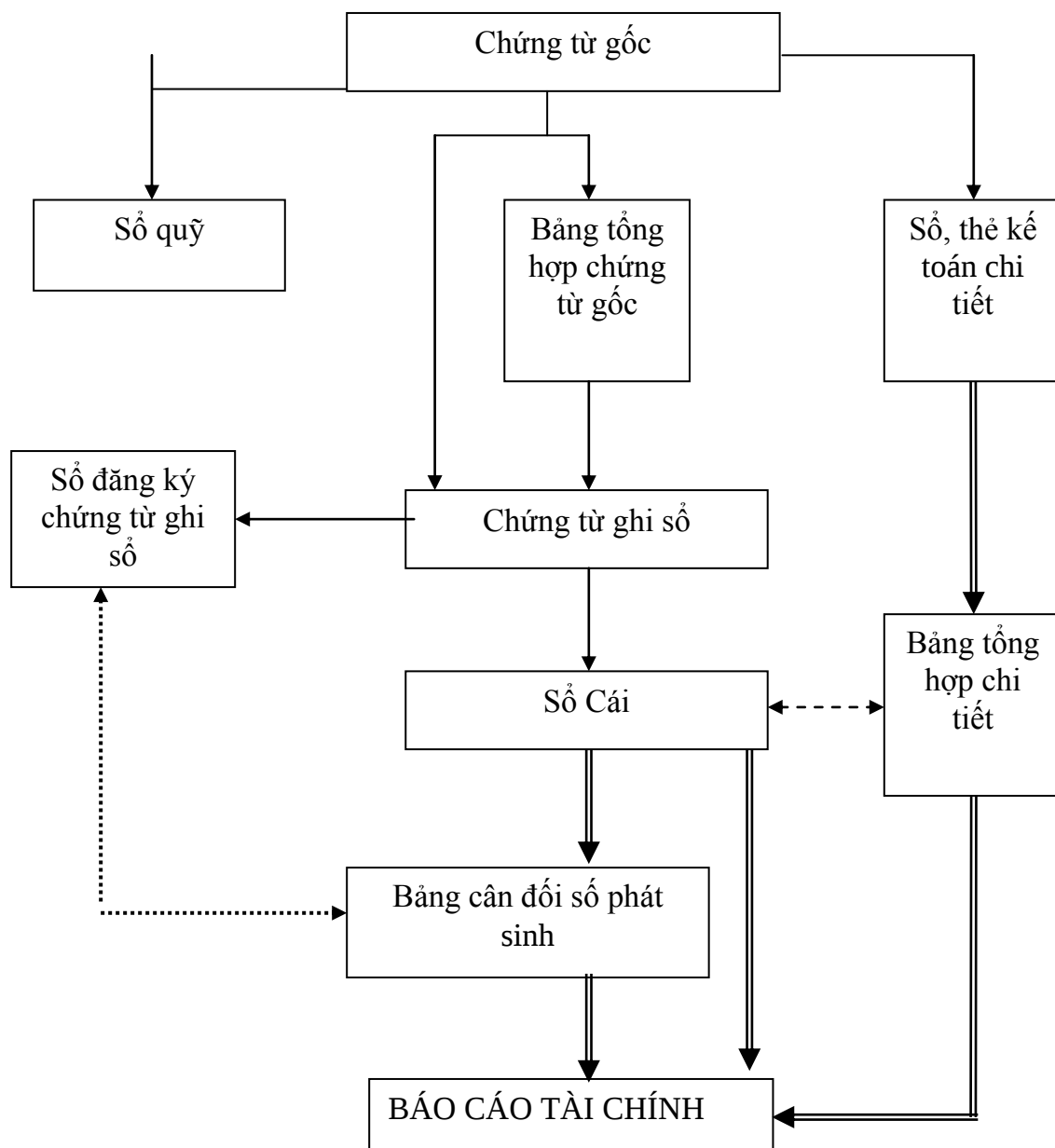
(1) Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán lập chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào chứng từ ghi sổ để ghi vào sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ, sau đó được dùng để ghi vào sổ cái. Các chứng từ kế toán sau khi làm căn cứ lập Chứng từ ghi sổ được dùng để ghi vào sổ, thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

(2) Cuối tháng, phải khóa sổ tính ra tổng số tiền của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong tháng trên sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, tính ra Tổng số phát sinh nợ, Tổng số phát sinh có và Số dư của từng tài khoản trên Sổ Cái. Căn cứ vào Sổ cái lập Bảng Cân đối số phát sinh.

(3) Sau khi đối chiếu, kiểm tra phải đảm bảo Tổng phát sinh Nợ và Tổng phát sinh Có của tất cả các tài khoản trên Bảng Cân đối số phát sinh phải bằng nhau và bằng Tổng số tiền phát sinh trên sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ. Tổng số

dư nợ và Tổng số dư có của các tài khoản trên Bảng Cân đối số phát sinh phải bằng nhau, và số dư của từng tài khoản trên Bảng Cân đối số phát sinh phải bằng số dư của từng tài khoản tương ứng trên Bảng tổng hợp chi tiết.

**TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN THEO HÌNH THỨC KẾ TOÁN CHỨNG TỪ GHI
SỔ THEO SƠ ĐỒ SAU**



Ghi chú:

Ghi hàng ngày →

Ghi cuối tháng, cuối năm ==>

Đối chiếu, kiểm tra <- - - - ->

1.4 Một số lý luận cơ bản về quản lý tài chính tại doanh nghiệp

1.4.1. Giới thiệu chung về quản lý tài chính.

Quản lý tài chính là việc sử dụng các thông tin phản ánh chính xác tình trạng tài chính của một doanh nghiệp để phân tích điểm mạnh và điểm yếu của nó và lập các kế hoạch kinh doanh cho phù hợp

Việc quản lý tài chính bao gồm việc lập các kế hoạch tài chính dài hạn và ngắn hạn, đồng thời quản lý có hiệu quả vốn hoạt động thực của công ty. Đây là công việc rất quan trọng đối với tất cả các doanh nghiệp bởi vì nó ảnh hưởng tới cách thức và phương thức mà nhà quản lý thu hút vốn đầu tư để thành lập, duy trì và mở rộng công việc kinh doanh. Lập kế hoạch tài chính sẽ cho phép quyết định lượng nguyên liệu thô doanh nghiệp có thể mua, sản phẩm công ty có thể sản xuất và khả năng công ty có thể tiếp thị, quảng cáo để bán sản phẩm ra thị trường. Và khi có chiến lược về tài chính các doanh nghiệp cũng sẽ dễ dàng xác định được nguồn lực mà doanh nghiệp cần giúp doanh nghiệp giảm thiểu được tình trạng lãng phí nguồn nhân lực.

1.4.2 Đánh giá tình hình tài chính của doanh nghiệp thông qua việc phân tích các chỉ số tài chính.

1.4.2.1 Các chỉ số về hoạt động

Các chỉ số này dùng để đo lường hiệu quả sử dụng vốn, tài sản của một doanh nghiệp bằng cách so sánh doanh thu với việc bỏ vốn vào kinh doanh dưới các tài sản khác nhau.

a. Số vòng quay hàng tồn kho

Số vòng quay hàng tồn kho là số lần mà hàng hóa tồn kho bình quân luân chuyển trong kỳ.

Số vòng quay hàng tồn kho càng cao thì việc kinh doanh được đánh giá càng tốt, bởi lẽ doanh nghiệp chỉ đầu tư cho hàng tồn kho thấp nhưng vẫn đạt được doanh số cao.

Số vòng quay hàng tồn kho được xác định theo công thức:

$$\text{Số vòng quay hàng tồn kho} = \frac{\text{Giá vốn hàng bán}}{\text{Hàng tồn kho bình quân}}$$

b. Số ngày 1 vòng quay hàng tồn kho

Phản ánh số ngày trung bình của một vòng quay hàng tồn kho.

$$\frac{\text{Số ngày của 1 vòng quay HTK}}{\text{Số ngày trong kỳ}} = \frac{\text{Số ngày trong kỳ}}{\text{Số vòng quay HTK}}$$

Quy ước: 1 năm 360 ngày, 1 quý 90 ngày

c. Vòng quay các khoản phải thu

Vòng quay các khoản phải thu phản ánh tốc độ chuyển đổi các khoản phải thu thành tiền mặt của doanh nghiệp và được xác định theo công thức:

$$\text{Vòng quay các khoản phải thu} = \frac{\text{Doanh thu (thuần)}}{\text{Số dư bình quân các khoản phải thu}}$$

Vòng quay càng lớn, chứng tỏ tốc độ thu hồi các khoản phải thu nhanh là tốt, vì doanh nghiệp không phải đầu tư nhiều vào các khoản phải thu.

d. Kỳ thu tiền trung bình:

Kỳ thu tiền trung bình phản ánh số ngày cần thiết để thu được các khoản phải thu (số ngày của một vòng quay các khoản phải thu). Vòng quay các khoản phải thu càng lớn thì kỳ thu tiền trung bình càng nhỏ, và ngược lại. Kỳ thu tiền trung bình được xác định theo công thức:

$$\text{Kỳ thu tiền trung bình} = \frac{360}{\text{Vòng quay các khoản phải thu}} = \frac{\text{Số dư bình quân các khoản phải thu}}{\text{Doanh thu thuần}} \times 360$$

Tuy nhiên, kỳ thu tiền trung bình cao hay thấp trong nhiều trường hợp chưa thể kết luận chắc chắn, mà còn phải xem xét lại các mục tiêu và chính sách của doanh nghiệp như: mục tiêu mở rộng thị trường, chính sách tín dụng của doanh nghiệp.

e. Vòng quay vốn lưu động

Vòng quay vốn lưu động phản ánh trong kỳ vốn lưu động quay được mấy vòng. Công thức xác định như sau:

$$\text{Vòng quay vốn lưu động} = \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Vốn lưu động bình quân}}$$

h. Hiệu suất sử dụng vốn cố định

Tỷ số này nhằm đo lường việc sử dụng vốn cố định đạt hiệu quả như thế nào. Tỷ số này cho ta biết khi đầu tư 1 đồng vốn cố định thì tạo ra được bao nhiêu đồng doanh

thu.

$$\frac{\text{Hiệu suất sử dụng vốn cố định}}{\text{Doanh thu thuần}} = \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Vốn cố định bình quân}}$$

i. Vòng quay toàn bộ vốn

Chỉ tiêu này phản ánh vốn của doanh nghiệp trong kỳ quay được bao nhiêu vòng. Qua chỉ tiêu vòng quay toàn bộ vốn ta có thể đánh giá được khả năng sử dụng tài sản của doanh nghiệp, doanh thu thuần được sinh ra từ tài sản mà doanh nghiệp đã đầu tư.

$$\text{Vòng quay vốn kinh doanh} = \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Vốn kinh doanh bình quân}}$$

1.4.2.1 Các chỉ số về khả năng sinh lời

Các chỉ tiêu sinh lời luôn được nhà quản trị quan tâm. Chúng là cơ sở quan trọng để đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh trong một kỳ nhất định, là đáp số sau cùng của hiệu quả kinh doanh, và còn là một luận cứ quan trọng để các nhà hoạch định đưa ra các quyết định tài chính trong tương lai.

a. Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu

Chỉ tiêu này phản ánh trong một đồng doanh thu mà doanh nghiệp thực hiện trong kỳ có mấy đồng lợi nhuận. Về lợi nhuận có 2 chỉ tiêu mà quản trị tài chính quan tâm là lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế. Do vậy, tương ứng sẽ có 2 chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu:

$$\frac{\text{Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu}}{\text{Lợi nhuận trước thuế}} = \frac{\text{Lợi nhuận trước thuế}}{\text{Doanh thu thuần}} \times 100$$

$$\frac{\text{Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu}}{\text{Lợi nhuận sau thuế}} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Doanh thu thuần}} \times 100$$

b. Tỷ suất sinh lời của tài sản

Chỉ tiêu này phản ánh 1 đồng giá trị tài sản mà doanh nghiệp đã huy động vào sản xuất kinh doanh tạo ra mấy đồng lợi nhuận trước thuế và lãi vay.

$$\text{Tỷ suất sinh lời của tài sản} = \frac{\text{Lợi nhuận trước thuế và lãi vay}}{\text{Giá trị tài sản bình quân}} \times 100$$

Tỷ suất này cho thấy khi ta đưa bình quân một đồng giá trị tài sản vào sử dụng sẽ làm ra bao nhiêu đồng lợi nhuận trước thuế và lãi vay.

c. Tỷ suất lợi nhuận vốn kinh doanh

Đây là chỉ tiêu đo lường mức sinh lợi của đồng vốn. Cũng như chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu, người ta thường tính riêng rẽ mối quan hệ giữa lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế với vốn kinh doanh.

$$\text{Tỷ suất lợi nhuận trước thuế vốn kinh doanh} = \frac{\text{Lợi nhuận trước thuế}}{\text{Vốn kinh doanh bình quân}} \times 100$$

$$\text{Tỷ suất lợi nhuận sau thuế vốn kinh doanh} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Vốn kinh doanh bình quân}} \times 100$$

Tỷ lệ này cho ta biết được khi sử dụng bình quân 1 đồng vốn kinh doanh đem lại bao nhiêu lợi nhuận trước thuế hay lợi nhuận sau thuế.

d. Tỷ suất lợi nhuận vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu này đánh giá mức độ thực hiện mục tiêu tạo ra lợi nhuận cho các chủ doanh nghiệp. Công thức xác định chỉ tiêu này như sau:

$$\text{Tỷ suất lợi nhuận vốn chủ sở hữu} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Vốn chủ sở hữu bình quân}} \times 100$$

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN THANH CHƯƠNG

2.1 Khái quát về Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Thanh Chương

2.1.1 *Quá trình thành lập và phát triển*

Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Thanh Chương hoạt động theo giấy CNĐK kinh doanh và đăng ký thuế số : 0200638079 do phòng ĐKKD Sở KH - ĐT Hải Phòng cấp đăng ký thay đổi lần thứ 9, ngày 05/1/2010

Địa điểm trụ sở chính : Số 21 Trần Khánh Dư, Máy Tơ , Ngô Quyền, Hải Phòng

Điện thoại : 0313.686605, Fax : 0313686315

Địa điểm kinh doanh : Xưởng sửa chữa cơ khí phương tiện vận tải số 76, phố Võ Thị Sáu, phường Máy Tơ, Ngô Quyền, Hải Phòng chuyển đến số 121 đường Lê Thánh Tông, Vạn Mỹ, Ngô Quyền, Hải Phòng

Vốn điều lệ : 1.200.000.000

Giám đốc : Phùng Văn Tuyên

2.1.2 *Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Thanh Chương*

2.1.2.1 *Đặc điểm sản xuất kinh doanh*

- Hình thức sở hữu vốn : doanh nghiệp cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh : kinh doanh thương mại và dịch vụ
- Ngành nghề kinh doanh :
 - Chuyên kinh doanh dịch vụ thay thế, sửa chữa, bảo dưỡng xe ô tô
 - Buôn bán các linh kiện, thiết bị, nội thất ô tô
 - Vận chuyển hàng hóa trong nước theo đường bộ

* Ngành nghề đăng ký kinh doanh : Kinh doanh khách sạn nhà nghỉ, dịch vụ ăn uống, dịch vụ hoạt động vui chơi giải trí, dịch vụ văn phòng. Thiết bị phụ tùng cơ khí, điện máy, ô tô, máy công trình, vật liệu xây dựng, thiết bị dụng cụ văn phòng. Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, cơ sở hạ tầng. Vận tải xếp dỡ hàng hóa thủy, bộ, đại lý bảo hiểm, vận tải hành khách bằng xe khách...

2.1.2.2 Những thuận lợi, khó khăn và những thành tích đã đạt được của doanh nghiệp trong quá trình hình thành và phát triển

➤ Thuận lợi :

- Toàn thể cán bộ công nhân viên nỗ lực làm việc với nhiệt huyết cao để nâng tầm của mỗi cá nhân, nâng tầm của tổ chức và góp phần nâng tầm của xã hội.
- Tinh thần làm việc nhóm cùng chia sẻ và hợp tác được thành viên trong công ty chú trọng. Mỗi cá nhân là một mắt xích không thể tách rời tạo nên tập thể đoàn kết vững mạnh giúp công ty đạt được mọi mục tiêu đề ra.
- Cùng với bề dày 7 năm kinh nghiệm cùng với sự nỗ lực của cán bộ công nhân viên đã giúp cho công ty tạo được niềm tin và uy tín trên thị trường, giúp công ty phát triển nhanh chóng.

➤ Khó khăn :

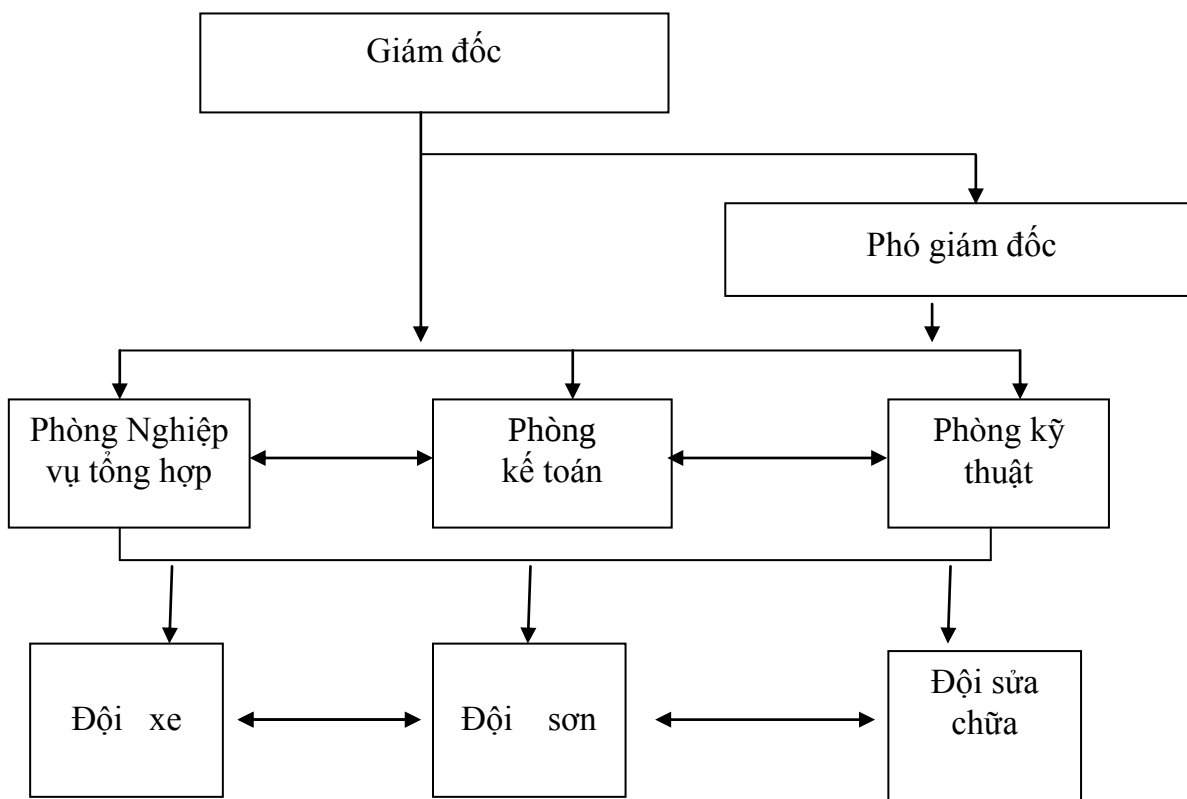
- Lạm phát tăng cao, các chi phí như giá điện, nước, xăng dầu... cũng tăng cao, kéo theo đó là sự tăng về chi phí đầu vào trong doanh nghiệp
- Thị trường chung đang trong thời kỳ khát vốn, các khách hàng sẽ e dè và thận trọng hơn trong việc tiêu dùng và đầu tư cho việc sửa chữa nâng cấp xe.
- Thị trường cạnh tranh cao, đặc biệt là trên địa bàn thành phố Hải Phòng tạo cho doanh nghiệp không ít khó khăn trong việc tìm kiếm khách hàng cũng như giữ khách hàng.

➤ Thành tích đạt được

- Với số vốn ban đầu của mình thì công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Thanh Chương được xếp vào nhóm doanh nghiệp vừa và nhỏ. Sau 7 năm hoạt động công ty được đánh giá là doanh nghiệp hoạt động tương đối hiệu quả. Hàng năm công ty đều tăng quy mô sản xuất kinh doanh, trong đó đặc biệt là tăng mức doanh thu, tổng lợi nhuận thực hiện và tăng nguồn vốn kinh doanh. Khách hàng đến với công ty ngày một nhiều hơn chính bởi sự uy tín của doanh nghiệp trong cả sản phẩm vô hình và hữu hình. Nhờ có kết quả hoạt động kinh doanh khá tốt, doanh nghiệp luôn thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ nộp thuế đối với nhà nước cũng như các chính sách đối với người lao động.

2.1.3 Cơ cấu bộ máy qly của Cty Cổ phần Đầu tư và phát triển Thanh Chương

2.1.3.1 Sơ Đồ bộ máy quản lý



Sơ đồ : Bộ máy tổ chức quản lý của công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Thanh Chương

Ghi chú:

—————> : Quan hệ quản lý chỉ đạo

—————> : Quan hệ phối hợp công tác và hỗ trợ

Các phòng ban có mối liên hệ mật thiết với nhau và đều chịu sự quản lý của Ban giám đốc. Tuy vậy mỗi phòng ban có chức năng, nhiệm vụ riêng phù hợp với tình hình kinh doanh của doanh nghiệp.

2.1.3.2 Chức năng của từng bộ phận.

Đứng đầu là Giám đốc công ty sau đó đốc công ty sau đó đến phó giám đốc và các phòng ban : Phòng nghiệp vụ tổng hợp, phòng kế toán, phòng kỹ thuật chịu sự giám sát trực tiếp của ban giám đốc thông qua các trưởng phòng. Các phòng là bộ phận trực tiếp cung cấp dịch vụ phục vụ cho hoạt động kinh doanh của công ty. Chức năng nhiệm vụ của từng bộ phận được thể hiện như sau:

➤ **Giám đốc:**

Giám đốc công ty là người đứng đầu công ty và thay mặt công ty thực hiện các hoạt động giao dịch bên trong và bên ngoài công ty. Giám đốc cũng là người chịu trách nhiệm về mọi hoạt động và kết quả sản xuất kinh doanh của công ty trước hội đồng thành viên. Giám đốc trực tiếp điều hành mọi hoạt động cũng như uỷ quyền công việc cho phó giám đốc và các phòng ban chức năng. Giám đốc có trách nhiệm tổ chức và chỉ huy mọi hoạt động sản xuất kinh doanh trong công ty theo đúng quy chế của Công ty và quy định của nhà nước ban hành. Tạo điều kiện cho các đoàn thể quần chúng như: Công đoàn, đoàn thanh niên hoạt động, động viên mọi người ra sức phấn đấu hoàn thành công việc. Tôn trọng và thực hiện những mối quan hệ với các thành viên trong công ty về định hướng phát triển kinh doanh của công ty.

➤ **Phó giám đốc:**

Công ty chỉ có một Phó giám đốc do giám đốc quyết định bổ nhiệm sau khi đã tham khảo ý kiến của tập thể cán bộ nhân viên trong doanh nghiệp. Phó giám đốc là người được giám đốc uỷ quyền chỉ đạo hoạt động của các phòng ban chức năng tham mưu cho giám đốc về các hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp. Phó giám đốc cũng là người được giám đốc uỷ quyền thực hiện một số công việc nhất định khi giám đốc vắng mặt.

➤ **Phòng nghiệp vụ tổng hợp**

Phòng hoạt động dưới sự hoạt động của trưởng phòng, thực hiện các công việc mà ban giám đốc công ty giao phó như: đảm nhiệm dịch vụ chăm sóc khách hàng, tham mưu cho ban giám đốc công ty về những chiến lược mang tính tài chính của công ty, tiến hành xây dựng triển khai thực hiện các kế hoạch kinh doanh, tổng hợp và phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của công ty. Bên cạnh đó, phòng còn phụ trách giao dịch thương thảo, ký kết các hợp đồng với khách hàng. Tổ chức hoạt động Marketing để duy trì và mở rộng thị trường, đa dạng các hình thức dịch vụ, tăng hiệu quả kinh doanh.

➤ **Phòng kế toán:**

Dưới sự chỉ đạo của kế toán trưởng: Tổ chức thực hiện chế độ hạch toán, quản lý kinh tế tài chính của Nhà nước trong phạm vi toàn công ty. Phản ánh chính xác, kịp thời, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, đề xuất biện pháp khai thác năng lực cung cấp

các dịch vụ, đẩy mạnh tiết kiệm nâng cao hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Tổ chức quản lý chặt chẽ toàn bộ tài sản, tiền vốn của công ty, chấp hành nghiêm chỉnh và giám sát việc chấp hành các chính sách chế độ thể lệ kế toán theo quy định. Thực hiện ghi chép, tính toán, phản ánh số liệu, tình hình luân chuyển và sử dụng tài sản, vật tư, tiền vốn, quá trình và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và sử dụng nguồn vốn của đơn vị

Kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch thu chi tài chính, thanh toán kiểm tra việc giữ gìn và sử dụng các loại tài sản, vật tư, tiền vốn, phát hiện và ngăn chặn kịp thời những hành động tham ô, vi phạm chính sách chế độ tài chính. Phòng kế toán cung cấp số liệu cho việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, kiểm tra và phân tích hoạt động kinh tế, tài chính của đơn vị.

➤ ***Phòng kỹ thuật***

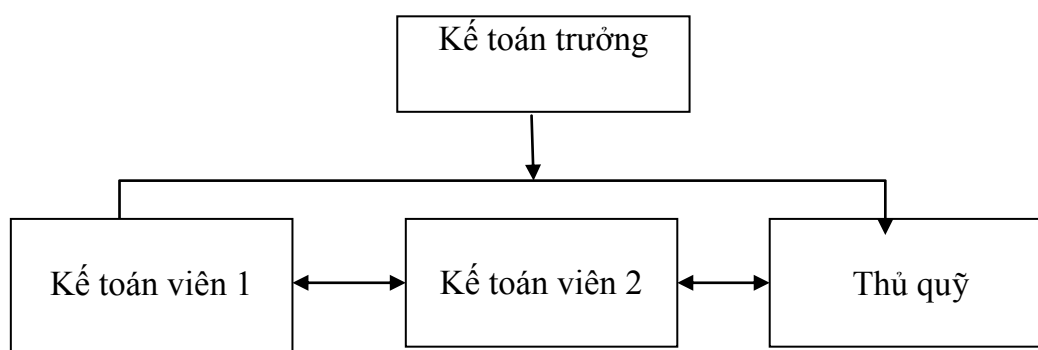
Phòng kỹ thuật có nhiệm vụ lên kế hoạch và quyết định những công việc mang tính kỹ thuật tại công ty.

2.1.4 Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán của công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Thanh Chương

Việc tổ chức, thực hiện chức năng nhiệm vụ nội dung công tác kế toán trong công ty do bộ máy kế toán đảm nhiệm. Vì vậy việc tổ chức cơ cấu bộ máy kế toán sao cho gọn nhẹ, hợp lý và hoạt động có hiệu quả là điều kiện quan trọng để cung cấp thông tin kế toán một cách kịp thời, chính xác, trung thực và đầy đủ hữu ích cho các đối tượng sử dụng thông tin. Đồng thời phát huy và nâng cao trình độ nghiệp vụ và năng suất lao động của nhân viên kế toán.

Tại công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Thanh Chương có một phòng kế toán gồm bốn người. Việc tổ chức công tác kế toán được tiến hành theo mô hình tập trung. Theo mô hình này toàn bộ công tác kế toán được thực hiện ở phòng kế toán của công ty, từ khâu ghi chép ban đầu đến khâu tổng hợp lập báo cáo và kiểm tra kế toán, hạch toán chi tiết, hạch toán tổng hợp. Còn lại các phòng ban khác chỉ lập các chứng từ phát sinh tại đơn vị rồi gửi về phòng kế toán. Quy mô tổ chức của bộ máy kế toán gọn nhẹ phù hợp với đặc điểm của công ty mà vẫn đảm bảo công tác kế toán có hiệu quả. Bộ máy kế toán của công ty được bố trí theo sơ đồ 3 như sau:

2.1.4.1 Sơ đồ bộ máy kế toán tại công ty



Ghi chú:

————— : Quan hệ quản lý chỉ đạo

←———— : Quan hệ phối hợp công tác và hỗ trợ

Người chịu trách nhiệm cao nhất trong Bộ máy kế toán của công ty là Kế toán trưởng. Kế toán trưởng sẽ có trách nhiệm thu thập tổng hợp các báo cáo của các kế toán bộ phận từ các nhân viên kế toán.

Trong đó các nhân viên kế toán có quan hệ mật thiết song song tương trợ giúp đỡ nhau trong các phần hành kế toán, có trách nhiệm thông báo, gửi các chứng từ, báo cáo có liên quan đến các kế toán bộ phận khác trong bộ máy.

2.1.4.2 Chức năng nhiệm vụ của từng người

➤ **Kế toán trưởng**

Kế toán trưởng kiêm kế toán tổng hợp là người hướng dẫn điều hành kiểm tra toàn bộ công tác kế toán - tài chính của công ty, là người giúp giám đốc về mặt tài chính trong việc thu, chi, lập kế hoạch kinh doanh, đầu tư xây dựng cơ bản, lập các báo cáo tài chính theo mẫu biểu quy định, kế toán trưởng là người chịu trách nhiệm trước Giám đốc công ty về công việc thuộc nhiệm vụ và quyền hạn của mình. Hàng ngày kế toán trưởng xét duyệt và ký các loại chứng từ như: phiếu thu, phiếu chi, hoá đơn bán hàng của toàn công ty do các bộ phận có trách nhiệm lập.

➤ **Kế toán viên 1**

Kế toán viên 1 là người chịu trách nhiệm về các phần hành kế toán tại công ty như : kế toán vốn bằng tiền, công nợ và thanh toán lương và các khoản trích theo lương. Các nghiệp vụ kế toán phát sinh liên quan tới tiền, thanh toán công nợ với người mua, người bán, lương phải trả công nhân viên, trích các khoản BHYT, BHXH, KPCĐ được kế toán

viên 1 tổng hợp vào sổ sách và báo cáo lên kế toán tổng hợp.

➤ **Kế toán viên 2**

Kế toán viên 2 chịu trách nhiệm về các nghiệp vụ phát sinh liên quan tới hàng tồn kho và TSCĐ của công ty, hàng ngày kế toán này có trách nhiệm theo dõi những nghiệp vụ phát sinh liên quan tới hàng tồn kho của doanh nghiệp (bao gồm hàng hóa, công cụ dụng cụ,...) và những nghiệp vụ liên quan đến việc tăng giảm TSCĐ.

➤ **Thủ quỹ**

Thủ quỹ khi các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, thủ quỹ căn cứ vào tính hợp lệ của các chứng từ tiến hành viết phiếu thu và phiếu chi, cuối ngày đối chiếu, với sổ quỹ tiền mặt để đảm bảo tính chính xác. Thủ quỹ là người quản lý toàn bộ tiền mặt và các chứng từ tương đương tiền của công ty. Thủ quỹ cũng là người theo dõi các nghiệp vụ phát sinh trên tài khoản tiền gửi ngân hàng của công ty.

2. 1..4.3 Chế độ kế toán áp dụng tại công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Thanh Chương

Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Thanh Chương là doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ do vậy công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006.

- Kỳ kế toán năm: Bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc vào ngày 31/12 dương lịch
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Việt Nam đồng
- Chế độ kế toán áp dụng : Theo chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ
- Phương pháp kế toán hàng tồn kho:

+ Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Ghi nhận giá trị hàng nhập kho xuất kho theo giá thực nhập không tính thuế giá trị gia tăng.

+ Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: theo phương pháp Nhập trước – Xuất trước

- + Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Theo phương pháp kê khai thường xuyên
- + Phương pháp khấu hao tài sản cố định đang áp dụng: Khấu hao đều theo thời gian.
- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá:

Tất cả các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến biến động ngoại tệ đều được quy đổi ghi sổ bằng tiền Việt Nam đồng theo tỷ giá thực tế bán ra của Ngân hàng ngoại thương Việt Nam tại thời điểm nghiệp vụ phát sinh.

2.1.4.4 Tổ chức vận dụng chứng từ kế toán tại công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Thanh Chương

Chứng từ kế toán là những giấy tờ và vật mang tin phản ánh nghiệp vụ kinh tế phát sinh và đã hoàn thành, làm căn cứ để ghi sổ kế toán. Hệ thống biểu mẫu chứng từ kế toán tại công ty được áp dụng theo chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ bao gồm 7 phần hành :

- + Kế toán vốn bằng tiền
- + Kế toán tài sản cố định
- + Kế toán hàng tồn kho
- + Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương
- + Kế toán tiêu thụ, chi phí, xác định và phân phối kết quả kinh doanh
- + Kế toán các loại nguồn vốn
- + Lập và phân tích báo cáo tài chính

*** Trình tự luân chuyển chứng từ như sau:**

Bước 1: Lập hoặc tiếp nhận chứng từ.

Khi lập chứng từ cần lập đầy đủ số liên quy định, việc ghi chép chứng từ phải rõ ràng, trung thực đầy đủ các yếu tố gạch bỏ phần trống và không được tẩy xóa, sửa chữa tên chứng từ. Trường hợp viết sai cần huỷ bỏ, không được xé rời chứng từ khỏi cuống

Bước 2: Kiểm tra chứng từ:

Kiểm tra chứng từ là việc xem xét tính hợp lệ, hợp lý của chứng từ và cả tính chính xác của số liệu, thông tin trên chứng từ, đồng thời kiểm tra, xét duyệt với từng loại, nghiệp vụ kinh tế.

Bước 3: Sử dụng ghi sổ kế toán:

Căn cứ vào nội dung mà chứng từ phản ánh, kế toán tiến hành phân loại chứng từ theo từng loại nghiệp vụ, theo tính chất các khoản chi phí hoặc đặc điểm phát sinh ... rồi định khoản ghi vào sổ tài khoản kế toán liên quan.

Bước 4: Lưu trữ và huỷ chứng từ:

Chứng từ kế toán vừa là căn cứ pháp lý để ghi sổ kế toán vừa là tài liệu lịch sử kế toán của đơn vị. Bởi vậy sau khi ghi sổ và kết thúc, định kỳ kế toán chứng từ được lưu chuyển vào khâu lưu trữ, bảo đảm an toàn, khi hết thời hạn lưu trữ chứng từ đem huỷ.

2.1.4.5 Tổ chức vận dụng hệ thống tài khoản kế toán tại công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Thanh Chương

Là một công ty có quy mô vừa và nhỏ nên công ty vận dụng hệ thống tài khoản kế toán theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ tài chính.

Hệ thống tài khoản kế toán công ty áp dụng từ loại 1 đến loại 9 để hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

2.1.4.6 Tổ chức vận dụng chế độ sổ kế toán tại công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Thanh Chương.

Sổ kế toán dùng để ghi chép, hệ thống và lưu giữ toàn bộ các nghiệp vụ kinh tế đã phát sinh theo nội dung kinh tế và theo trình tự thời gian có liên quan đến doanh nghiệp. Doanh nghiệp thực hiện các quy định về sổ kế toán trong Luật Kế toán, Nghị định số 129/2004/NĐ-CP ngày 31/5/2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Kế toán trong lĩnh vực kinh doanh.

Doanh nghiệp có một hệ thống sổ kế toán cho một kỳ kế toán năm. Sổ kế toán gồm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết.

- Sổ kế toán tổng hợp, gồm: Sổ đăng ký CTGS, Sổ cái.
- Sổ kế toán chi tiết, gồm: Sổ, thẻ kế toán chi tiết.

➤ *Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ:*

Dùng để ghi chép các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh trong từng kỳ kế toán và trong một niên độ kế toán theo trình tự thời gian và quan hệ đối ứng các tài khoản của các nghiệp vụ đó. Số liệu kế toán trên sổ Nhật ký phản ánh tổng số phát sinh bên Nợ và bên Có của tất cả các tài khoản kế toán sử dụng ở doanh nghiệp. Sổ Nhật ký phản ánh các nội dung:

- Ngày, tháng ghi sổ;
- Số hiệu và ngày, tháng của chứng từ kế toán dùng làm căn cứ ghi sổ;
- Tóm tắt nội dung của nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh;
- Số tiền của nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh.

➤ *Sổ cái :*

Dùng để ghi chép các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh trong từng kỳ và trong một niên độ kế toán theo các tài khoản kế toán áp dụng ở doanh nghiệp. Sổ cái phản ánh

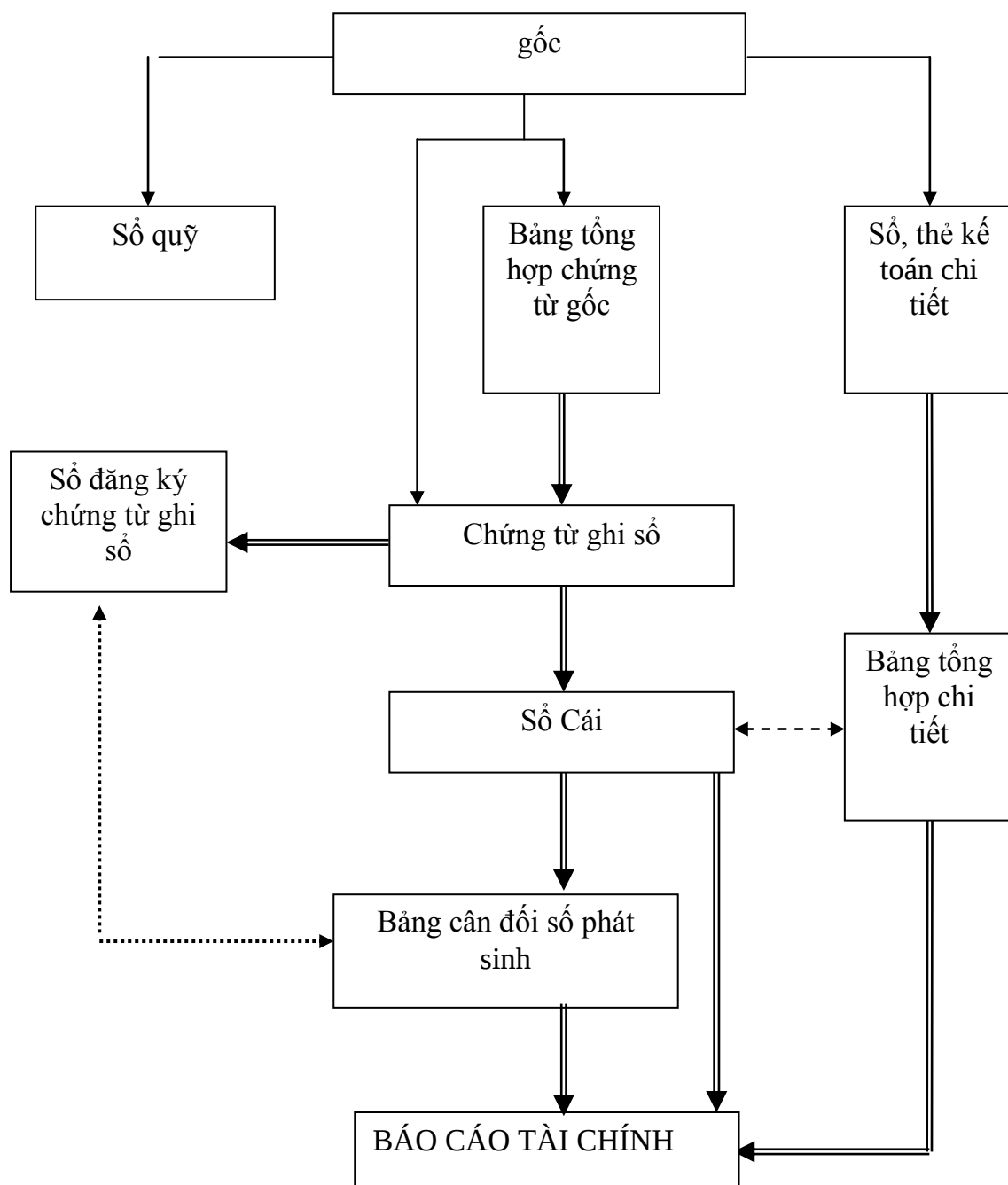
các nội dung sau:

- Ngày, tháng ghi sổ;
- Số hiệu và ngày, tháng của chứng từ kế toán dùng làm căn cứ ghi sổ;
- Tóm tắt nội dung của nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh;
- Số tiền của nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh ghi vào bên Nợ hoặc bên Có của tài khoản.

➤ ***Sổ kế toán chi tiết***

Sổ kế toán chi tiết dùng để ghi chép các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh liên quan đến các đối tượng kế toán cần thiết phải theo dõi chi tiết theo yêu cầu quản lý. Số liệu trên sổ kế toán chi tiết cung cấp thông tin phục vụ cho việc quản lý từng loại tài sản, nguồn vốn, doanh thu, chi phí chưa được phản ánh trên sổ Nhật ký và Sổ cái.

1.2.5 Sơ đồ hạch toán kế toán theo hình thức chứng từ ghi sổ.



Ghi chú:

Ghi hàng ngày →

Ghi cuối tháng, cuối năm ==>

Đối chiếu, kiểm tra <- - - - ->

2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Thanh Chương.

2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ tại công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Thanh Chương

Doanh thu của công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Thanh tương đối đa dạng, bao gồm doanh thu hoạt động sửa chữa cơ khí, dịch vụ vận tải, thương mại, và hoa hồng đại lý.

➤ Chứng từ sử dụng

Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Thanh Chương sử dụng các chứng từ có liên quan đến quy trình bán hàng theo quy định của Bộ tài chính.

- Hóa đơn GTGT (Mẫu số 01- GTKT- 3LL)
- Phiếu thu (Mẫu số 01- TT)
- Giấy báo có.
- Hợp đồng mua bán hàng hóa
- Các chứng từ có liên quan khác.

➤ Tài khoản sử dụng

Để tổ chức kế toán doanh thu bán hàng, Công ty sử dụng tài khoản 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phản ánh số tiền thu được từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ trong kỳ. Với 2 tài khoản chi tiết như sau :

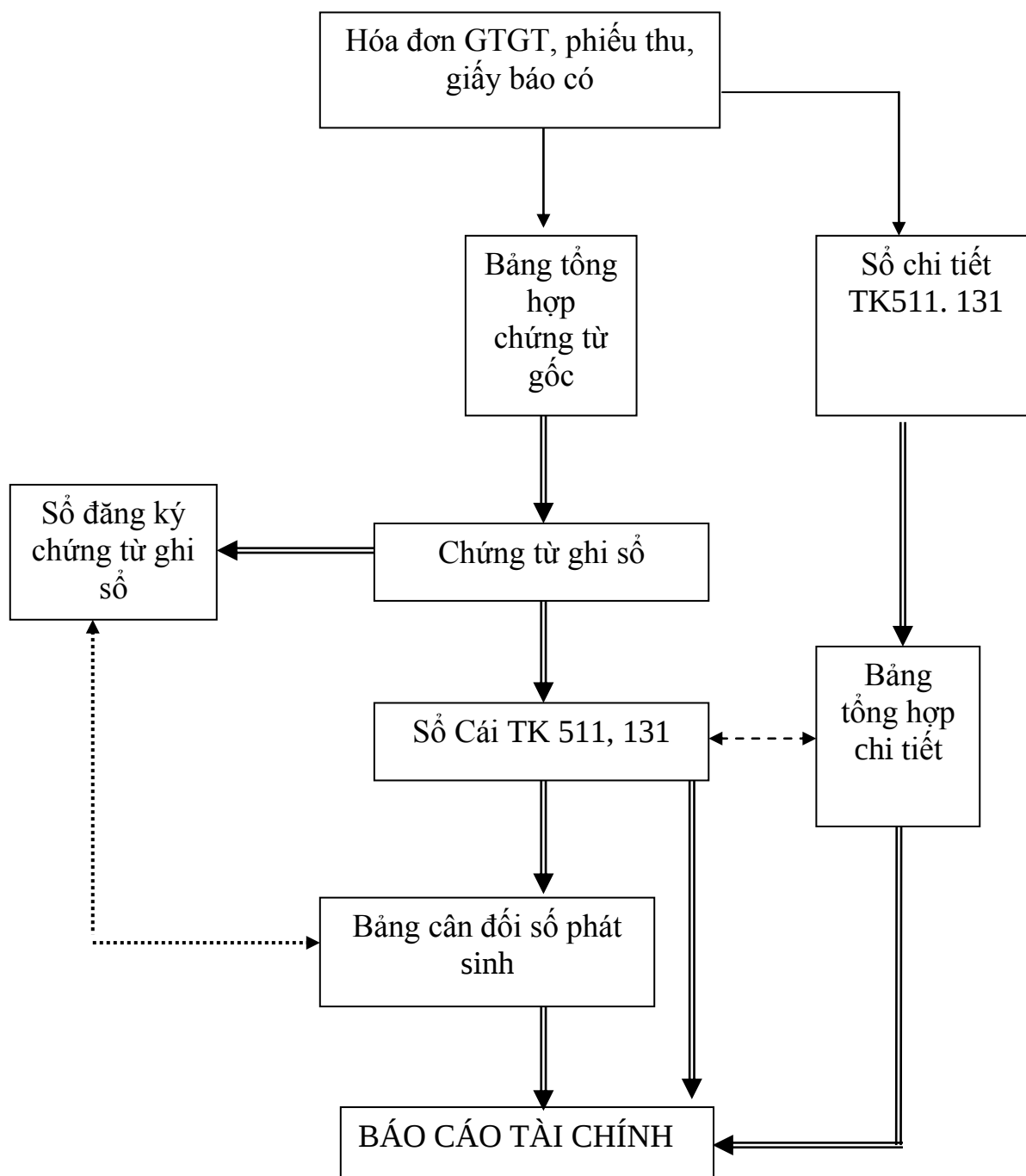
- TK 5111 : Doanh thu dịch vụ sửa chữa
- TK 5112 : Doanh thu thương mại
- TK 5113 : Doanh thu dịch vụ giao nhận vận chuyển
- TK5114 : Doanh thu hoa hồng + hỗ trợ đại lý

Kế toán căn cứ vào hợp đồng kinh tế, viết Phiếu thu để thu các khoản tiền được thanh toán theo đúng quy trình. Nếu khách hàng chuyển tiền qua ngân hàng thì kế toán tiền gửi ngân hàng cũng có trách nhiệm theo dõi và nhận các chứng từ từ ngân hàng. Sau khi khách hàng thanh toán các khoản tiền hàng theo thỏa thuận, kế toán sẽ viết Hóa đơn GTGT cho khách hàng. Hóa đơn GTGT chia làm 3 liên:

- Liên 1: lưu vào sổ gốc
- Liên 2: giao cho khách hàng
- Liên 3 : dùng để hạch toán

➤ **Quy trình hạch toán**

Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Thanh Chương được mô tả theo sơ đồ 2.1 như sau:



Ghi chú:

Ghi hàng ngày →

Ghi cuối tháng ==>

Đối chiếu, kiểm tra <-.->

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ gốc như hợp đồng mua bán hàng hóa, Hóa đơn GTGT, phiếu thu và các chứng từ có liên quan, kế toán tiến hành ghi vào Bảng kê chứng từ cùng loại đồng thời ghi vào sổ chi tiết các tài khoản có liên quan.

Cuối tháng, căn cứ vào Bảng kê chứng từ cùng loại lập Chứng từ ghi sổ. Từ chứng từ ghi sổ ghi vào Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ và các Sổ cái các tài khoản như tài khoản 511, 131... Cuối tháng hoặc cuối quý, căn cứ vào Sổ chi tiết lập Bảng tổng hợp chi tiết như Bảng tổng hợp doanh thu, Bảng tổng hợp phải thu khách hàng.

Cuối quý hoặc cuối năm, căn cứ vào Sổ cái các tài khoản lập Bảng cân đối số phát sinh. Số liệu từ bảng cân đối số phát sinh và từ bảng tổng hợp chi tiết sẽ được lập Báo cáo tài chính.

VD 1 : Ngày 03/12/2011 công ty tiến hành sửa xe, thay thế phụ tùng cho xe mang biển kiểm soát 16H-9100 của xí nghiệp bảo hiệu hàng hải miền bắc theo báo giá ngày 25/11/2011, tổng số tiền là 40.524.000 (Đã bao gồm 10% thuế GTGT).

Quy trình kế toán chi tiết như sau:

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0000991 (Biểu 2.1.1), kế toán chi tiết ghi vào Sổ chi tiết TK 511 (Biểu số 2.1.3) và Bảng kê chứng từ cùng loại (Biểu số 2.1.4) đồng thời vào Sổ chi tiết thanh toán với người mua (Biểu số 2.1.6).

Cuối tháng, căn cứ vào Bảng kê chứng từ cùng loại, kế toán lập chứng từ ghi sổ (Biểu số 2.1.7). Từ chứng từ ghi sổ ghi vào Sổ cái tài khoản 511 (Biểu số 2.1.9), Sổ cái tài khoản 131 (Biểu số 2.1.10) đồng thời vào Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ (Biểu số 2.1.11). Cuối tháng hoặc cuối quý, kế toán căn cứ vào Sổ chi tiết doanh thu (TK 511) vào Bảng tổng hợp doanh thu (Biểu số 2.1.12). Từ Sổ chi tiết thanh toán với người mua, kế toán lập Bảng tổng hợp phải thu khách hàng (Biểu số 2.1.13).

Cuối quý hoặc cuối năm, từ sổ cái các tài khoản, kế toán lập Bảng cân đối số phát sinh. Căn cứ vào bảng cân đối số phát sinh và bảng tổng hợp chi tiết lập Báo cáo tài chính

VD 2 : Ngày 05/12/2011 công ty sửa xe cho khách hàng là Anh Thiện, xe biển 30H – 7081, với số tiền là 1.012.000 (Đã bao gồm 10 % thuế GTGT).

Quy trình kế toán chi tiết như sau:

Căn cứ vào hóa đơn GTGT 0000994 (Biểu 2.1.2), kế toán ghi vào Sổ chi tiết TK 511 (Biểu 2.1.3) và đồng thời vào Bảng kê chứng từ cùng loại (Biểu 2.1.5).

Cuối tháng, căn cứ vào Bảng kê chứng từ cùng loại, kế toán ghi vào Chứng từ ghi sổ (Biểu 2.1.8). Từ chứng từ ghi sổ, vào Sổ cái TK 511 (Biểu 2.1.9) và Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ (Biểu 2.1.11)

Cuối quý hoặc cuối năm, từ sổ cái các tài khoản, kế toán lập Bảng cân đối số phát sinh. Căn cứ vào bảng cân đối số phát sinh và bảng tổng hợp chi tiết lập Báo cáo tài chính



TRUNG TÂM CÔNG NGHIỆP Ô TÔ THANH CHƯƠNG

Đ/C: 21 Trần Khánh Dư - Ngô Quyền - Hải Phòng
Đ/T: 0312.211.199 / 0989.544500 Fax: 031.3686315

Hải Phòng, ngày 25 tháng 11 năm 2011

BÁO GIÁ SỬA CHỮA Ô TÔ

Kính gửi: XÍ NGHIỆP THIẾT BỊ BÁO HIỆU HÀNG HẢI MIỀN BẮC

Sau khi khảo sát hiện trạng phương tiện, chúng tôi xin gửi tới Quý khách báo giá chi tiết chi phí sửa chữa, thay thế bị phụ tùng xe 16H-9100. như sau:

SỐ TT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
1	Dầu máy	Can	1	500.000	500.000
2	Cốc lọc dầu	Cái	1	220.000	220.000
3	Máy phát	Cái	1	15.800.000	15.800.000
4	Mobin	Cái	1	1.350.000	1.350.000
5	Dây cao áp	Bộ	1	1.620.000	1.620.000
6	Dây cam	Sợi	1	1.050.000	1.050.000
7	Bình điện	Cái	1	1.900.000	1.900.000
8	Bánh răng hộp số 3	Bộ	1	4.050.000	4.050.000
9	Dầu hộp số	Lít	5	100.000	500.000
10	Lốp 185R14	Quả	4	2.250.000	9.000.000
11	Nhân công sửa chữa tổng thể				850.000
	Cộng				36.840.000
	Thuế VAT 10%				3.684.000
	TỔNG CỘNG:				40.524.000

(Bằng chữ: Bốn mươi triệu năm trăm hai bốn ngàn đồng chẵn)

Thời gian thực hiện: Dự kiến 30 ngày kể từ ngày bàn giao xe .

Lưu ý: Các hạng mục phát sinh (nếu có) sẽ được hai bên thỏa thuận sau

Tài khoản thanh toán: Công ty cổ phần Đầu tư & Phát triển Thanh Chương

Tài khoản số : 021.01.01.000579.0 Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Hồng Bàng

Đơn vị chúng tôi rất mong được phục vụ quý khách !

ĐẠI DIỆN DỊCH VỤ TRUNG TÂM

Biểu 2.1.1

		HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 3: Lưu nội bộ Ngày 03 tháng 12 năm 2010	Mẫu số: 01/GTKT-3LL 0000991		
Đơn vị bán hàng: Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Thanh Chương Địa chỉ: Số 21 Trần Khánh Dư, Máy Tơ, Ngô Quyền, Hải Phòng Số tài khoản: MST 0200638079					
Họ tên người mua hàng: Tên đơn vị: Xí nghiệp thiết bị báo hiệu hàng hải miền bắc Địa chỉ: Số 22B/ 215 Lê Lai, Phường Máy Chai, Quận Ngô Quyền, HẢI PHÒNG Số tài khoản: MST					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị Tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3
1	Sửa chữa xe BS 16H-9100 (Theo báo giá ngày 25				36.840.000
Cộng tiền hàng:					36.840.000
Thuế GTGT: 10 %					Tiền thuế GTGT: 3.684.000
Tổng cộng tiền thanh toán					40.524.000
Số tiền viết bằng chữ: Bốn mươi triệu năm trăm hai mươi bốn nghìn đồng chẵn.					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	

		HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 3: Lưu nội bộ Ngày 03 tháng 12 năm 2010	Mẫu số: 01 GTKT -3LL 0000994		
Đơn vị bán hàng: Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Thanh Chương Địa chỉ: Số 21 Trần Khánh Dư, Máy Tơ, Ngô Quyền, Hải Phòng Số tài khoản: MST 0200638079					
Họ tên người mua hàng: Anh Thiện Tên đơn vị: Trường cao đẳng nghề số 3 – Bộ Quốc Phòng Địa chỉ: Số 248, đường Lê Duẩn, Quận Kiến An, Hải Phòng Số tài khoản: MST					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị Tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3
1	Kính trắng	m ²	1	150.000	150.000
2	Rô tuyl lái trong	Chiếc	1	170.000	170.000
3	Phốt thủy lực	Cái	1	450.000	450.000
4	Nhân công tháo lắp				150.000
Cộng tiền hàng:					920.000
Thuế GTGT: 10 %					Tiền thuế GTGT: 92.000
Tổng cộng tiền thanh toán					1.012.000
Số tiền viết bằng chữ: Một triệu không trăm mười hai nghìn đồng chẵn					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	

Biểu 2.1.3

SỔ CHI TIẾT

TÀI KHOẢN : 511- DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

THÁNG 12 NĂM 2011

TKĐƯ	CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	TỔNG DOANH THU	THUẾ GTGT	SỬA CHỮA	HÀNG HOÁ	VẬN CHUYỂN	Ô TÔ+MÁY CÔNG TRÌNH	HOA HỒNG+HỖ TRỢ ĐẠI LÝ
	SỐ HIỆU	NGÀY THÁNG								
131	988	2/12/11	Hàng hóa	1.156.000.000	115.600.000		1.156.000.000			
111	989	2/12/11	Sửa chữa	1.400.000	140.000	1.400,000				
111	990	2/12/11	Sửa chữa	13.065.000	1.306.500	13.065.000				
131	991	3/12/11	Sửa chữa	36.840.000	3.684.000	36.840.000				
112	992	5/12/11	Hoa hồng đại lý	35.168.237						35.168.237
111	993	5/12/11	Sửa chữa	610.000	61.000	610.000				
111	994	5/12/11	Sửa chữa	920.000	92.000	920.000				
			...							
			Cộng tháng 12	7.301.602.324	721.231.105	1.575.190.973	5.405.474.620	231.645.455		89.291.276

BẢNG KÊ CHỨNG TỪ

Tên tài khoản: Phải thu của khách hàng

Số hiệu TK: 131(ghi nợ TK 131)

Từ ngày : 01/12/2011 Đến ngày : 31/12/2011

Ngày tháng	Số CT	Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	Ghi chú
Thuế GTGT đầu ra (TK 3331) tháng 12/2011					
		...			
03/12	0000991	<i>Thuế GTGT Xí nghiệp thiết bị bảo hiệu hàng hải miền bắc</i>	3331	3.684.000	
		...			
15/12	0001109	Thuế GTGT khách hàng lẻ	3331	324.291	
15/12	0001111	Thuế GTGT công ty TNHH VTB Bạch Đằng	3331	38.365.845	
15/12	0001112	Thuế GTGT công ty TNHH Hoàng Hà	3331	183.572	
15/12	0001113	Thuế GTGT công ty TNHH Hoàng Hà	3331	733.722	
		...			
28/12	0001928	Thuế GTGT Cty Thương mại Nam Đạt	3331	2.932.923	
28/12	0001929	Thuế GTGT Cty Mai Trang	3331	1.383.911	
		...			
		Cộng		256.521.644	
Doanh thu (TK 511) tháng 12/2011					
		...			
03/12	0000991	<i>Phải thu tiền sửa xe xí nghiệp bảo hiệu hàng hải miền bắc</i>	5111	36.840.000	
05/12	0000993	Phải thu tiền sửa xe khách hàng lẻ	5111	1.253.000	
05/12	000997	Phải thu tiền sửa xe Cty TMVT Minh Hoàng	5111	28.634.292	
		...			
13/12	0001014	Bán dầu Diezen cho Gia Trang	5112	23.912.918	
13/12	0001015	Phải thu tiền sửa xe cho Trại Giam Xuân Nguyên	5111	9.819.000	
13/12	0001016	Phải thu tiền sửa xe khách hàng lẻ	5111	720.000	
13/12	0001017	Phải thu tiền sửa xe Cty Nam Đạt	5111	29.329.231	
		...			
		Cộng		2.565.216.439	

Tổng phát sinh nợ 2.821.738.083

Hải phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập
(ký, ghi họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, ghi họ tên)

BẢNG KÊ CHỨNG TỪ

Tên tài khoản: Tiền mặt

Số hiệu TK: 111(ghi nợ TK 111)

Từ ngày : 01/12/2011 Đến ngày : 31/12/2011

Ngày tháng	Số CT	Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	Ghi chú
		...			
Thuế GTGT đầu ra (TK 3331) tháng 12/2011					
		...			
05/12	000992	Thuế GTGT khách hàng lẻ	3331	56.000	
05/12	0000993	Thuế GTGT công ty TNHH VTB Bạch Đằng	3331	365.845	
05/12	0000994	Thuế GTGT khách hàng lẻ	3331	92.000	
05/12	0000995	Thuế GTGT công ty TNHH Hoàng Hà	3331	733.722	
	...	...			
20/12	0001204	Thuế GTGT khách hàng lẻ	3331	273.0000	
20/12	0001205	Thuế GTGT khách hàng lẻ	3331	34.890	
		...			
		Cộng		45.365.211	
Doanh thu (TK 511) tháng 12/2011					
		...			
05/12	0000992	Thu tiền sửa xe khách hàng lẻ	5111	560.000	
05/12	0000993	Thu tiền sửa xe công ty TNHH VTB Bạch Đằng	5111	3.658.451	
05/12	0000994	Thu tiền sửa xe khách hàng lẻ	5111	920.000	
05/12	0000995	Thu tiền sửa xe cty TNHH Hoàng Hà	5111	7.337.223	
		...			
21/12	0001214	Thu tiền sửa xe cho Trại Giam Xuân Nguyên	5111	12.349.000	
21/12	0001215	Thu tiền sửa xe khách hàng lẻ	5111	323.100	
21/12	0001216	Thu tiền bán hàng cty Nam Đạt	5112	871.000	
		...			
		Cộng		542.943.385	
		...			

Tổng phát sinh nợ 6.750.385.721

Hải phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập
(ký, ghi họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, ghi họ tên)

Biểu 2.1.6

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA

TK 131 – Đối tượng : Xí nghiệp thiết bị báo hiệu hàng hải miền bắc

Từ ngày 1/12/2011 đến ngày 31/12/2011

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
	SH	NT			Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ				98.000.000	
			Số phát sinh trong kỳ					
			...				...	
10/12	0001006	10/12	Phải thu của công ty	511	40.524.000		130.628.000	
14/12	0001016	14/12	Phải thu của công ty	511	12.870.000		138.524.000	
16/12	0001019	16/12	Phải thu của công ty	511	25.420.778		163.944.778	
			...					
18/12	GBC 989	18/12	Công ty đã thanh toán	1121		50.000.000	113.944.778	
22/12	GBC1001	22/12	Công ty đã thanh toán	1121		70.000.000	43.944.778	
			...					
			Cộng phát sinh		598.120.977	612.570.000		
			Số dư cuối kỳ				83.550.977	

Hải phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập
(Ký, ghi họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi họ tên)

Biểu 2.1.7

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
VÀ PHÁT TRIỂN THANH CHUÔNG**

Mẫu số S02a – DNN
Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Ngày 31/12/2011

Số 012/12

Trích yếu	Số hiệu		Số tiền
	Nợ	Có	
Phải thu khách hàng tháng 12/2011			
Doanh thu phát sinh tháng 12	131	511	2.565.216.439
Thuế GTGT phát sinh tháng 12	131	3331	256.521.644
Cộng			2.821.738.083

Kèm theo...chứng từ gốc

Hải phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập

(ký, ghi họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, ghi họ tên)

Biểu 2.1.8

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
VÀ PHÁT TRIỂN THANH CHUÔNG**

Mẫu số S02a – DNN
Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Ngày 31/12/2011

Số 013/12

Trích yếu	Số hiệu		Số tiền
	Nợ	Có	
Tiền mặt phát sinh nợ tháng 12/2011			
Doanh thu phát sinh tháng 12	111	511	542.943.385
Thuế GTGT phát sinh tháng 12	111	3331	45.365.211
Vay ngắn hạn cá nhân kinh doanh	111	311.1	800.000.000
Thu nợ tiền hàng	111	131	44.466.134
...			
Cộng			6.750.385.721

Kèm theo...chứng từ gốc

Hải phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập

Kế toán trưởng

(ký, ghi họ tên)

(ký, ghi họ tên)

Biểu 2.1.9

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN THANH CHUÔNG				Mẫu số S03b-DNN (Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)		
SỔ CÁI						
Từ ngày 1/12/2011 đến ngày 31/12/2011						
Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ						
Số hiệu: 511						
Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn Giải	SH TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	G	1	2
			Số phát sinh			
31/12	008/12	31/12	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tháng 12 thu bằng tiền mặt.	111		542.943.385
31/12	012/12	31/12	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tháng 12 khách hàng chưa trả tiền	131		2.565.216.439
31/12	013/12	31/12	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tháng 12 bằng tiền gửi ngân hàng	112		4.193.442.500
31/12	021/12	31/12	Kết chuyển doanh thu tháng 12/2011	911	7.301.602.324	
			Cộng phát sinh		7.301.602.324	7.301.602.324
			Cộng lũy kế từ đầu năm		42.589.964.268	42.589.964.268
Ngày 31 tháng 12 năm 2011						
Người ghi sổ (Ký, họ tên)		Kế toán trưởng (Ký, họ tên)		Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu)		

Biểu 2.1.10

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN THANH CHƯƠNG				Mẫu số S03b-DNN (Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)		
SỔ CÁI Từ ngày 1/12/2011 đến ngày 31/12/2011 Tên tài khoản: Phải thu khách hàng Số hiệu: 131						
Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn Giải	SH TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	G	1	2
			<i>Số dư đầu tháng</i>		2.918.621.044	
31/12	004/12	31/12	Khách hàng thanh toán bằng tiền mặt	111		44.466.134
31/12	005/12	31/12	Khách hàng thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng	112		786.771.000
31/12	012/12	31/12	Phải thu khách hàng tháng 12			
			<i>Thuế GTGT đầu ra</i>	3331	256.521.644	
			<i>Doanh thu bán hàng tháng 12</i>	511	2.565.216.439	
31/12	026/12	31/12	Đối trừ công nợ			125.340.000
			<i>Cộng phát sinh tháng 12</i>		2,821,738,083	956.577.134
			<i>Số dư cuối tháng</i>		4.783.781.993	
Ngày 31 tháng 12 năm 2011						
Người ghi sổ (Ký, họ tên)		Kế toán trưởng (Ký, họ tên)		Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu)		

**Đơn vị: Cty cổ phần đầu tư và phát triển
Thanh Chương**

Mẫu số S02b-DN

Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Tháng 12 năm 2011

Chứng từ ghi sổ		Số tiền
Số hiệu	Ngày, tháng	
...	...	...
003/12	31/12	121.150.991
004/12	31/12	312.029.000
005/12	31/12	300.000.000
006/12	31/12	3.420.000.000
007/12	31/12	26.504.509
008/12	31/12	12.800.000
009/12	31/12	223.362.625
010/12	31/12	7.729.963.778
011/12	31/12	7.596.823.485
012/12	31/12	2.821.738. 083
013/12	31/12	6.750.385.721
014/12	31/12	5.051.736.573
015/12	31/12	6.621601.774
...		...
021/12	31/12	14.604.016.714
...		
Cộng tháng 12		54.256.658.143

Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 1 đến trang

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Giám đốc
(Ký họ tên, đóng dấu)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
VÀ PHÁT TRIỂN THANH CHƯƠNG**

BẢNG TỔNG HỢP DOANH THU

Tên tài khoản : Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu : 511

Tháng 12 năm 2011

STT	Số hiệu tài khoản	Tên đối tượng	Số phát sinh trong quý	
			Nợ	Có
1	5111	Doanh thu dịch vụ sửa chữa		1.575.190.973
2	5112	Doanh thu bán hàng hóa		5.405.474.620
3	5113	Doanh thu dịch vụ giao nhận vận chuyển		231.645.455
4	5114	Doanh thu ô tô + máy công trình		
5	5115	Doanh thu hoa hồng, hỗ trợ đại lý		89.291.276
		Tổng cộng		7.301.602.324

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ

(Ký, ghi họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi họ tên)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
VÀ PHÁT TRIỂN THANH CHƯƠNG

BẢNG TỔNG HỢP THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA

Tên tài khoản: Phải thu khách hàng

Số hiệu : 131

Từ ngày 1/12/2011 đến ngày 31/12/2011

STT	Tên khách hàng	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	<i>Xí nghiệp báo hiệu hàng hải Miền bắc</i>	98.000.000		598.120.977	912.570.000	83.550.977	
2	Cty Cổ phần thương mại Gia Trang	250.586.950		780.950.768	905.450.000	126.087.718	
3	Công ty TNHH Sơn Toa VN	120.819.064		69.375.000	190.194.064		
4	Công ty CP Minh Phúc	125.456.965		350.870.520	267.170.000	209.157.485	
5	Công ty TNHH Toàn Mỹ	43.192.910		110.019.560	100.000.000	53.212.470	
	...						
	Cộng	2.918.621.044		2.821.738.083	956.577.134	4.783.781.993	

Hải phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập

(ký, ghi họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, ghi họ tên)

2.2.2 Kế toán giá vốn hàng bán tại công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Thanh Chương

Việc xác định giá vốn hàng bán tại công ty cũng giống như tất cả các doanh nghiệp khác, nó là toàn bộ chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được giá trị hàng hoá hoặc để cung cấp sản phẩm dịch vụ.

Việc tính đúng trị giá mua của hàng hoá tiêu thụ rất quan trọng và tùy thuộc vào đặc điểm của từng doanh nghiệp. Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Thanh Chương áp dụng tính giá hàng tồn kho theo phương pháp *Nhập Trước – Xuất trước*

➤ Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn giá trị gia tăng (mẫu số 01- GTKT- 3LL)
- Phiếu xuất kho (mẫu số 02-VT)
- Các chứng từ khác có liên quan

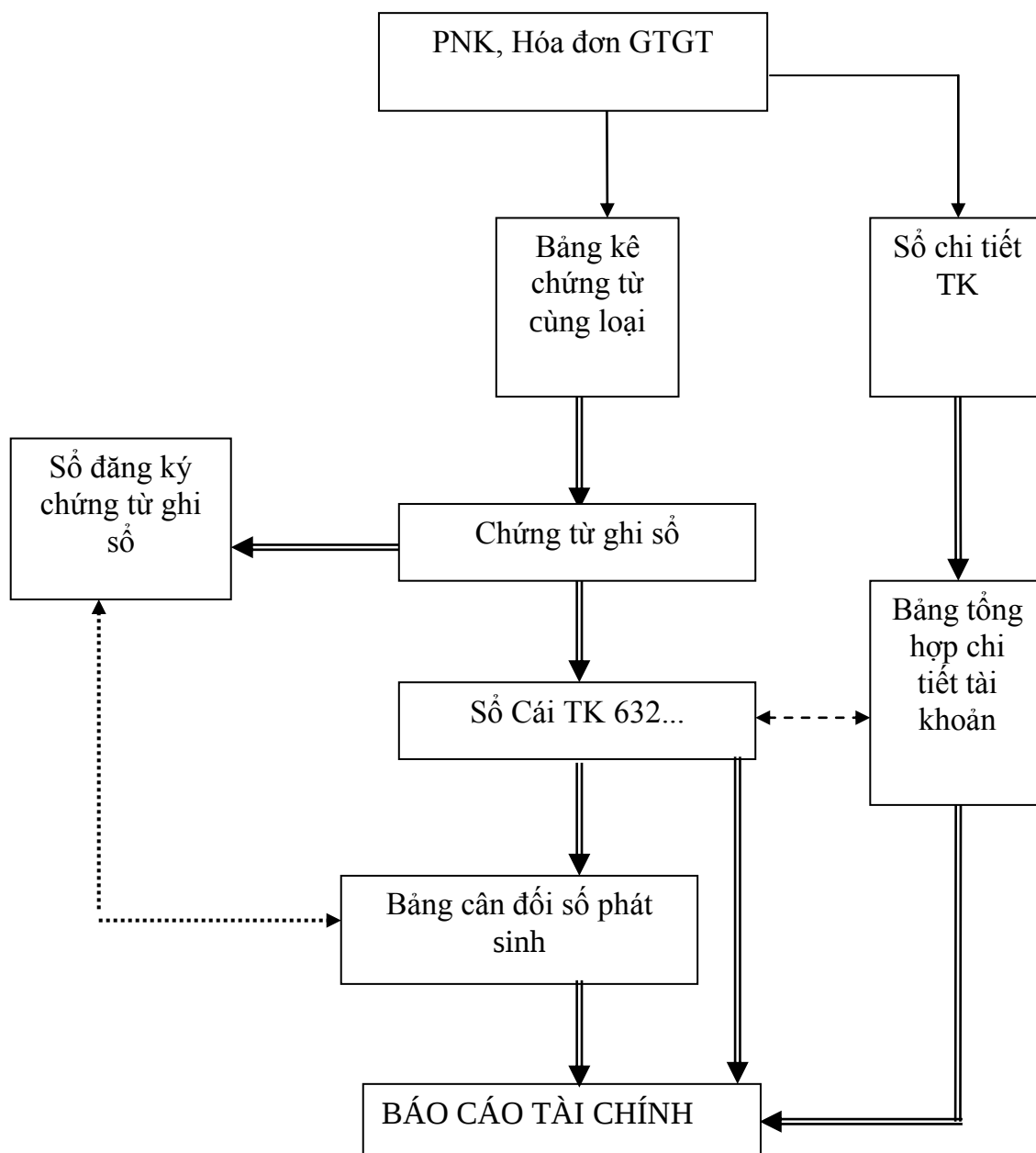
➤ Tài khoản sử dụng

Để hạch toán giá vốn hàng bán kế toán sử dụng tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán và mở chi tiết cho các TK :

- TK 6321 : Giá vốn Sửa chữa cơ khí
- TK 6322 : Giá vốn hàng bán thương mại
- TK 6323 : Giá vốn giao nhận vận chuyển

➤ Quy trình hạch toán

Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán tại công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Thanh Chương được mô tả theo sơ đồ 2.2 sau :



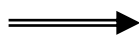
Sơ đồ 2.2 : Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán tại công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Thanh Chương

Ghi chú:

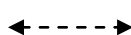
Ghi hàng ngày



Ghi cuối tháng, cuối năm



Đối chiếu, kiểm tra



Hàng ngày, căn cứ vào hợp đồng mua bán hàng hóa, Phiếu xuất kho, Hóa đơn giá trị gia tăng và các chứng từ có liên quan, kế toán tiến hành ghi vào Bảng kê chứng từ cùng loại và các Sổ chi tiết có liên quan.

Cuối tháng, căn cứ vào Bảng kê chứng từ cùng loại, kế toán vào Chứng từ ghi sổ. Từ Chứng từ ghi sổ kế toán vào Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ và các Sổ cái có liên quan như TK 632, TK 331... Cuối tháng căn cứ vào Sổ chi tiết lập Bảng tổng hợp chi tiết các tài khoản phát sinh trong kỳ.

Cuối quý hoặc cuối năm, căn cứ vào Sổ cái các tài khoản lập Bảng cân đối số phát sinh. Số liệu từ Bảng cân đối số phát sinh và Bảng tổng hợp chi tiết sẽ được sử dụng lập Báo cáo tài chính.

VD 1 : Ngày 15/12/2011 Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Thanh Chương tiến hành sửa chữa xe cho công ty Cổ phần cung ứng hàng hải Hải Long theo báo giá ngày 02/12/2011. Tổng số tiền thanh toán là 12.844.000 (Đã bao gồm 10 % VAT)

Căn cứ vào P XK số 29 (Biểu 2.2.1) , kế toán sẽ vào Sổ chi tiết TK 154 (Biểu 2.2.3) đồng thời vào Bảng kê chứng từ cùng loại (Biểu 2.2.4).

Cuối tháng, căn cứ vào bảng kê chứng từ cùng loại, kế toán vào Chứng từ ghi sổ (Biểu 2.2.5) Từ chứng từ ghi sổ vào Sổ cái TK 154 (Biểu 2.2.6), Sổ cái TK 632 (Biểu 2.2.7) đồng thời vào Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ (Biểu 2.2.8)

VD 2 : Ngày 20/12 Công ty tiến hành sửa chữa xe cho công ty TNHH Tiến Đạt theo báo giá ngày 10/12/201. Tổng số tiền thanh toán là 7.203.000 (Đã bao gồm 10 % VAT)

Căn cứ vào P XK 43 (Biểu 2.2.2) kế toán ghi vào Sổ chi tiết TK 154 (Biểu 2.2.3) đồng thời vào Bảng kê chứng từ cùng loại (Biểu 2.2.4)

Cuối tháng căn cứ vào bảng kê chứng từ cùng loại, kế toán vào Chứng từ ghi sổ (Biểu 2.2.5) Từ chứng từ ghi sổ vào Sổ cái TK 154 (Biểu 2.2.6), Sổ cái TK 632 (Biểu 2.2.7) đồng thời vào Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ (Biểu 2.2.8)

Biểu 2.2.1

CTY CPĐT &PT THANH CHƠNG

PHIẾU XUẤT KHO

Số : 29

21 Trần Khánh D - NQ- HP

Ngày 15 tháng 12 năm 2011

Nợ: 154.1

Họ,tên người nhận hàng :

Anh Đức

Có : 156

Địa chỉ : Cty CPĐT và PT Thanh

Lý do xuất : vật tư phụ tùng sửa chữa

Chương

Xuất tại kho : Công ty

Địa điểm : 21 Trần Khánh D - Ngô Quyền - Hải Phòng

STT	TÊN HÀNG HOÁ	MÃ SỐ	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
1	Lọc dầu	28	Cái	1	170.000	170.000
2	Lọc gió	27	Cái	1	290.000	290.000
3	Lọc xăng	26	Cái	1	220.000	220.000
4	Máy phát	78	Cái	1	6.780.000	6.780.000
5	Về ma	4	Bộ	1	90.000	90.000
	Cộng					7.550.000

Tổng số tiền (viết bằng chữ) :

Bảy triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng chẵn

Số chứng từ gốc kèm theo :

.....

Ngày 15 tháng 12 năm 2011

Ngời nhận hàng

Thủ kho

Biểu 2.2.2

CTY CP ĐT & PT THANH CHƠNG

PHIẾU XUẤT KHO

Số : 43

21 Trần Khánh D - NQ- HP

Ngày 20 tháng 12 năm 2011

Nợ: 154.1

Họ,tên người nhận hàng :

Anh Anh

Có : 156

Địa chỉ : Cty CPĐT và PT

Thanh Chương

Lý do xuất : vật t phụ tùng sửa
chữa

Xuất tại kho : Công ty

Địa điểm : 21 Trần Khánh D - Ngô Quyền - Hải Phòng

STT	TÊN HÀNG HOÁ	MÃ SỐ	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
1	Lọc dầu máy	28	Cái	1	170.000	170. 000
2	Gạt ma	4	Đôi	1	250.000	250.000
3	Nước làm mát máy	32	Lon	10	10.000	100.000
4	Bóng đèn	112	Cái	1	23.000	23.000
5	Bình ắc quy	105	Bình	1	1.030.000	1.030.000
6	Còi điện	23	Đôi	1	170.000	170.000
7	Đầu đĩa VCD	21	Bộ	1	3.450.000	3.450.000
8	Lọc dầu máy	28	Cái	1	170.000	170.000
	Cộng					5.363.000

Tổng số tiền (viết bằng chữ) : Mười tám triệu bảy trăm năm mươi ba ngàn đồng chẵn

Số chứng từ gốc kèm theo :

.....

Ngày 20 tháng 12 năm 2011

Ngời nhận hàng

Thủ kho

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN
TÀI KHOẢN : 154.1 SỬA CHỮA CƠ KHÍ
THÁNG 12 NĂM 2011

CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	TÀI KHOẢN ĐỐI ỨNG	SỐ PHÁT SINH		SỐ DƯ		GHI CHÚ
SỐ HIỆU	NGÀY THÁNG			NỢ	CÓ	NỢ	CÓ	
		<i>SDDK</i>				<i>758.000.000</i>		
PXK01	1/12/11	Chi phí vật tư dùng sửa chữa bảo dưỡng xe	156	22.350.000				
PXK02	1/12/11	Chi phí vật tư dùng sửa chữa bảo dưỡng xe	156	29.070.000				
		...						
<i>PXK29</i>	<i>15/12/11</i>	<i>Chi phí vật tư dùng sửa chữa bảo dưỡng xe</i>	<i>156</i>	<i>3.155.000</i>				
PXK30	15/12/11	Chi phí vật tư dùng sửa chữa bảo dưỡng xe	156	5.300.000				
		...						
PXK42	20/12/11	Chi phí vật tư dùng sửa chữa bảo dưỡng xe	156	20.480.000				
<i>PXK43</i>	<i>20/12/11</i>	<i>Chi phí vật tư dùng sửa chữa bảo dưỡng xe</i>	<i>156</i>	<i>7.550.000</i>				
		...						
		Kết chuyển sang giá vốn SCCK	632		<i>1.508.857.997</i>			
		<i>Cộng phát sinh</i>		<i>1.250.857.997</i>	<i>1.508.857.997</i>			
		<i>SDCK</i>			<i>500.000.000</i>			

BẢNG KÊ CHỨNG TỪ

Tên tài khoản: Hàng hóa

Số hiệu TK: 156(ghi có TK 156)

Từ ngày : 01/12/2011 Đến ngày : 31/12/2011

Ngày tháng	Số CT	Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	Ghi chú
		...			
Giá vốn hàng bán (TK 632) tháng 12/2011					
		...			
02/12	PXK 05	Bán lốp xe cho Công ty TNHH Khánh Hà	632	16.480.000	
02/12	PXK 07	Bán lọc dầu cho Cty vận tải Nam Đạt	632	2.102.970	
02/12	PXK 08	Bán nước hoa cho Cty Minh Hoàng	632	460.000	
02/12	PXK 11	Bán Bàu giảm âm cho cty Linh Hiếu	632	450.500	
		...			
05/12	PXK 15	Bán hàng hóa cho công ty Nam Đạt	632	56.970.000	
05/12	PXK 17	Bán kim phun cho cty XNK Hà Thắng	632	21.065.000	
05/12	PXK 18	Bán Supape hút + xả cho Cty Toàn Lợi	632	65.900.000	
		...			
		Cộng		4.294.532.300	
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (TK 154.1) tháng 12/2011					
15/12	PXK 28	Chi vật tư dùng sửa chữa bảo dưỡng xe	154.1	8.254.831	
15/12	PXK 29	Chi vật tư dùng sửa chữa bảo dưỡng xe	154.1	3.155.000	
15/12	PXK 30	Chi vật tư dùng sửa chữa bảo dưỡng xe	154.1	5.300.000	
		...			
20/12	PXK 42	Chi vật tư dùng sửa chữa bảo dưỡng xe	154.1	20.480.000	
20/12	PXK 43	Chi vật tư dùng sửa chữa bảo dưỡng xe	154.1	7.550.000	
21/12	PXK 47	Chi vật tư dùng sửa chữa bảo dưỡng xe	154.1	34.029.000	
21/12	PXK 48	Chi vật tư dùng sửa chữa bảo dưỡng xe	154.1	8.175.654	
		...			
		Cộng		565.285.000	
		...			

Tổng phát sinh có: 5.051.736.573

Hải phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập
(ký, ghi họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, ghi họ tên)

Biểu 2.2.5

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
VÀ PHÁT TRIỂN THANH CHƯƠNG

Mẫu số S02a – DNN
Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Ngày 31/12/2011

Số 014/12

Trích yếu	Số hiệu		Số tiền
	Nợ	Có	
Xuất hàng hóa tháng 12/2011			
<i>Xuất hàng hóa sang sửa chữa cơ khí</i>	154.1	1561	565.285.000
Xuất bán hàng hóa	632	1561	4.294.532.300
Chi phí bảo dưỡng vật tư hàng hóa	632	1562	191.919.273
Cộng			5.051.736.573

Kèm theo...chứng từ gốc

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập
(ký, ghi họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, ghi họ tên)

Biểu 2.2.6

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN THANH CHƯƠNG				Mẫu số S03b-DNN (Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)		
SỔ CÁI						
Từ ngày 1/12/2011 đến ngày 31/12/2011						
Tên tài khoản: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang						
Số hiệu: 154						
Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn Giải	SH TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	G	1	2
			<i>Số dư đầu kỳ</i>		1.011.714.690	
31/12	008/12	31/12	Chi phí trích dẫn sang sửa chữa	142	32.245.150	
31/12	013/12	31/12	<i>Vật tư sang sửa chữa</i>	1561	565.285.000	
31/12	018/12	31/12	Chi phí sản xuất kinh doanh	111	440.653.198	
31/12	20/12	31/12	Chi phí sản xuất kinh doanh	331	321.338.389	
31/12	021/12	31/12	Kết chuyển giá vốn tháng 12	632		1.706.403.737
31/12		31/12	Kết chuyển chi phí	156.2		164.832.690
			<i>Cộng phát sinh</i>		1.359.521.737	1.871.236.427
			<i>Số dư cuối kỳ</i>		500.000.000	
Ngày 31 tháng 12 năm 2011						
Người ghi sổ (Ký, họ tên)		Kế toán trưởng (Ký, họ tên)		Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu)		

Biểu 2.2.4

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN THANH CHUÔNG					Mẫu số S03b-DNN (Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)	
SỔ CÁI Từ ngày 1/12/2011 đến ngày 31/12/2011 Tên tài khoản: Giá vốn Số hiệu: 632						
Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn Giải	SH TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	G	1	2
			<i>Số phát sinh trong tháng</i>			
31/12	008/12	31/12	Giá vốn hàng hóa	156	4.486.451.573	
31/12	013/12	31/12	<i>Giá vốn sửa chữa cơ khí</i>	154.1	1.508.857.997	
31/12	018/12	31/12	Giá vốn GNVC	154.3	197.545.740	
31/12	19/12	31/12	Chi phí sửa chữa bảo dưỡng	331	234.900.000	
31/12	20/12	31/12	Giá vốn chi phí khấu hao TSCĐ	214	293.973.993	
31/12	021/12	31/12	Kết chuyển giá vốn tháng 12	911		6.721.729.303
			<i>Cộng phát sinh</i>		6.721.729.303	6.721.729.303
			<i>Cộng lũy kế cả năm</i>		36.991.710.299	36.991.710.299
Ngày 31 tháng 12 năm 2011						
Người ghi sổ (Ký, họ tên)		Kế toán trưởng (Ký, họ tên)		Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu)		

Biểu 2.2.5**Đơn vị: Cty cổ phần đầu tư và phát triển****Mẫu số S02b-DN****Thanh Chương**

Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Tháng 12 năm 2011

Chứng từ ghi sổ		Số tiền
Số hiệu	Ngày, tháng	
...	...	...
003/12	31/12	121.150.991
004/12	31/12	312.029.000
005/12	31/12	300.000.000
006/12	31/12	3.420.000.000
007/12	31/12	26.504.509
008/12	31/12	12.800.000
009/12	31/12	223.362.625
010/12	31/12	7.729.963.778
011/12	31/12	7.596.823.485
012/12	31/12	2.821.738.083
013/12	31/12	6.750.385.721
014/12	31/12	5.051.736.573
015/12	31/12	6.621601.774
...		...
021/12	31/12	14.604.016.714
...		
Cộng tháng 12		54.256.658.143

Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 1 đến trang

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)**Kế toán trưởng**
(Ký, họ tên)Ngày 31 tháng 12 năm 2011
Giám đốc
(Ký họ tên, đóng dấu)

2.2.3 Thực trạng công tác kế toán chi phí Quản lý kinh doanh tại công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Thanh Chương.

Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Thanh Chương là thuộc loại hình doanh nghiệp vừa và nhỏ, hoạt động theo quyết định số 48 /2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC, trên Báo cáo tài chính doanh nghiệp chỉ sử dụng Tk 642 – Chi phí quản lý kinh doanh. Nhưng trong quá trình hạch toán thì công ty sử dụng 2 tài khoản

- TK 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp của công ty bao gồm các khoản chi phí như : chi phí về lương nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu phục vụ quản lý doanh nghiệp, chi phí công cụ dụng cụ đồ dùng, chi phí khấu hao tài sản cố định phục vụ cho quản lý doanh nghiệp, thuế, phí, lệ phí, các chi phí lao vụ dịch vụ mua ngoài....

- TK 641 – Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng của doanh nghiệp bao gồm các chi phí liên quan đến việc bán hàng như : nhiên liệu phục vụ bán hàng, chi phí khấu hao TSCĐ thuộc bộ phận bán hàng, chi phí trích trước, và các chi phí khác phục vụ bán hàng.

➤ Chứng từ sử dụng:

- Bảng tính và phân bổ khấu hao (mẫu số 06- TSCĐ)
- Bảng thanh toán tiền lương (mẫu số 02- LĐTL)
- Phiếu chi (mẫu số 02-TT)
- Hóa đơn GTGT (mẫu số 01- GTKT- 3LL)

➤ Tài khoản sử dụng

Để hạch toán chi phí quản lý kinh doanh tại công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Thanh Chương sử dụng Các TK sau :

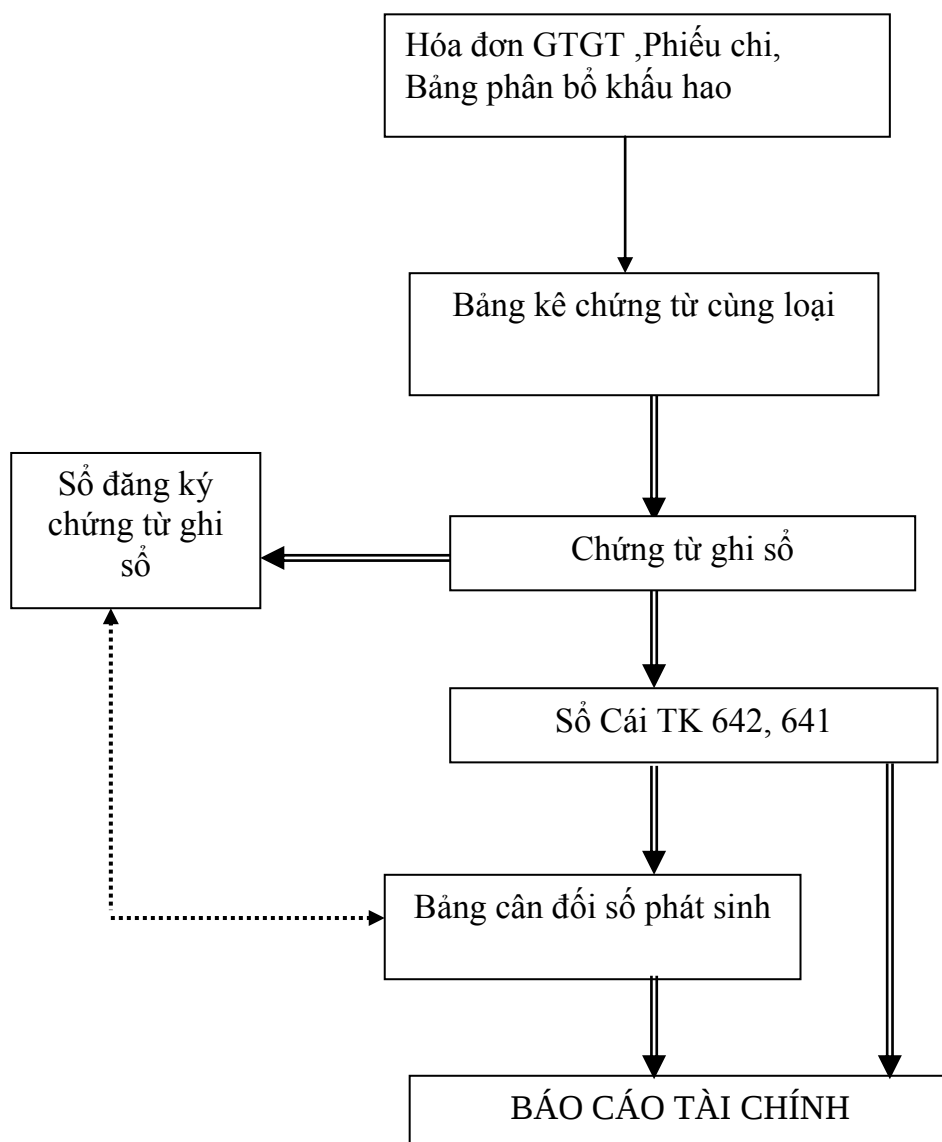
- TK 642 : Chi phí quản lý doanh nghiệp
- TK 641 : Chi phí bán hàng

Mọi nghiệp vụ phát sinh đều được công ty chi bằng tiền mặt hay bằng tiền gửi ngân hàng trừ hai khoản trích khấu hao tài sản cố định và phân bổ công cụ dụng cụ là theo dõi trên sổ chi tiết tài khoản 214 và tài khoản 142.

➤ Quy trình hạch toán

Quy trình hạch toán kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp tại Công ty Cổ phần

Đầu tư và phát triển Thanh Chương được mô tả theo sơ đồ 2.3 như sau:



Sơ đồ 2.3 : Quy trình hạch toán kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp tại công ty Cổ phần đầu tư và phát triển Thanh Chương

Ghi chú:

Ghi hàng ngày $\longrightarrow$

Ghi cuối tháng, cuối năm $\Longrightarrow$

Đối chiếu, kiểm tra $\longleftrightarrow$

Quy trình hạch toán:

Hàng ngày, từ các chứng từ gốc như hóa đơn GTGT, phiếu chi,...kế toán vào Bảng kê chứng từ cùng loại. Cuối tháng, căn cứ vào Bảng kê chứng từ cùng loại, kế toán vào Chứng từ ghi sổ. Từ chứng từ ghi sổ, kế toán ghi vào Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ và Sổ cái các tài khoản như TK 642,...

Cuối năm, từ Sổ cái các tài khoản, kế toán lập Bảng cân đối số phát sinh. Căn cứ vào Bảng cân đối số phát sinh lập Báo cáo tài chính.

VD 1 : Ngày 19/12/2011, thanh toán tiền điện công ty điện lực Hải Phòng với số tiền là 1.088.884, chưa bao gồm thuế GTGT 10%.

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0421754 (Biểu 2.3.1), kế toán tiến hành lập phiếu chi (Biểu số 2.3.2) và chi tiền thanh toán tiền điện. Từ Phiếu chi, thủ quỹ ghi vào Sổ quỹ tiền mặt và bảng kê chứng từ cùng loại (Biểu 2.3.5).

Cuối tháng, căn cứ vào Bảng kê chứng từ cùng loại kế toán vào chứng từ ghi sổ (Biểu 2.3.6). Từ Chứng từ ghi sổ vào Sổ cái TK 642 (Biểu 2.3.7) và Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ (Biểu 2.3.9)

VD 2: Ngày 10/12/2011, Thanh toán tiền chi phục vụ bán hàng cho Lê Trung Tấn tại phòng kinh doanh theo Phiếu chi số 438, Số tiền là 4.618.182 , thuế GTGT 10% là 461.818 đồng.

Người xin thanh toán viết giấy đề nghị thanh toán (Biểu số 2.3.3)

Căn cứ vào giấy đề nghị thanh toán đã được giám đốc công ty phê duyệt, kế toán tiến hành lập phiếu chi (Biểu số 2.3.4) và chi tiền cho người đề nghị thanh toán. Từ Phiếu chi, thủ quỹ ghi vào Sổ quỹ tiền mặt và vào Bảng kê chứng từ cùng loại (Biểu số 2.3.5).

Cuối tháng, từ Bảng kê chứng từ cùng loại kế toán vào Chứng từ ghi sổ (Biểu số 2.3.6). Căn cứ vào Chứng từ ghi sổ kế toán vào Sổ cái TK 641 (Biểu số 2.3.8) và vào Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ (Biểu 2.3.9)

Biểu 2.3.1

EVN NPC
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN
BẮC

HÓA ĐƠN GTGT (TIỀN ĐIỆN)
(Liên 2: Giao khách hàng)

Mẫu số : 01GTKT2/001
 Ký hiệu : HK/11T
 Số : 0421754

Kỳ : 1 Từ ngày 20/11 Đến ngày 19/12

Công ty Điện lực Hải Phòng

Địa chỉ :

Điện thoại : 0312.210.206

MST :

ĐT sửa chữa : 0313.792.519

Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Thanh Chương

Địa chỉ : Số 21 Trần Khánh Dư, Máy Tơ, Ngô Quyền, Hải Phòng

Điện Thoại 0313.686605

MST : 0200638079

Số công tơ : 101031497

Số hộ : _

Bộ CS	Chỉ số mới	Chỉ số cũ	HS nhân	Điện năng TT	Đơn giá	Thành tiền
KT	12076	11120		956 956	1.139	1.088.884
Ngày 22 tháng 12 năm 2011 Bên bán điện (<i>Đóng dấu, ghi họ tên</i>)						
			Cộng			1.088.884
			Thuế suất GTGT 10%		Thuế GTGT	108.888
			Tổng cộng tiền thanh toán		1.197.772	
Số tiền viết bằng chữ : Một triệu một trăm chín mươi bảy nghìn bảy trăm bảy mươi hai đồng						

Mã KH : PA09080846830

Mã T.toán :
 PA09080846830

Mã NN : 2218

Mã giá 100% SXBT

ID HĐ: 43669800

**Đơn vị :CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
VÀ PHÁT TRIỂN THANH CHƯƠNG**

Địa chỉ:Ngô Quyền – Hải Phòng

Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Mã số thuế 0200638079

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

Telefax: 0313686315

PHIẾU CHI

Số CT : 341

Ngày 19/12/2011

TK ghi nợ 642

TK ghi nợ 133

TK ghi có 111

Người nhận tiền: Phạm Thị Lan Anh

Địa chỉ : Phòng nghiệp vụ tổng hợp

Lý do : Chi nộp tiền điện tháng 12 năm 2011

Số tiền: 1.197.772

Bằng chữ: Một triệu một trăm chín mươi bảy nghìn bảy trăm bảy mươi hai đồng.

Kèm theo.....01.....chứng từ gốc

Giấy giới thiệu số: Ngày.....//

Ngày 19 tháng 12 năm 2011

Thủ trưởng đơn vị	Kế toán trưởng	Kế toán thanh toán	Người nhận tiền	Thủ quỹ
(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	

GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN

Ngày 10 tháng 12 năm 2011

Kính gửi: Giám đốc công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Thanh Chương

Tên tôi là: Lê Trung Tấn

Bộ phận công tác: Phòng nghiệp vụ tổng hợp

Nội dung thanh toán: Tiếp khách

Số tiền : **5.080.000 đồng**

Bằng chữ: **Năm triệu không trăm tám mươi nghìn đồng chẵn.**

Theo bảng kê chi tiết:

Chứng từ			Diễn giải chi tiết	Giá chưa thuế	Thuế GTGT	Giá thanh toán
Sêri	Số	Ngày tháng		1	2	3=1*2
QV/2010B	39773	18/12	Chi phục vụ bán hàng	4.618.182	461.818	5.080.000
			Tổng cộng	4.618.182	461.818	5.080.000

Giám đốc

(ký, ghi họ tên)

P. Kế toán

(ký, ghi họ tên)

Người đề nghị

(ký, ghi họ tên)

**Đơn vị :CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
VÀ PHÁT TRIỂN THANH CHƯƠNG**

Địa chỉ:Ngô Quyền – Hải Phòng

Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Mã số thuế 0200638079

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng

BTC Telefax: 0313686315

PHIẾU CHI

Số CT : 323

Ngày 10/12/2011

TK ghi nợ 641

TK ghi nợ 133

TK ghi có 111

Người nhận tiền: Lê Trung Tấn

Địa chỉ : Phòng nghiệp vụ tổng hợp

Lý do : Chi tiền phục vụ bán hàng

Số tiền: 5.080.000

Bằng chữ: Năm triệu không trăm tám mươi nghìn đồng chẵn

Kèm theo.....01.....chứng từ gốc

Giấy giới thiệu số: Ngày...../ /

Ngày 10 tháng 12 năm 2011

Thủ trưởng đơn vị

Kế toán trưởng

Kế toán thanh toán

Người nhận tiền

Thủ quỹ

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

BẢNG KÊ CHỨNG TỪ

Tên tài khoản : Tiền mặt: VNĐ

Số hiệu TK : 111(ghi có TK 111)

Từ ngày : 01/12/2011 Đến ngày : 31/12/2011

Ngày tháng	Số Chứng từ	Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	Ghi chú
Thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ (TK 133) tháng 12/2011					
		...			
10/12	PC 327	Trả tiền cước điện thoại cố định	1331	461.818	
10/12	PC 330	Thêm PTH thanh toán tiếp khách	1331	574.600	
10/12	PC 323	Tổn PKD chi phục vụ bán hàng	1331	461.818	
19/12	PC 341	Thanh toán tiền điện tháng 12	1331	108.888	
		...			
		Cộng		11.993.059	
Chi phí quản lý doanh nghiệp (TK 642) tháng 12/2011					
		...			
19/12	PC 341	Thanh toán tiền điện tháng 12	642	1.088.884	
19/12	PC 450	Thêm PTH thanh toán tiếp khách	642	5.746.000	
		Cộng		44.392.397	
Chi phí bán hàng (TK 641) tháng 12 năm 2011					
10/12	PC 323	Tổn PKD chi phục vụ bán hàng	641	4.618.182	
13/12	PC 330	Chi phục vụ bán hàng	641	633.029	
					
		Cộng		55.555.818	
....					

Tổng số phát sinh có : 6.621.601.774

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập
(ký, ghi họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, ghi họ tên)

Biểu 2.3.6

Mẫu số S02a – DNN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
VÀ PHÁT TRIỂN THANH CHUÔNG

Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Ngày 31/12/2011

Số 015/12

Trích yếu	SHTK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Chi tiền mặt tháng 12/2010				
...				
Tiền gửi ngân hàng	112	111	210.192.352	
Thuế GTGT đầu vào	133	111	11.993.059	
Phải trả người bán	331	111	317.859.600	
Chi phí trả trước ngắn hạn	142	111	10.263.182	
Phải trả người lao động	334	111	237.046.000	
Phải trả, phải nộp khác	338	111	2.175.140	
Chi phí quản lý doanh nghiệp	642	111	44.392.397	
Chi phí bán hàng	641	111	55.555.818	
...				
Cộng			6.621.601.774	

Kèm theo:.....chứng từ gốc

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập

Kế toán trưởng

(ký, ghi họ tên)

(ký, ghi họ tên)

Biểu 2.3.7

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN THANH CHUÔNG				Mẫu số S03b-DNN (Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)		
SỔ CÁI						
Từ ngày 1/12/2011 đến ngày 31/12/2011						
Tên tài khoản: Chi phí quản lý doanh nghiệp						
Số hiệu: 642						
Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn Giải	SH TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	G	1	2
			Số phát sinh			
			...			
31/12	014/12	31/12	Chi phí quản lý doanh nghiệp bằng tiền mặt	111	44.392.397	
31/12	016/12	31/12	Chi phí quản lý doanh nghiệp bằng tiền gửi Ngân hàng	112	145.400	
31/12	017/12	31/12	Lương trả khối văn phòng	334	114.316.483	
31/12	023/12	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp			254.914.514
			Cộng phát sinh tháng 12		254.914.514	254.914.514
			Số lũy kế từ đầu năm		2.238.524.063	2.238.524.063
Ngày 31 tháng 12. năm 2011						
Người ghi sổ		Kế toán trưởng		Giám đốc		
(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên, đóng dấu)		

Biểu 2.3.8

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN THANH CHUÔNG				Mẫu số S03b-DNN (Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)		
SỔ CÁI						
Từ ngày 1/12/2011 đến ngày 31/12/2011						
Tên tài khoản: Chi phí bán hàng						
Số hiệu: 641						
Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn Giải	SH TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	G	1	2
			<i>Số phát sinh</i>			
31/12	08/12	31/12	Khấu hao TSCĐ	214	12.400.000	
31/12	014/12	31/12	<i>Chi phí bán hàng chi bằng tiền mặt</i>	111	55.555.818	
31/12	016/12	31/12	Chi phí bán hàng chưa trả người bán	112	77.900.000	
31/12	17/12	31/12	Chi phí trích dần	142.2	11.202.500	
31/12	023/12	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911		157.058.318
			<i>Cộng phát sinh tháng 12</i>		157.058.318	157.058.318
			<i>Lũy kế từ đầu năm</i>		1.884.479.232	1.884.479.232
Ngày 31 tháng 12 năm 2011						
Người ghi sổ (Ký, họ tên)		Kế toán trưởng (Ký, họ tên)		Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu)		

Biểu 2.3.9**Đơn vị: Cty cổ phần đầu tư và phát triển****Mẫu số S02b-DN****Thanh Chương**

Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Tháng 12 năm 2011

Chứng từ ghi sổ		Số tiền
Số hiệu	Ngày, tháng	
...	...	...
003/12	31/12	121.150.991
004/12	31/12	312.029.000
005/12	31/12	300.000.000
006/12	31/12	3.420.000.000
007/12	31/12	26.504.509
008/12	31/12	12.800.000
009/12	31/12	223.362.625
010/12	31/12	7.729.963.778
011/12	31/12	7.596.823.485
012/12	31/12	2.821.738.083
013/12	31/12	6.750.385.721
014/12	31/12	5.051.736.573
015/12	31/12	6.621601.774
...	...	...
021/12	31/12	14.604.016.714
...		
Cộng tháng 12		54.256.658.143

Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 1 đến trang

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)**Kế toán trưởng**
(Ký, họ tên)**Giám đốc**
(Ký họ tên, đóng dấu)

2.2.4. Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính tại công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Thanh Chương.

Doanh thu hoạt động tài chính được thực hiện từ lãi tiền gửi ngân hàng, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp

Chi phí tài chính: tại công ty không phát sinh nhiều chi phí tài chính cho hoạt động tài chính. Hoạt động tài chính chủ yếu là các khoản chi phí liên quan đến việc trả lãi vay ngân hàng.

Tại Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Thanh Chương, doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính bao gồm:

- Doanh thu hoạt động tài chính gồm có: Lãi Cổ phiếu...
- Chi phí tài chính gồm: Trả lãi tiền vay ngân hàng...

➤ Chứng từ sử dụng:

- Giấy báo lãi của ngân hàng
- Giấy báo trả tiền lãi vay
- Các chứng từ khác có liên quan

➤ Tài khoản sử dụng

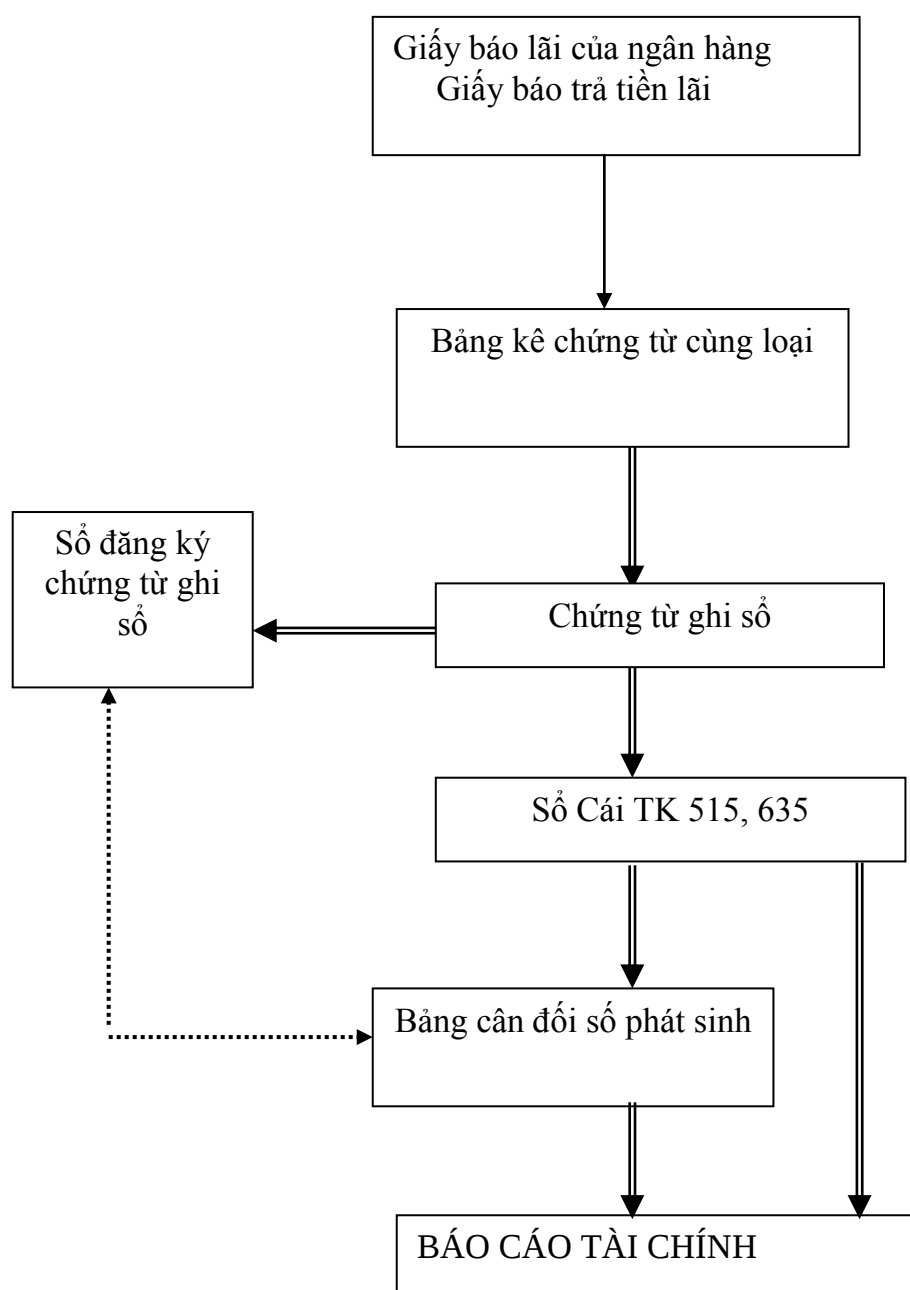
Kế toán công ty sử dụng tài khoản 515 – “Doanh thu tài chính”

Và sử dụng tài khoản 635 – “Chi phí tài chính”.

Cuối quý, kế toán kết chuyển sang tài khoản 911 - Xác định kết quả kinh doanh.

Trong năm 2011, tại công ty không phát sinh doanh thu hoạt động tài chính

Quy trình hạch toán doanh thu tài chính, chi phí tài chính tại Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Thanh Chương được mô tả theo sơ đồ 2.4 như sau:



**Sơ đồ 2.4 : Quy trình hạch toán doanh thu tài chính, chi phí tài chính tại công ty
Cổ phần Đầu tư và phát triển Thanh Chương**

Ghi chú:

Ghi hàng ngày →

Ghi cuối tháng ==>

Đối chiếu, kiểm tra - - ->

Quy trình hạch toán :

Hàng ngày căn cứ vào chứng từ gốc như giấy báo lãi của ngân hàng, giấy báo trả lãi vay..., kế toán vào Bảng kê chứng từ cùng loại.

Cuối tháng, căn cứ vào Bảng kê chứng từ cùng loại, kế toán vào Chứng từ ghi sổ, từ Chứng từ ghi sổ, kế toán ghi vào Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ và Sổ cái các tài khoản như 515, 635, 112...

Cuối năm, từ Sổ cái các tài khoản, kế toán lập Bảng cân đối số phát sinh. Căn cứ vào Bảng cân đối số phát sinh lập báo cáo tài chính.

VD 1 : Ngày 31/12/2010, Ngân hàng thương mại cổ phần hàng hải Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng gửi giấy báo trả tiền lãi vay. Số tiền là: 1.544.333 đồng.

Kế toán căn cứ vào Giấy báo nợ của ngân hàng (Biểu số 2.4.1) để phản ánh nghiệp vụ phát sinh này vào Bảng kê chứng từ cùng loại (Biểu số 2.4.2)

Cuối tháng, căn cứ vào Bảng kê chứng từ cùng loại kế toán vào chứng từ ghi sổ (Biểu số 2.4.3). Từ chứng từ ghi sổ, kế toán ghi vào Sổ cái các tài khoản như TK 635 (Biểu số 2.4.4)...đồng thời ghi vào Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ (Biểu số 2.4.5)

Biểu 2.4.1

Ngân hàng thương mại cổ phần Hàng Hải Việt Nam

Chi nhánh: Hải Phòng

GIẤY BÁO NỢ

Ngày: 31/12/2011

Mã GDV: BATCH

Mã KH: 10366

Số GD: 147C

Kính gửi: Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Thanh Chương

Hôm nay chúng tôi xin thông báo đã ghi NỢ tài khoản của quý khách hàng với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi NỢ: 0200820923

Số tiền bằng số: 1.544.333

Số tiền bằng chữ: *Một triệu năm trăm bốn mươi tư nghìn ba trăm ba mươi ba đồng.*

Nội dung: ##Lãi tiền vay##

Giao dịch viên

Kiểm soát

Biểu 2.4.2**BẢNG KÊ CHỨNG TỪ**

Tên tài khoản :Tiền gửi ngân hàng (VNĐ)

Ký hiệu TK : 112(ghi có TK 112)

Từ ngày: 01/12/2011 Đến ngày 31/12/2011

Ngày	Số CT	Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	Ghi chú
Phải trả người bán (TK 331) tháng 12/2011					
		...			
10/12	GBN 112B	Phải trả tiền hàng Cty Gia Trang	331	100.000.000	
20/12	GBN 119 B	Trả tiền xăng, cty xăng dầu khu vực 3 – cửa hàng xăng dầu quán trũ	331	124.560.600	
26/12	GBN 141	Trả tiền hàng Cty TNHH Linh Quang chuyển	331	253.910.019	
28/12	GBN 143	Trả tiền hàng Công ty Thương mại dịch vụ Tuấn Khang	331	78.912.291	
		...			
		Cộng		1.587.368.310	
Chi mua hàng (TK 156)					
5/12	GBN 82B	Mua hàng hóa	156	53.930.999	
6/12	GBN 88B	Mua hàng hóa	156	36.900.000	
6/12	GBN 94B	Mua hàng hóa	156	42.827.919	
19/12	GBN 109	Mua hàng hóa	156	71.637.245	
	...	...			
		Cộng		1.469.940.000	
Chi phí hoạt động tài chính (TK 635) tháng 12/2011					
31/12	GBN147C	Phải trả lãi ngân hàng thương mại cổ phần hàng hải	515	1.544.333	
		...			
		Cộng		74.271.549	
		...			

Tổng số phát sinh có của Tài khoản 112 : 7.596.823.485

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập

(ký, ghi họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, ghi họ tên)

Biểu 2.4.3

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
VÀ PHÁT TRIỂN THANH CHƯƠNG

Mẫu số S02a – DNN
Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Ngày 31/12/2010

Số 011/12

Trích yếu	SHTK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Chi tiền gửi ngân hàng 12/2010				
...				
Trả người bán	331	112	1.587.368.310	
Chi mua hàng	156	112	1.469.940.000	
Thuế GTGT	133	112	173.728.000	
<i>Phải trả lãi ngân hàng tháng 12 /2011</i>	635	112	74.271.549	
...				
Cộng			7.596.823.485	

Kèm theo:.....chứng từ gốc

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập
(ký, ghi họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, ghi họ tên)

Biểu 2.4.4

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN THANH CHƯƠNG				Mẫu số S03b-DNN (Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)		
SỔ CÁI						
Từ ngày 1/12/2011 đến ngày 31/12/2011 Tên tài khoản: Chi phí hoạt động tài chính Số hiệu: 635						
Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn Giải	SH TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	G	1	2
			<i>Số phát sinh</i>			
31/12	010/12	31/12	<i>Phải trả lãi ngân hàng</i>	112	74.271.549	
31/12	021/12	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính			74.271.549
			<i>Cộng phát sinh tháng 12</i>		74.271.549	74.271.549
			<i>Số lũy kế từ đầu năm</i>		564.850.693	564.850.693
Ngày 31 tháng 12.năm 2011						
Người ghi sổ (Ký, họ tên)		Kế toán trưởng (Ký, họ tên)		Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu)		

Biểu 2.4.5**Đơn vị: Cty cổ phần đầu tư và phát triển Thanh****Mẫu số S02b-DN****Chương**

Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Tháng 12 năm 2011

Chứng từ ghi sổ		Số tiền
Số hiệu	Ngày, tháng	
...	...	...
003/12	31/12	121.150.991
004/12	31/12	312.029.000
005/12	31/12	300.000.000
006/12	31/12	3.420.000.000
007/12	31/12	26.504.509
008/12	31/12	12.800.000
009/12	31/12	223.362.625
010/12	31/12	7.729.963.778
011/12	31/12	7.596.823.485
012/12	31/12	2.821.738.083
013/12	31/12	6.750.385.721
014/12	31/12	5.051.736.573
015/12	31/12	6.621601.774
...		...
021/12	31/12	14.604.016.714
...		
Cộng tháng 12		54.256.658.143

Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 1 đến trang

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)**Kế toán trưởng**
(Ký, họ tên)**Giám đốc**
(Ký họ tên, đóng dấu)

2.2.5 Kế toán thu nhập khác, chi phí khác tại công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Thanh Chương

Thu nhập khác là các khoản thu nằm ngoài các khoản thu trên. Tại công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Thanh Chương, các khoản thu nhập chủ yếu thu từ lãi số dư tài khoản tại ngân hàng, và nghiệp vụ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định.

Chi phí khác là những khoản chi không thuộc hoạt động sản xuất kinh doanh hay hoạt động tài chính. Tại công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Thanh Chương, các khoản chi phí khác phát sinh không nhiều, chủ yếu là giá trị còn lại của tài sản cố định khi thanh lý, nhượng bán.

➤ Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT (mẫu số 01 – GTKT)
- Quyết định thanh lý, nhượng bán tài sản cố định
- Biên bản bàn giao tài sản cố định

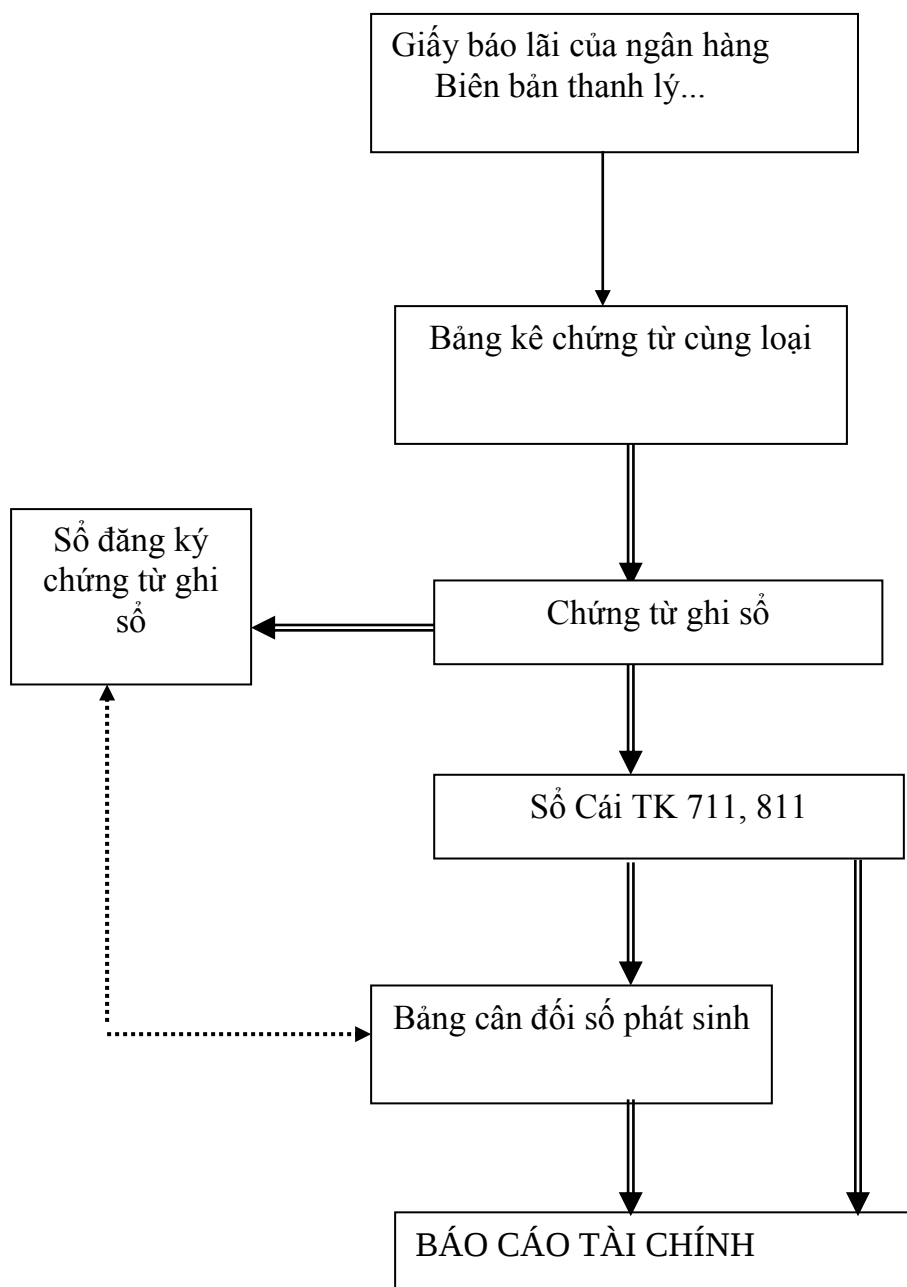
➤ Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 811 : Chi phí khác
- Tài khoản 711 : Thu nhập khác

Quy trình hạch toán

Năm 2011, tại công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Thanh Chương không phát sinh chi phí khác.

Quy trình hạch toán thu nhập khác, chi phí khác tại công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Thanh Chương được mô tả bằng sơ đồ 2.5 sau



**Sơ đồ 2.5 : Quy trình hạch toán kế toán thu nhập khác, chi phí khác tại công ty
Cổ phần Đầu tư và phát triển Thanh Chương.**

Ghi chú:

Ghi hàng ngày $\longrightarrow$

Ghi cuối tháng, cuối năm $\Longrightarrow$

Đối chiếu, kiểm tra $\longleftrightarrow$

Hàng ngày, khi có nghiệp vụ kinh tế phát sinh như quyết định thanh lý tài sản cố định, biên bản bàn giao tài sản cố định, hóa đơn GTGT ... kế toán ghi vào Bảng kê chứng từ cùng loại đồng thời ghi vào Bảng kê chi tiết các tài khoản có liên quan.

Cuối tháng, căn cứ vào Bảng kê chứng từ cùng loại, kế toán vào Chứng từ ghi sổ. Từ Chứng từ ghi sổ, kế toán ghi vào Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ và vào Sổ cái tài khoản liên quan như TK711, TK811...

Cuối quý hoặc cuối năm, từ Sổ cái các tài khoản, kế toán lập Bảng cân đối số phát sinh. Căn cứ vào Bảng cân đối số phát sinh lập Báo cáo tài chính.

VD 1 : Ngày 31/12/2010, nhận được giấy báo có của ngân hàng Cổ phần thương mại hàng hải Việt nam, chi nhánh hải Phòng (Biểu số 2.5.1) về việc lãi số dư tài khoản của Công ty. Số tiền là 406.028 đồng.

Căn cứ vào Giấy báo có của ngân hàng, Kế toán phản ánh nghiệp vụ phát sinh này vào Bảng kê chứng từ cùng loại (Biểu số 2.5.2).

Cuối tháng, căn cứ vào Bảng kê chứng từ cùng loại kế toán vào chứng từ ghi sổ (Biểu số 2.5.3). Từ chứng từ ghi sổ, kế toán ghi vào Sổ cái các tài khoản như TK 515 (Biểu số 2.5.4)...đồng thời ghi vào Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ (Biểu số 2.5.5)

Ngân hàng thương mại cổ phần Hàng Hải Việt Nam
Chi nhánh: hải Phòng

GIẤY BÁO CÓ

Ngày: 31/12/2010

Mã GDV: BATCH

Mã KH: 10366

Số GD: 113C

Kính gửi: Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Thanh Chương

Hôm nay chúng tôi xin thông báo đã ghi CÓ tài khoản của quý khách hàng với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi NỢ: 0200820923

Số tiền bằng số: 406.028 đ

Số tiền bằng chữ: *Bốn trăm linh sáu nghìn không trăm hai mươi tám đồng*

Nội dung: ##Lãi tài khoản##

Giao dịch viên

Kiểm soát

Biểu 2.5.2

BẢNG KÊ CHỨNG TỪ

Tên tài khoản : Tiền gửi ngân hàng (VNĐ)

Ký hiệu tài khoản: 112(ghi nợ TK 112)

Từ ngày: 01/12/2011 Đến ngày: 31/12/2011

Ngày	Số CT	Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	Ghi chú
Phải thu khách hàng (TK 131) tháng 12/2011					
		...			
30/12	GBC111E	Công ty TNHH Toàn Mỹ trả tiền hàng	131	120.000.000	
30/12	GBC112E	Công ty TNHH Thành Công trả tiền hàng	131	86.000.000	
31/12	GBC105H	Cty CP Minh Phúc trả tiền cước vận chuyển	131	195.000.000	
31/12	GBC106H	Trại giam Xuân Nguyên trả tiền sửa chữa xe	131	50.000.000	
31/12	GBC 112H	Công ty Minh Phúc trả món ngày 11/12	131	45.345.000	
		Cộng		786.771.000	
Thu tiền sửa xe (TK 511) tháng 12 /2011					
02/12	GBC96C	Cty CPTM VTB Tường Phát Lộc trả tiền sửa xe	511	28.919930	
13/12	GBC108H	Cty TNHH Đại Tàn trả tiền sửa xe	511	21.939.999	
13/12	GBC 109H	Cty Vận tải Xuân Thủy trả tiền sửa xe	511	34.827.918	
18/12	GBC 123H	Cty TNHH MTV Điện lực Hải Phòng trả tiền sửa xe	511	27.148.000	
		...			
		Cộng		4.193.442.500	
Thu nhập khác(TK 711) tháng 12/2011					
31/12	GBC113C	Lãi số dư tài khoản Ngân hàng thương mại cổ phần hàng hải	711	406.028	
		Cộng		406.028	
		...			

Tổng số phát sinh nợ của Tài khoản 112 : 7.729.963.778

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập

(ký, ghi họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, ghi họ tên)

Biểu 2.5.3

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
VÀ PHÁT TRIỂN THANH CHUÔNG

Mẫu số S02a – DNN
Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Ngày 31/12/2011

Số 010/12

Trích yếu	SHTK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Thu tiền gửi ngân hàng tháng 12/2011				
...				
Thu khách hàng tháng 12/ 2011	112	131	786.771.000	
Thu tiền sửa xe bằng TGNH	112	511	4.193.442.500	
Lãi tiền gửi tháng 12 /2011	112	711	406.028	
Thuê GTGT	112	3331	419.344.250	
...				
Cộng			7.729.963.778	

Kèm theo:.....chứng từ gốc

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập
(ký, ghi họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, ghi họ tên)

Biểu 2.5.4

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN THANH CHUÔNG				Mẫu số S03b-DNN (Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)		
SỔ CÁI						
Từ ngày 1/12/2011 đến ngày 31/12/2011						
Tên tài khoản: Thu nhập khác						
Số hiệu: 711						
Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn Giải	SH TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	G	1	2
			<i>Số phát sinh</i>			
31/12	015/12	31/12	<i>Lãi tiền gửi ngân hàng</i>	112	406.028	
31/12	021/12	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	911		406.028
			<i>Cộng phát sinh tháng 12</i>		406.028	406.028
			<i>Số lũy kế từ đầu năm</i>		4.553.792	4.553.792
Ngày 31 tháng 12.năm 2011						
Người ghi sổ (Ký, họ tên)		Kế toán trưởng (Ký, họ tên)		Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu)		

Biểu 2.5.5

**Đơn vị: Cty cổ phần đầu tư và phát
triển Thanh Chương**

Mẫu số S02b-DN
Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Tháng 12 năm 2011

Chứng từ ghi sổ		Số tiền
Số hiệu	Ngày, tháng	
...	...	...
003/12	31/12	121.150.991
004/12	31/12	312.029.000
005/12	31/12	300.000.000
006/12	31/12	3.420.000.000
007/12	31/12	26.504.509
008/12	31/12	12.800.000
009/12	31/12	223.362.625
010/12	31/12	7.729.963.778
011/12	31/12	7.596.823.485
012/12	31/12	2.821.738.083
013/12	31/12	6.750.385.721
014/12	31/12	5.051.736.573
015/12	31/12	6.621.601.774
...		...
021/12	31/12	14.604.016.714
...		
Cộng tháng 12		54.256.658.143

Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 1 đến trang

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2011
Giám đốc
(Ký họ tên, đóng dấu)

2.2.6 Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Thanh Chương.

Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Thanh Chương kinh doanh thương mại các linh kiện ô tô và dịch vụ sửa chữa xe ô tô nên kết quả kinh doanh của công ty sẽ chủ yếu từ hai hoạt động trên.

Số liệu mang tính chất kế thừa, tổng hợp các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trước đó, vì thế đảm bảo thông tin chính xác kế toán phải thường xuyên kiểm tra, đối chiếu với các chứng từ gốc về thu nhập, chi phí.

➤ Chứng từ sử dụng

- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác có liên quan.

➤ Tài khoản sử dụng

- Công ty dùng tài khoản 911 để phản ánh kết quả kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong kỳ

- ❖ Tài khoản 821: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN).
- ❖ Tài khoản 421: Lợi nhuận chưa phân phối.
- ❖ Các tài khoản khác có liên quan.

Quy trình hạch toán

Cuối kỳ, kế toán thực hiện các bút toán kết chuyển doanh thu thuần, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác sang bên Có tài khoản 911. Kết chuyển giá vốn hàng bán, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí bán hàng, chi phí tài chính, chi phí khác sang bên Nợ tài khoản 911. Nếu tổng phát sinh bên Nợ TK 911 lớn hơn tổng phát sinh bên Có TK 911 thì kế toán kết chuyển phần chênh lệch sang bên Nợ TK 421 – Lợi nhuận sau thuế.

Nếu tổng số phát sinh bên Nợ tài khoản 911 nhỏ hơn tổng phát sinh bên Có tài khoản 911 thì chứng tỏ trong năm công ty kinh doanh có lãi. Kế toán tính thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) phải nộp Nhà nước như sau: Xác định thu nhập chịu thuế = Số phát sinh bên Có TK911 – Số phát sinh bên Nợ TK 911 Thuế TNDN phải nộp = Thu nhập chịu thuế * thuế suất thuế TNDN Khi xác định được số thuế phải nộp, kế toán căn cứ vào số thuế TNDN đã trích nộp đầu các quý để tính số thuế thu nhập còn

phải nộp hay được ghi giảm. Sau khi tính được số thuế thu nhập phải nộp, kế toán thực hiện kết chuyển chi phí thuế TNDN sang bên Nợ TK 911. Từ đó, xác định số lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp để kết chuyển sang bên Có TK 421 – “ Lợi nhuận sau thuế”.

Cuối tháng 12/2011. Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Thanh Chương thực hiện các bút toán kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh năm 2011.

- Kế toán lập các phiếu kế toán để kết chuyển doanh thu, giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Sau đó, xác định thuế TNDN mà Công ty phải nộp. Từ đó, xác định được số tiền lãi của Công ty trong kỳ. Sau đó, kế toán ghi Sổ cái TK 911 và Sổ cái TK 421.

Bút toán kết chuyển như sau:

+ Nợ TK 511 : 7.301.602.324

Có TK 911 : 7.301.602.324

+ Nợ TK 711 : 406.028

Có TK 911 : 406.028

+ Nợ TK 911 : 7.207.973.684

Có TK 632 : 6.721.729.303

Có TK 641 : 157.058.318

Có TK 642 : 254.914.514

Có TK 635 : 74.271.549

Xác định kết quả kinh doanh ta thấy tháng 12 /2011 cty Cổ phần Đầu tư và phát triển Thanh Chương có lợi nhuận trước thuế TNDN là 94.034.668 đ, vì vậy tháng này công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp và kết chuyển lãi :

+ Nợ TK 821 : 23.508.667

Có TK 3334 : 23.508.667

+ Nợ TK 911 : 23.508.667

Có TK 821 : 23.508.667

+ Nợ TK 911 : 70.526.001

Có TK 421 : 70.526.001

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số 21

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Chi tiết tài khoản		
					TK Nợ	TK có	Số tiền
	KC doanh thu bán hàng sang TK 911	511	911	7.301.602.324			
	Cộng			7.301.602.324			

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập biểu

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số 22

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Chi tiết tài khoản		
					TK Nợ	TK có	Số tiền
	KC thu nhập khác hàng sang TK 911	711	911	406.028			
	Cộng			406.028			

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập biểu

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số 23

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Chi tiết tài khoản		
					TK Nợ	TK có	Số tiền
1	KC giá vốn sang TK 911	911	632	6.721.729.303			
2	KC chi phí bán hàng sang TK 911	911	641	157.058.318			
3	KC chi phí quản lý doanh nghiệp sang TK 911	911	642	254.914.514			
4	KC chi phí hoạt động tài chính sang TK 911	911	635	74.271.549			
	Cộng			7.207.973.684			

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập biểu

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số 24

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Chi tiết tài khoản		
					TK Nợ	TK có	Số tiền
1	KC thuế TNDN tháng 12/2011	911	821	23.508.667			
2	KC lãi tháng 12/2011	911	421	70.526.001			
	Cộng			94.034.668			

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập biểu

Biểu 2.4.3

Mẫu số S02a – DNN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
VÀ PHÁT TRIỂN THANH CHUÔNG

Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Ngày 31/12/2010

Số 021/12

Trích yếu	SHTK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Xác định kết quả kinh doanh				
Kết chuyển doanh thu	511	911	7.301.602.324	
Kết chuyển giá vốn	911	632	6.721.729.303	
Kết chuyển chi phí bán hàng	911	641	157.058.318	
Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911	642	254.914.514	
Kết chuyển chi phí lãi vay	911	635	74.271.549	
Kết chuyển lãi tiền gửi	711	911	406.028	
Kết chuyển Thuế TNDN	911	821	23.508.667	
Kết chuyển lãi	911	421	70.526.001	
Cộng			14.604.016.714	

Kèm theo:.....chứng từ gốc

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập

Kế toán trưởng

*(ký, ghi họ tên)**(ký, ghi họ tên)*

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
VÀ PHÁT TRIỂN THANH CHUÔNG

Mẫu số S03b-DNN

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC ngày
14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Từ ngày 1/12/2011 đến ngày 31/12/2011

Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu: 911

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn Giải	SH TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	G	1	2
			<i>Số phát sinh trong tháng</i>			
31/12	21/12	31/12	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511		7.301.602.324
31/12	21/12	31/12	Giá vốn hàng bán	632	6.721.729.303	
31/12	21/12	31/12	Chi phí bán hàng	641	157.058.318	
31/12	21/12	31/12	Chi phí quản lý doanh nghiệp	642	254.914.514	
31/12	21/12	31/12	Chi phí hoạt động tài chính	635	74.271.549	
31/12	21/12	31/12	Thu nhập khác	711		406.028
31/12	21/12	31/12	Kết chuyển thuế TNDN phải nộp	821	23.508.667	
31/12	21/12	31/12	Kết chuyển lãi trong tháng	421	70.526.001	
			<i>Cộng phát sinh</i>		7.302.008.357	7.302.008.357
			<i>Cộng lũy kế cả năm</i>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
VÀ PHÁT TRIỂN THANH CHƯƠNG

Mẫu số S03b-DNN

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC ngày
14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Từ ngày 1/12/2011 đến ngày 31/12/2011

Tên tài khoản: Lợi nhuận chưa phân phối

Số hiệu: 421

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn Giải	SH TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	G	1	2
			Số dư đầu kỳ			321.445.029
31/12	21/12	31/12	Lãi trong tháng			70.526.001
			Cộng phát sinh			70.526.001
			Số dư cuối kỳ			391.971.030

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
VÀ PHÁT TRIỂN THANH CHUÔNG**

Mẫu số S03b-DNN
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC ngày
14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Từ ngày 1/12/2011 đến ngày 31/12/2011
Tên tài khoản: Thuế thu nhập doanh nghiệp
Số hiệu: 821

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn Giải	SH TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	G	1	2
			<i>Số dư đầu kỳ</i>			
31/12	21/12	31/12	Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tháng 12	3334	23.508.667	
31/12	21/12	31/12	Kết chuyển thuế thu nhập doanh nghiệp	911		23.508.667
			<i>Cộng phát sinh</i>		<i>23.508.667</i>	<i>23.508.667</i>
			<i>Số dư cuối kỳ</i>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Đơn vị: Cty cổ phần đầu tư và phát
triển Thanh Chương**

Mẫu số S02b-DN
Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Tháng 12 năm 2011

Chứng từ ghi sổ		Số tiền
Số hiệu	Ngày, tháng	
...	...	...
003/12	31/12	121.150.991
004/12	31/12	312.029.000
005/12	31/12	300.000.000
006/12	31/12	3.420.000.000
007/12	31/12	26.504.509
008/12	31/12	12.800.000
009/12	31/12	223.362.625
010/12	31/12	7.729.963.778
011/12	31/12	7.596.823.485
012/12	31/12	2.821.738.083
013/12	31/12	6.750.385.721
014/12	31/12	5.051.736.573
015/12	31/12	6.621.601.774
...	...	...
021/12	31/12	14.604.016.714
...	...	...
Cộng tháng 12		54.256.658.143

Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 1 đến trang

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký họ tên, đóng dấu)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)
 Niên độ tài chính năm 2011

Mã số thuế:

0200638079

Người nộp thuế:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN THANH CHUÔNG

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

Stt	Chỉ tiêu	Mã	Thuyết minh	Số năm nay	Số năm trước
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	IV.08	42.589.964.268	35.859.066.786
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		42.589.964.268	35.659.066.786
4	Giá vốn hàng bán	11		36.991.710.299	30.048.941.268
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		5.698.253.969	5.610.125.518
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21		0	0
7	Chi phí tài chính	22		564.850.693	233.965.980
8	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		564.850.693	233.965.980
9	Chi phí quản lý kinh doanh	24		4.123.003.295	4.111.170.409
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24)	30		1.010.399.981	1.264.989.129
11	Thu nhập khác	31		4.553.792	4.523.390
12	Chi phí khác	32		492.325.733	342.910.455
13	Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(487.771.914)	(338.387.065)
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50	IV.09	522.628.040	926.602.064
15	Chi phí thuế TNDN	51		130.657.010	231.650.516
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		391.971.030	694.951.548

Người ký: PHÙNG VĂN TUYỀN

Ngày ký: 14/03/2012

CHƯƠNG 3

ĐỀ XUẤT MỘT SỐ Ý KIẾN HOÀN THIÊN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH NHẪM TĂNG CƯỜNG QUẢN LÝ TÀI CHÍNH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN THANH CHƯƠNG

3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Thanh Chương.

Nền kinh tế luôn vận động và phát triển mạnh mẽ. Những biến động của nền kinh tế thị trường ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Do đó, bên cạnh những thuận lợi, công ty phải đương đầu với không ít khó khăn do những yếu tố khách quan của thị trường và cả những yếu tố chủ quan khác tác động. Mặc dù vậy, công ty đã năng động trong việc chuyển đổi cơ chế, mạnh dạn phát triển, ngày càng khẳng định vị trí của mình trên thị trường.

Trong công tác kế toán: công ty luôn đảm bảo đúng nguyên tắc hạch toán kế toán, đặc biệt là trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Kế toán công ty đã thực hiện và áp dụng các chế độ kế toán Nhà nước một cách triệt để, đúng với yêu cầu và nguyên tắc kế toán đặt ra.

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một bộ phận của quá trình kế toán của công ty. Vì vậy, nó không ngừng đổi mới và hoàn thiện để đáp ứng yêu cầu thông tin của nhà quản lý.

3.1.1. Ưu điểm

Trong quá trình tìm hiểu các phần hành kế toán tại Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Thanh Chương, em nhận thấy công ty có những ưu điểm như sau:

➤ Về bộ máy kế toán

❖ Đối với công tác kế toán

Kế toán là một trong những công cụ quan trọng nhất của doanh nghiệp. Kế toán là một bộ phận cấu thành nên hệ thống quản lý kinh tế tài chính của công ty và là bộ phận quan trọng quyết định sự thành bại trong kinh doanh. Vì vậy, công ty nên nhận thấy vai trò của bộ máy kế toán trong việc giám sát, quản lý hoạt động kinh doanh :

-Mô hình bộ máy kế toán của công ty là kế toán tập trung. Hình thức tổ chức bộ

máy kế toán tạo điều kiện thuận lợi cho việc giám sát tại chỗ của kế toán trên văn phòng công ty.

- Bộ phận kế toán của Công ty đã không ngừng tìm tòi, hoàn thiện và nâng cao để đáp ứng nhu cầu kinh doanh ngày một đa dạng của Công ty. Đến nay, hệ thống kế toán của Công ty được tổ chức tương đối hoàn chỉnh, gọn nhẹ, nắm chắc chức năng của từng bộ phận mình quản lý.

- Bộ máy kế toán được tổ chức sắp xếp tương đối phù hợp với yêu cầu công việc và khả năng trình độ của từng người. Công ty có đội ngũ kế toán viên trẻ, nhiệt tình, làm việc với tinh thần trách nhiệm cao.

- Công tác kế toán đi vào nề nếp, các chi phí phát sinh không cao so với dự toán chi phí kế hoạch năm, do đó công tác kế toán không bị biến động lớn.

- Kế toán thường xuyên kiểm tra, đối chiếu các số liệu phát hiện những nghiệp vụ bất thường cần điều chỉnh lại, đảm bảo cung cấp thông tin chính xác cho việc xác định kết quả kinh doanh, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp trong quá trình kinh doanh.

- Khi phòng nghiệp vụ tổng hợp tìm hiểu thị trường, các đối tác dự thảo hợp đồng mua bán, phương án kinh doanh thì kế toán cũng tham gia tính chặt chẽ của phương án kinh doanh, xác định nhu cầu vốn cần sử dụng. Bên cạnh đó, kế toán cần kiểm tra tính pháp lý ghi trong điều khoản.

- Kết quả sản xuất kinh doanh của công ty năm 2011 đã phản ánh khá đầy đủ doanh thu, chi phí phát sinh theo đúng chế độ tài chính kế toán hiện hành của Nhà nước.

Như vậy, công ty đã thực hiện đúng các chế độ chế toán do BTC quy định, kịp thời sửa đổi, bổ sung theo những thông tư, chuẩn mực và luật kinh tế mới. Cuối các niên độ kế toán, kế toán đã tiến hành lập và phân tích một số chỉ tiêu tài chính quan trọng như: tỷ suất sinh lời, khả năng trả nợ của công ty... Nhằm đưa ra các biện pháp ngăn ngừa và hạn chế những hậu quả xấu xảy ra.

❖ Chứng từ, sổ sách áp dụng

- Các chứng từ sử dụng trong quá trình hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và tính pháp lý của nghiệp vụ. Các chứng từ sử dụng theo đúng mẫu của Bộ tài chính ban hành, thông tin ghi chép đầy đủ, chính xác với nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các chứng từ được lưu giữ, bảo quản cẩn thận. Tổ chức luân chuyển chứng từ hợp lý.

- Công ty áp dụng hệ thống tài khoản theo quy định của Bộ tài chính về việc áp dụng chế độ chuẩn mực kế toán mới thống nhất trên cả nước. Đồng thời, trong quá trình hạch toán công ty phản ánh một cách chi tiết, cụ thể phù hợp với yêu cầu quản lý của Công ty.

➤ **Về bộ máy quản lý**

Cơ chế thị trường thay đổi cũng là lúc Công ty gặp nhiều khó khăn về vốn, thị trường tiêu thụ nhưng với sự sáng suốt của Ban quản trị, Công ty đã năng động trong việc chuyển đổi cơ chế, mạnh dạn phát triển, đa dạng hóa mặt hàng kinh doanh, tìm kiếm bạn hàng mới... với sự nỗ lực đó của Công ty đã nhanh chóng khẳng định vị trí của mình trên thị trường, góp phần phát triển kinh tế đất nước.

3.1.2.Nhược điểm

Bên cạnh những mặt tích cực cần được phát huy thì công tác kế toán của công ty vẫn còn một số hạn chế cần được khắc phục.

❖ **Về bộ máy kế toán và công tác ghi chép sổ sách kế toán.**

- Tuy bộ máy kế toán của công ty bao gồm những người năng động, nhiệt tình nhưng do sự phân công công việc cho các nhân viên chưa phù hợp. Điều này làm ảnh hưởng đến năng suất, hiệu quả làm việc trong công ty.

- Hiện tại, công ty đang áp dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ. Công ty làm kế toán thủ công và lập chương trình kế toán trên Excel để hỗ trợ làm việc chứ không dùng phần mềm kế toán chuyên dụng nên việc xử lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh còn chậm và hay sai sót, mất nhiều thời gian, phải lập nhiều sổ, đôi khi đối chiếu còn dẫn đến nhầm lẫn.

❖ **Trích lập các khoản dự phòng**

Khách hàng của công ty là những khách hàng thường xuyên mua hàng nhiều lần nhưng lại thanh toán chậm. Nợ nhiều dẫn đến tình trạng tồn đọng vốn. Vậy mà công ty chưa tiến hành các khoản dự phòng cho số khách hàng khó đòi và hàng hóa tồn kho (dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng giảm giá hàng tồn kho) nên lường trước rủi ro trong kinh doanh. Như vậy đã làm sai nguyên tắc thận trọng của kế toán. Điều này dễ gây đột biến chi phí kinh doanh và phản ánh sai lệch kết quả kinh doanh của kỳ đó

- Chính sách thu hồi nợ và áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán

- Công ty chưa thực sự quan tâm đến chính sách thu hồi nợ, lượng nợ phải thu lớn, gây mất chủ động trong vấn đề sử dụng vốn, vòng quay vốn không được sử dụng hiệu quả, ảnh hưởng lớn đến công ty trong quá trình kinh doanh.

- Hiện tại, công ty chưa có chính sách chiết khấu thanh toán cho các khách hàng thanh toán trước hạn,... Điều này dẫn đến khách hàng chậm thanh toán, vòng quay vốn của công ty kéo dài ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh, ảnh hưởng không nhỏ đến nhỏ đến hoạt động lâu dài và phát triển bền vững mà công ty đã và đang xây dựng.

- Việc sử dụng hệ thống tài khoản.

Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Thanh Chương sử dụng TK 711 – Thu nhập khác để phản ánh lãi tiền gửi ngân hàng thay vì sử dụng tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính. Điều này không phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, và gây không ít khó khăn trong việc hạch toán kế toán tại công ty.

❖ Việc hạch toán và theo dõi chi tiết Chi phí quản lý kinh doanh

- Tại công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Thanh Chương áp dụng theo quyết định 48/ 2006 – BTC nhưng vẫn sử dụng TK 641 – Chi phí bán hàng là không phù hợp với quyết định của Bộ tài chính.

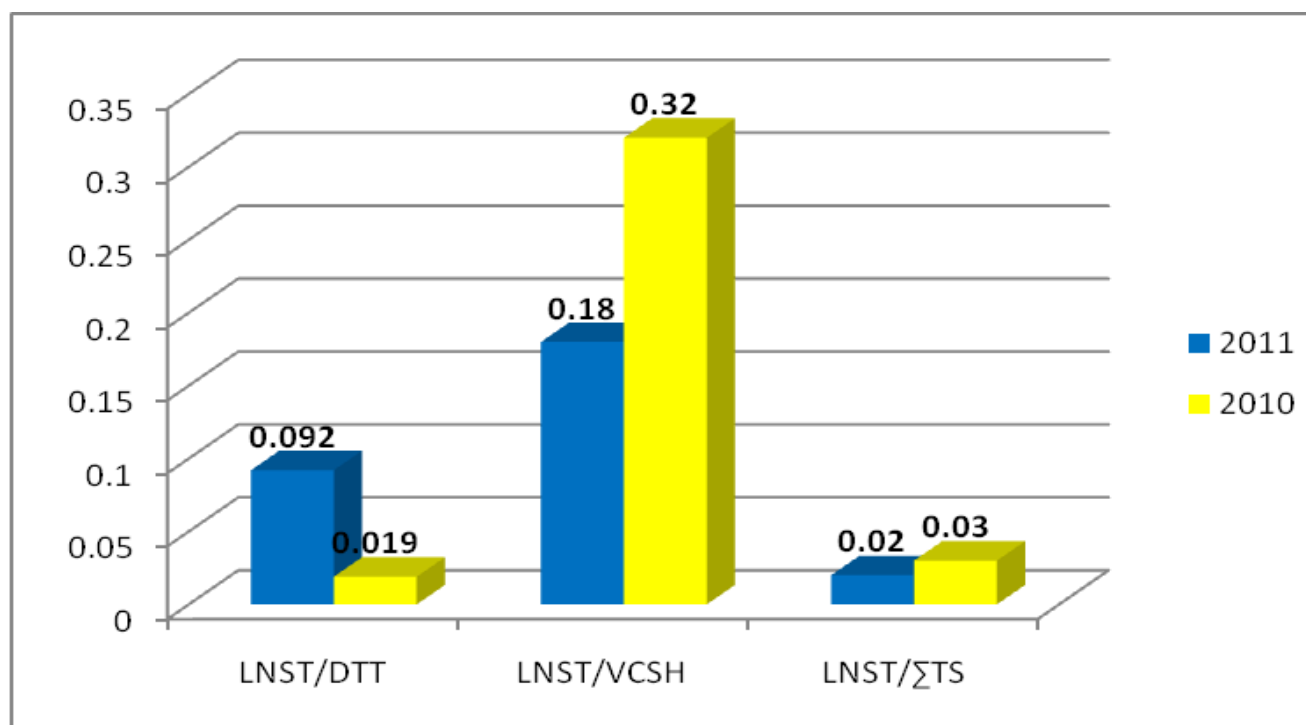
- Kế toán công ty không mở sổ theo dõi chi tiết các khoản mục chi phí liên quan ,làm cho việc theo dõi các khoản chi phí phát sinh không được chi tiết và khó khăn trong việc quản lý dẫn đến việc khó tiết kiệm được chi phí.

3.2 Phân tích, đánh giá các chỉ số trong quản lý tài chính tại công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Thanh Chương

Dựa vào Bảng báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty năm 2011, em xin phân tích các nhóm chỉ tiêu tài chính sau :

3.2.1 Nhóm chỉ tiêu khả năng sinh lời.

Chỉ tiêu khả năng sinh lời		Năm 2011		Năm 2010	
Tỷ suất LNST trên DT thuần	$= \frac{\text{LNST}}{\text{DT thuần}}$	391.971.030	$= 0.0092$	694.951.548	$= 0.019$
		42.589.964.268		35.859.066.768	
LNST trên VCSH	$= \frac{\text{LNST}}{\text{Vốn CSH}}$	391.971.030	$= 0.18$	694.951.548	$= 0.32$
		2.120.000.000		2.120.000.000	
LNST trên Tổng TS	$= \frac{\text{LNST}}{\text{Tổng TS}}$	391.971.030	$= 0.02$	694.951.548	$= 0.03$
		16.887.295.101		20.744.366.310	



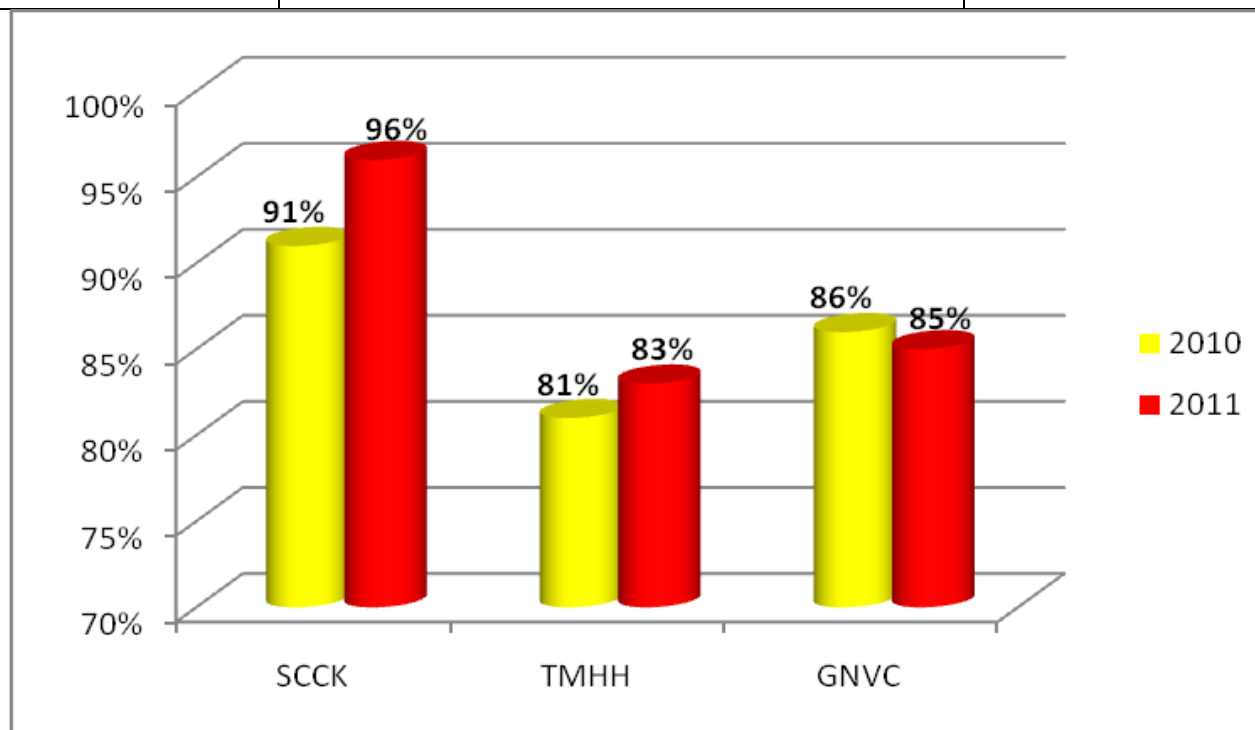
So với năm 2010, doanh thu năm 2011 tăng gần 6,7 tỷ đồng tương đương với 18,7%. Tuy nhiên, lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp năm 2011 lại giảm 0,3 tỷ so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân của sự sụt giảm lợi nhuận sau thuế là do tỷ lệ giá vốn trong doanh thu của năm 2011 chiếm tỷ lệ 87%, trong khi đó năm 2010 chiếm 84%. Hơn nữa chi phí tài chính (mà cụ thể là lãi vay) của doanh nghiệp năm 2011 tăng 50% so với cùng kỳ năm trước.

Năm 2011 cứ mỗi đồng doanh thu thuần tạo ra 0,0092 đồng lợi nhuận giảm 2 lần so với cùng kỳ năm trước. Một đồng vốn chủ tạo ra 0,18 đồng lợi nhuận năm 2011 và giảm 1,7 lần so với năm 2010. Điều này phản ánh hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp giảm, việc quản lý chi phí kinh doanh của doanh nghiệp còn nhiều thiếu sót, gây thất thoát. Ngoài ra, doanh nghiệp cũng chịu ảnh hưởng của tình hình lạm phát chung của nền kinh tế dẫn đến chi phí sử dụng vốn vay quá cao – chi phí tài chính tăng cao.

3.2.2 Nhóm chỉ tiêu tỷ lệ giá vốn trên doanh thu

$$\begin{array}{l} \text{Tỷ lệ giá vốn} \\ \text{trong doanh thu} \end{array} = \frac{\text{Giá vốn}}{\text{Doanh thu}} \times 100$$

Chỉ tiêu tỷ lệ giá vốn trong doanh thu	Năm 2011	Năm 2010
Dịch vụ sửa chữa cơ khí	$\frac{1.508.857.997}{1.575.190.973} \times 100 = 96\%$	$\frac{1.456.910.465}{1.598.929.712} \times 100 = 91\%$
Dịch vụ thương mại	$\frac{4.468.451.573}{5.405.474.620} \times 100 = 83\%$	$\frac{3.847.995.175}{4.724.847.933} \times 100 = 81\%$
Dịch vụ giao nhận vận chuyển	$\frac{197.545.740}{231.645.455} \times 100 = 85\%$	$\frac{146.838.240}{169.928.010} \times 100 = 86\%$



Thực tế cho thấy tỷ lệ giá vốn trên doanh thu của công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Thanh Chương nói chung là tương đối lớn. Cụ thể năm 2011 tỷ lệ giá vốn trên doanh thu của dịch vụ sửa chữa cơ khí là 96% và tăng 5% so với năm 2010. Cũng tương tự thì dịch vụ thương mại là 83% và tăng 2 % so với năm trước, riêng dịch vụ giao nhận vận chuyển giảm 1%.

Việc tăng tỷ lệ giá vốn trên doanh thu chịu ảnh hưởng của nhiều nguyên nhân như lạm phát, giá cả thị trường, phản ứng từ phía nhà cung ứng ... và trong đó có nguyên nhân do việc quản lý chi phí đầu vào của doanh nghiệp. Việc tỷ lệ giá vốn trên doanh thu tăng cao ảnh hưởng xấu tới việc quản lý tài chính và ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả kinh doanh của doanh nghiệp. Vậy làm thế nào để giảm được giá vốn dịch vụ ? Đây là một trong những câu hỏi khó làm đau đầu các nhà quản trị. Trên thực trạng hiện nay khi mà nền kinh tế vẫn chưa qua được khủng hoảng, lạm phát vẫn ở mức độ cao thì doanh nghiệp cần xây dựng cho mình những biện pháp cụ thể nhằm giảm chi phí đầu vào như :

- Dịch vụ sửa chữa cơ khí
- Cắt giảm chi phí nhân công (Có thể đào tạo để nâng cao tay nghề cho người lao động, hoặc cải thiện đời sống cho công nhân giúp họ nâng cao tinh thần trách nhiệm làm việc). Với biện pháp này doanh nghiệp cần xem xét yếu tố tiền công phù hợp với yêu cầu của công việc cho người lao động nhưng đồng thời cũng phải cân đối yếu tố chi phí nhằm mục đích tối đa hóa lợi nhuận.
- Giảm chi phí thu mua hàng hóa (Làm hợp đồng mua hàng dài hạn với các đơn vị cung cấp để nhận được sự ưu đãi về giá của họ và tránh được những rủi ro về việc bị ép giá trên thị trường.
- Dịch vụ thương mại

Trong việc cắt giảm giá vốn đối với dịch vụ này thì công ty cần coi trọng đến giá cả của hàng hóa mua vào và cân đối với giá bán của mình trên thị trường.

3. 3. Đề xuất một số ý kiến hoàn thiện công tác kế toán hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm tăng cường quản lý tài chính tại Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Thanh Chương.

3.3.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh .

Trong cơ chế thị trường nhiều biến động như hiện nay cùng với sự cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp thì sự thành bại của một doanh nghiệp là điều tất yếu. Doanh nghiệp muốn duy trì tốt hoạt động của mình thì phải xác định phương hướng cũng như mục tiêu để từ đó có bước phát triển mới. Muốn vậy trước hết doanh nghiệp phải hoàn thiện, không ngừng đổi mới công tác kế toán sao cho phù hợp với yêu cầu quản lý trong nền kinh tế thị trường như hiện nay. Vì kế toán trong công cuộc đổi mới không chỉ là công cụ quản lý mà trở thành bộ phận quản lý kinh tế, tài chính của doanh nghiệp. Thông qua việc lập chứng từ, kiểm tra, tính toán, ghi chép, tổng hợp các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng các phương pháp khoa học có thể biết được những thông tin một cách chính xác, kịp thời, đầy đủ về sự vận động tài sản và nguồn hình thành tài sản, góp phần bảo vệ tài sản và sử dụng tài sản hợp lý của đơn vị mình. Hơn nữa, việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh còn có ý nghĩa lớn trong việc tăng cường quản lý tài chính giúp doanh nghiệp xác định được khả năng sinh lời của vốn kinh doanh trong từng thời điểm cũng như từng bộ phận kinh doanh. Thông qua việc phân tích các chỉ số tài chính trong quá khứ doanh nghiệp sẽ lập cho mình những kế hoạch cũng như những chiến lược kinh doanh cụ thể.

Điều quan trọng đối với các doanh nghiệp thương mại là làm sao thực hiện tốt việc luân chuyển vốn trong kinh doanh, làm tăng vòng quay của vốn để từ đó duy trì tốt hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Muốn làm được điều đó thì trước hết doanh nghiệp phải thực hiện tốt khâu bán hàng vì:

- Hoàn thiện quá trình này giúp cho khối lượng công việc kế toán được giảm nhẹ, hệ thống sổ sách đơn giản, dễ ghi chép, đối chiếu, xác định chính xác thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế... tạo điều kiện cho việc lập các Báo cáo tài chính cuối kỳ, đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin kinh tế cho các đối tượng quan tâm.

- Quá trình này được hoàn thiện sẽ giúp cho việc tổ chức chứng từ ban đầu và

quá trình luân chuyển chứng từ được dễ dàng, tiết kiệm được chi phí và thời gian, tạo thuận lợi cho công tác kế toán cuối kỳ để phản ánh một cách chính xác, trung thực, đầy đủ tình hình kinh doanh của một doanh nghiệp để từ đó xác định chính xác được hiệu quả của một kỳ kinh doanh và tình hình tài chính của doanh nghiệp, đưa ra phương hướng kinh doanh cho kỳ tới.

3.2.2. Nguyên tắc của việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Để đáp ứng yêu cầu quản lý về hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp ngày càng cao thì việc hạch toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh ở Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Thanh Chương phải dựa trên những nguyên tắc sau

- Hoàn thiện phải tuân thủ hệ thống kế toán, chế độ kế toán do Nhà nước ban hành nhưng không cứng nhắc mà linh hoạt. Để đáp ứng nhu cầu về quản lý đồng bộ hoạt động kinh tế tài chính của các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế trong nước, Nhà nước ta đã xây dựng và ban hành hệ thống kế toán và chế độ kế toán. Đây là những văn bản có tính bắt buộc. Mặc dù vậy doanh nghiệp cũng cần có sự linh hoạt trong việc vận dụng chế độ kế toán để phù hợp với đặc điểm tình hình kinh doanh của công ty. Nếu doanh nghiệp thấy không phù hợp thì có kiến nghị sửa đổi, bổ sung trong khuôn khổ nhất định và có sự cho phép của cấp có thẩm quyền.

- Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty. Mỗi công ty có những đặc điểm khác nhau về tổ chức sản xuất kinh

doanh, loại hình kinh doanh và trình độ yêu cầu quản lý. Do vậy việc vận dụng hệ thống, chế độ, thể lệ tài chính kế toán trong doanh nghiệp phải hợp lý, sáng tạo, phù hợp với đặc điểm riêng của doanh nghiệp.

- Hoàn thiện trên cơ sở đáp ứng yêu cầu về thông tin phải nhanh chóng, kịp thời, chính xác phù hợp với yêu cầu quản lý của doanh nghiệp, giúp cho người quản lý nắm bắt được tình hình sản xuất kinh doanh, từ đó có quyết định đúng đắn nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh toàn doanh nghiệp.

- Hoàn thiện trên cơ sở tiết kiệm chi phí: Doanh nghiệp hoạt động với mục đích chủ yếu là lợi nhuận, lợi nhuận càng cao chứng tỏ doanh nghiệp kinh doanh có hiệu

quả, ngày càng phát triển. Do đó, không thể tách rời hoạt động của doanh nghiệp với mục đích hạch toán kinh tế.

3.3.3. Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Thanh Chương.

Qua quá trình tìm hiểu về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty, cá nhân em đã thấy được quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty có rất nhiều điểm tích cực nhưng bên cạnh đó cũng có những mặt hạn chế. Trước yêu cầu hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của Công ty cho phù hợp với chế độ của Nhà nước, đồng thời nhằm tăng cường quản lý tài chính và việc ra quyết định của các nhà quản trị, trên cơ sở những kiến thức được học và thực tế, em xin đưa ra một số ý kiến nhằm góp phần hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của Công ty cổ phần Đầu tư và phát triển Thanh Chương như sau :

Ý kiến 1 : Ứng dụng phần mềm kế toán

Đến năm 2011, công ty vẫn sử dụng kế toán máy Excel. Để tăng hiệu quả của công tác kế toán, công ty nên ứng dụng phần mềm kế toán. Công ty nên kết hợp kế toán máy Excel và phần mềm kế toán máy nhằm phát huy được những ưu điểm, hạn chế được những nhược điểm của hai hình thức.

Hiện nay, trong thời kỳ kinh tế thị trường, sự ứng dụng khoa học công nghệ đã mang lại hiệu quả kinh tế cao. Để theo kịp thời đại và áp ứng yêu cầu quản lý, công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Thanh Chương nên sử dụng phần mềm kế toán vào công tác hạch toán kế toán. Trên thị trường hiện nay, có rất nhiều các phần mềm kế toán để công ty có thể lựa chọn như: Phần mềm kế toán MISA, SMART, VACOM, SASINNOVA,.. Công ty có thể tìm thêm các đối tác để mua hoặc đặt hàng phần mềm để phù hợp với đặc điểm kinh doanh và đặc điểm bộ máy kế toán. Hiện tại, phòng kế toán đã được trang bị đầy đủ máy vi tính phục vụ công tác kế toán. Đó là điều kiện thuận lợi để ứng dụng phần mềm kế toán vào công ty. Công ty thực hiện tốt việc áp dụng phần mềm kế toán giúp cải thiện hiệu quả làm việc của công ty cho dù công ty là nhỏ hay lớn. Ngay cả những phần mềm kế toán đơn giản nhất cũng có thể mang lại điều này. Với việc thay đổi về nhu cầu quản lý tài chính của công ty, hoàn toàn có thể

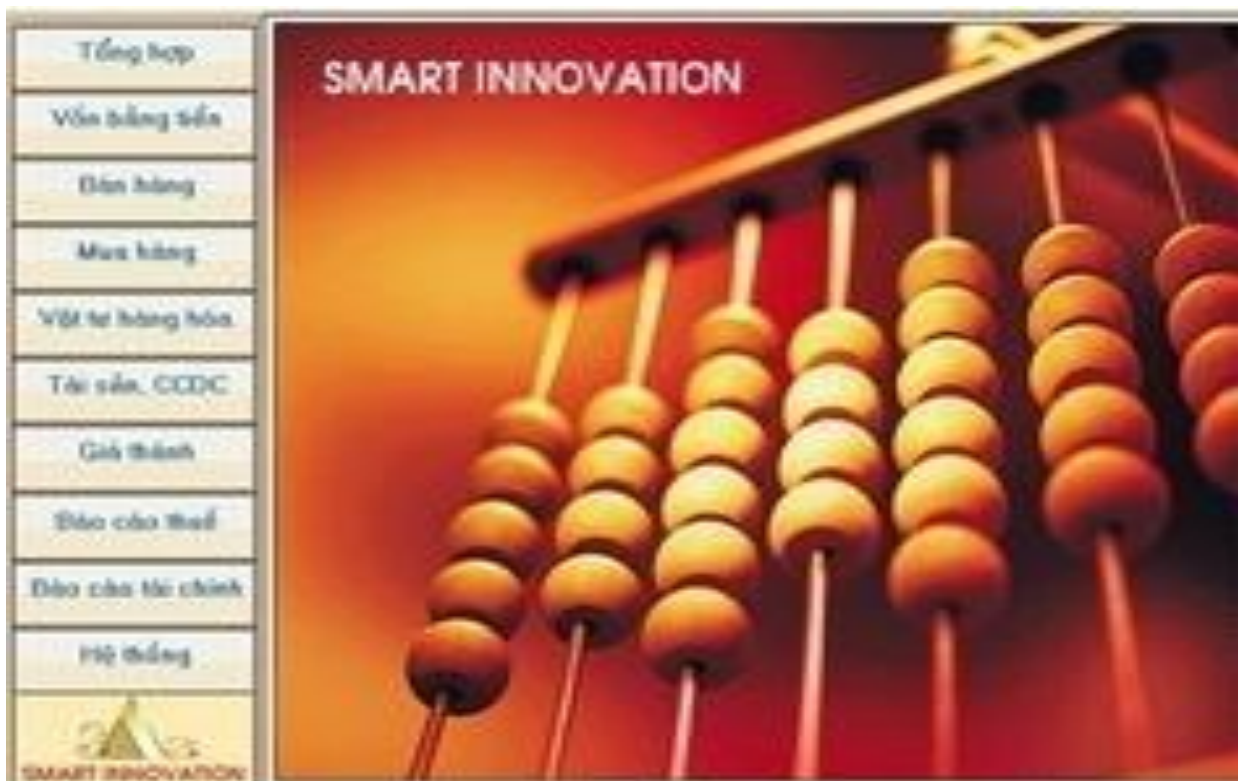
nâng cấp lên phiên bản tốt hơn hay mở rộng quy mô ứng dụng. Phần mềm kế toán giúp tối ưu hóa quá trình kinh doanh để có thể quản lý một cách đơn giản và dễ dàng hơn. Hơn nữa, nó dễ dàng chia sẻ dữ liệu cho các chương trình kinh doanh khác và thực hiện các báo cáo phục vụ cho kinh doanh. Bên cạnh đó còn giúp quản lý các đầu mục chi phí một cách hợp lý.. Từ đó, giúp tiết kiệm chi phí và nâng cao hiệu quả cho công ty.

Ví dụ : **Phần mềm kế toán SAS INNOVA** (phiên bản 6.8)

Phần mềm Quản trị Doanh nghiệp SAS INNOVA 6.8 là phiên bản mới nhất của Công ty SIS Việt Nam. Phiên bản đã được thiết kế theo quy định mới nhất của Bộ Tài chính. Với sản phẩm này người sử dụng chỉ cần cập nhật các số liệu đầu vào phát sinh chương trình sẽ tự động tính toán và đưa ra các sổ sách, báo cáo kế toán, phân tích tài chính, sản xuất kinh doanh.

Một số tính năng nổi bật nhất : người dùng chỉ việc lựa chọn giao dịch hàng ngày để thực hiện mà không cần biết định khoản, cho phép nhập dữ liệu nhanh chóng, giảm 90% thời gian với chứng từ số liệu tương tự, cho phép thực hiện các nghiệp vụ tạo và in phiếu thu tiền, phiếu xuất kho ngay trên HĐ bán hàng....

Dưới đây là giao diện làm việc của phần mềm kế toán Sas Innova :



Ý kiến 2 : Việc trích lập các khoản dự phòng

Để đảm bảo nguyên tắc thận trọng và giảm mức tối đa tổn thất về các khoản phải thu khó đòi, hạn chế những đột biến về kết quả kinh doanh trong một kỳ kế toán, công ty phải tính toán số nợ có khả năng khó đòi trước vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ hạch toán nên trích lập các khoản dự phòng cần thiết. Tùy theo trường hợp cụ thể công ty có thể kế toán các khoản dự phòng theo trình tự sau:

Cuối kỳ kế toán năm, công ty căn cứ vào các khoản phải thu được xác định là không chắc chắn thu được kế toán tính toán xác định số dự phòng phải thu khó đòi cần trích lập:

Phương pháp xác định mức dự phòng cần trích lập:

Thời gian quá hạn thanh toán	Mức dự phòng cần trích lập
6 tháng $\leq t \leq 1$ năm	30% giá trị nợ phải thu
1 năm $< t \leq 2$ năm	50% giá trị nợ phải thu
2 năm $< t \leq 3$ năm	70% giá trị nợ phải thu
Từ > 3 năm	100% giá trị nợ phải

- Nếu số dự phòng phải thu khó đòi cần trích lập năm nay lớn hơn số dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập ở cuối niên độ kế toán trước thì số chênh lệch dự phòng cần phải trích lập thêm được hạch toán :

Nợ TK 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Có TK 139: Dự phòng phải thu khó đòi

- Nếu số dự phòng phải thu khó đòi cần trích lập năm nay nhỏ hơn số dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập ở cuối niên độ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch được hoàn nhập và ghi giảm chi phí:

Nợ TK 139: Dự phòng phải thu khó đòi

Có TK 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp

- Các khoản nợ phải thu khó đòi khi xác định thực sự là không đòi được, được phép xóa nợ (Việc xóa nợ phải đúng với chế độ kế toán hiện hành) căn cứ vào quyết định xóa nợ về khoản nợ phải thu khó đòi ghi:

Nợ TK 139: Dự phòng phải thu khó đòi (Nếu đã lập dự phòng)

Nợ TK 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp (Nếu chưa lập dự phòng)

Có TK 131: Phải thu khách hàng

Hoặc: Có TK 138: Phải thu khác

Đồng thời ghi vào bên nợ TK 004 (Nợ khó đòi đã xử lý) để theo dõi thu hồi khi khách hàng nợ có điều kiện trả nợ.

- Đối với các khoản phải thu khó đòi đã được xử lý nợ nếu sau đó thu hồi được kế toán ghi:

Nợ TK 111,112: Số tiền khách trả nợ

Có TK 711: Thu nhập khác

Đồng thời ghi đơn bên có TK 004: Nợ khó đòi đã xử lý.

VD : Tình hình phải thu nợ khó đòi của công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Thanh Chương.

Khách hàng	Số tiền nợ	Thời gian quá hạn	Tỷ lệ trích dự phòng	Số tiền trích
Cty TNHH Tùng Lâm	26.922.000	4 năm	100%	26.922.000
Cty CP Phú Hải	16.890.000	26 tháng	70%	11.823.000
Cty CP Minh Trang	42.948.000	21 tháng	50%	21.474.000

Ý nghĩa của việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi là: giúp công ty đánh giá được khả năng tính toán của khách hàng, đảm bảo sự phù hợp giữa doanh thu, chi phí phát sinh trong kỳ, giúp cho tình hình tài chính của công ty không bị biến động khi phát sinh các khoản nợ không đòi được.

Ý kiến 3: Chính sách thu hồi nợ và áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán

Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Thanh Chương có số lượng khách hàng nợ lớn. Để có thể thu hồi vốn nhanh, rút ngắn vòng quay vốn thì công ty cần phải có những chính sách thu hồi nợ. Để thực hiện chính sách này một cách có hiệu quả công ty cần có những biện pháp sau :

- Công ty phải thường xuyên quan tâm đốc thúc khách hàng nợ tiền và những người liên quan tham gia sát xao vào công tác thu hồi nợ.
- Có chế độ thưởng phạt rõ ràng cho các cá nhân đạt thành tích tốt trong công tác

thu hồi nợ cũng như là không hoàn thành nhiệm vụ.

- Đưa ra những chính sách để khuyến khích khách hàng trả nợ sớm trong đó quan trọng là chính sách chiết khấu thanh toán .

Chiết khấu thanh toán là một trong những biện pháp giúp nâng cao năng lực cạnh tranh của công ty, đẩy nhanh số lượng tiêu thụ và rút ngắn vòng quay vốn, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Trong nền kinh tế thị trường đầy cạnh tranh thì đây là một yếu tố cần thiết cho sự tồn tại của công ty.

Để áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán, trước hết công ty cần xây dựng chính sách chiết khấu phù hợp. Xác định mức chiết khấu thanh toán cho khách hàng dựa trên:

- Tỷ lệ lãi vay ngân hàng
- Thời gian thanh toán tiền hàng
- Dựa vào mức chiết khấu của doanh nghiệp cùng loại
- Chính sách kinh doanh của doanh nghiệp trong từng thời kỳ cụ thể.

Sau khi xác định được mức chiết khấu hợp lý, công ty cần thực hiện việc ghi chép thông qua TK635 – Chi phí tài chính.

Thực hiện tốt các giải pháp thu hồi nợ giúp doanh nghiệp có thể thu hồi vốn nhanh chóng, rút ngắn vòng quay vốn để tái sản xuất, nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Ý kiến 4 : Việc sử dụng hệ thống tài khoản

Hiện tại công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Thanh Chương đang sử dụng TK 711- thu nhập khác để phản ánh phần lãi tiền gửi ngân hàng của công ty. Điều này là không phù hợp so với chế độ kế toán hiện hành. Công ty nên hạch toán số tiền lãi này sang TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính.

VD: Ngày 31/12/2011, nhận được giấy báo có của ngân hàng Cổ phần thương mại hàng hải Việt nam, chi nhánh hải Phòng về việc lãi số dư tài khoản của Công ty. Số tiền là 406.028 đồng.

Công ty sẽ hạch toán như sau :

Nợ TK 112: 406.028

Có TK 515 : 406.028

Căn cứ vào chứng từ gốc, kế toán tiến hành ghi vào các sổ sách có liên quan.

Ý kiến 5 : Về việc hạch toán và theo dõi Chi phí quản lý kinh doanh.

- Công ty không sử dụng TK 641 – Chi phí bán hàng cho đúng với quyết định 48/2006 – BTC. Công ty có thể sử dụng chi tiết Tài khoản như sau :

TK 6421 – Chi phí bán hàng

TK 6422 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

- Để thực hiện tốt công tác theo dõi và quản lý chi phí thì kế toán công ty nên mở chi tiết các tài khoản 6421 và 6422 như :

✓ TK 6421 có thể mở thành các tài khoản cấp 2 như :

- TK 64211 : Chi phí nhân viên bán hàng
- TK 64212 : Chi phí khấu hao TSCĐ
- TK 64214 : Chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK 64217 : Chi phí bằng tiền khác (tiền khách, hội nghị...)

✓ TK 6422 có thể mở chi tiết tài khoản cấp 2 như :

- TK 64221 : Chi phí nhân viên quản lý
- TK 64222 : Chi phí khấu hao TSCĐ
- TK 64224 : Chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK 64227 : Chi phí bằng tiền khác

Qua việc mở chi tiết các khoản chi phí trên, sẽ giúp cho công ty dễ dàng theo dõi một cách chi tiết các khoản chi phí phát sinh trong kỳ kế toán. Từ đó, giúp nhà quản trị có thể thấy những khoản chi phí nào phát sinh nhiều, vượt quá mức để có thể đưa ra những giải pháp kịp thời giúp tiết kiệm chi phí một cách hiệu quả, tránh lãng phí nâng cao lợi nhuận cho công ty.

Ví dụ : Trong tháng 12 /2011 chi phí bằng tiền khác được tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp tại công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Thanh Chương phát sinh như sau :

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

TK 64227 – Đối tượng : Chi phí bằng tiền khác

Từ ngày 1/12/2011 đến ngày 31/12/2011

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
	SH	NT			Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ					
			Số phát sinh trong kỳ					
			...					
1/12	8371	1/12	Chi tiếp khách	111	2.394.000			
13/12	5462	13/12	Chi tiếp khách	111	1.502.000			
14/12	3372	14/12	Chi tiếp khách	111	1.339.000			
			...					
			Cộng phát sinh		12.938.000			

Hải phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập
(Ký, ghi họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi họ tên)

KẾT LUẬN

Qua quá trình tìm hiểu và nghiên cứu về bộ máy kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Thanh Chương, bài nghiên cứu rút ra những ưu điểm sau :

- Bộ phận kế toán của Công ty đã không ngừng tìm tòi, hoàn thiện và nâng cao để đáp ứng nhu cầu kinh doanh ngày một đa dạng của Công ty. Đến nay, hệ thống kế toán của Công ty được tổ chức tương đối hoàn chỉnh, gọn nhẹ, nắm chắc chức năng của từng bộ phận mình quản lý.

- Các chứng từ sử dụng trong quá trình hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và tính pháp lý của nghiệp vụ. Các chứng từ sử dụng theo đúng mẫu của Bộ tài chính ban hành, thông tin ghi chép đầy đủ, chính xác với nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các chứng từ được lưu giữ, bảo quản cẩn thận. Tổ chức luân chuyển chứng từ hợp lý.

- Năng động trong việc chuyển đổi cơ chế, mạnh dạn phát triển, đa dạng hóa mặt hàng kinh doanh, tìm kiếm bạn hàng mới... với sự nỗ lực đó của Công ty đã nhanh chóng khẳng định vị trí của mình trên thị trường, góp phần phát triển kinh tế đất nước.

Bên cạnh những ưu điểm trên thì ở công ty vẫn tồn tại một số hạn chế như :

- Về bộ máy kế toán và công tác ghi chép sổ sách kế toán.

Hiện tại, công ty đang áp dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ. Công ty làm kế toán thủ công và lập chương trình kế toán trên Excel để hỗ trợ làm việc chứ không dùng phần mềm kế toán chuyên dụng nên việc xử lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh còn chậm và hay sai sót, mất nhiều thời gian, phải lập nhiều sổ, đôi khi đối chiếu còn dẫn đến nhầm lẫn.

- Trích lập các khoản dự phòng

Khách hàng của công ty là những khách hàng thường xuyên mua hàng nhiều lần nhưng lại thanh toán chậm. Nợ nhiều dẫn đến tình trạng tồn đọng vốn. Vậy mà công ty chưa tiến hành các khoản dự phòng cho số khách hàng khó đòi và hàng hóa tồn kho (dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng giảm giá hàng tồn kho) nên lường trước rủi ro trong kinh doanh. Như vậy đã làm sai nguyên tắc thận trọng của kế toán. Điều này dễ gây đột biến chi phí kinh doanh và phản ánh sai lệch kết quả kinh doanh của kỳ đó.

- Chính sách thu hồi nợ và áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán

Công ty chưa thực sự quan tâm đến chính sách thu hồi nợ, lượng nợ phải thu lớn, gây mất chủ động trong vấn đề sử dụng vốn, vòng quay vốn không được sử dụng hiệu quả, ảnh hưởng lớn đến công ty trong quá trình kinh doanh.

Hiện tại, công ty chưa có chính sách chiết khấu thanh toán cho các khách hàng thanh toán trước hạn,... Điều này dẫn đến khách hàng chậm thanh toán, vòng quay vốn của công ty kéo dài ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh, ảnh hưởng không nhỏ đến nhỏ đến hoạt động lâu dài và phát triển bền vững mà công ty đã và đang xây dựng.

Với kiến thức đã học cùng với việc tiếp cận thực tế, đề tài nghiên cứu của em đưa ra những giải pháp hoàn thiện công tác kế toán hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm tăng cường quản lý tài chính tại Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Thanh Chương như sau :

-Công ty nên áp dụng công nghệ thông tin vào công tác kế toán, cụ thể là sử dụng hình thức kế toán máy, giúp hạch toán nhanh, chính xác các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, tiết kiệm chi phí, tăng hiệu quả kinh doanh.

-Mặt khác, công ty nên sử dụng chiết khấu thanh toán đối với công tác bán hàng, điều này không những giúp thúc đẩy việc tiêu thụ hàng hóa mà còn giúp thu hồi vốn nhanh chóng, rút ngắn vòng quay vốn để tái sản xuất, nâng cao hiệu quả kinh doanh.

-Để đảm bảo nguyên tắc thận trọng và giảm mức tối đa tổn thất về các khoản phải thu khó đòi, hạn chế những đột biến về kết quả kinh doanh trong một kỳ kế toán, công ty phải tính toán số nợ có khả năng khó đòi trước vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ hạch toán nên trích lập các khoản dự phòng cần thiết. giúp công ty đánh giá được khả năng tính toán của khách hàng, đảm bảo sự phù hợp giữa doanh thu, chi phí phát sinh trong kỳ, giúp cho tình hình tài chính của công ty không bị biến động khi phát sinh các khoản nợ không đòi được.

Hải phòng ngày 20 tháng 06 năm 2012

Sinh Viên

Trần Thị Sứy

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Ngô Thế Chi. 2010. *Giáo trình kế toán tài chính*. NXB Tài chính
- [2]. Phạm Huy Đoái và Nguyễn Thanh Tùng. *Hướng dẫn thực hành kế toán doanh nghiệp*. NXB Tài chính.
- [3]. 2010. *Hệ thống kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ*. NXB Thống kê Hà Nội ban hành kèm theo quy định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
- [4]. Hệ thống Website:

Website: Webketoan.com

Website: Tapchiketoan.com
- [5]. Một số bài nghiên cứu khoa học khóa trước – Thư viện trường Đại học Dân lập Hải Phòng.